



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Phụng Hồng

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chị còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vi.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **HOA HỒNG DẶNG MẸ** (thơ Sakya Minh Quang), trang 7
- ◆ **THÔNG BACH VU LAN PL. 2561** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 8
- ◆ **SỰ HIÊU LÀM VỀ VÔ NGÃ CỦA PHẬT GIÁO** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **THƠ NGẮN, TÌNH DÀI...** (thơ Huệ Trân), trang 12
- ◆ **NHỮNG ĐIỀU ĐÁNG GHI NHỚ** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 13
- ◆ **TRÁY HỘI VU LAN** (thơ Đồng Thiện), trang 15
- ◆ **ĐỨC PHẬT VẠN NGÔI YÊN, CÒN CHANG NẾP CŨ...** (thơ Phùng Quán), trang 16
- ◆ **TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ◆ **TRẠNH LUẬN VỀ HIẾU GIỮA PHẬT GIÁO VÀ KHÔNG GIÁO** (Nguyễn Hiệp dịch), trang 18
- ◆ **MẸ, BA, CHÙA, THỜI GIAN, NÓN BÀI THƠ** (thơ Phan Văn Quán), trang 21
- ◆ **GIỚI HỌC** (HT. Thích Chơn Thiện), tr. 22
- ◆ **CHUÔNG VỌNG** (thơ Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 25
- ◆ **VEN. ERNEST HUNT** (HT. Thích Trí Chơn), trang 26
- ◆ **QUÁN CHIẾU: KHOA HỌC VÀ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI** (Dalai Lama, Tuệ Uyển – Thích Từ Đức dịch), trang 28
- ◆ **CÁC MÔN HỌC CỦA GĐPT – Lá thư đầu tuần** (GĐPTVN Trên Thế Giới), trang 30
- ◆ **CON VOI HIẾU NGHĨA – Câu chuyện dưới cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 31
- ◆ **NGƯỜI BẠN CHÂN THÀNH – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ◆ **MÔI THÙ TRUYỀN KIẾP** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 34
- ◆ **SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG, t.t.** (Nguyễn Lang), trang 35
- ◆ **KÝ THÁC, DỊ ỨNG, DIỆU ẨM** (thơ Phù Du), trang 37
- ◆ **CON ĐƯỜNG XUẤT LY** (Thích Nguyên Hùng), trang 38
- ◆ **CÔI MỘNG** (thơ Diệu Viên), trang 41
- ◆ **DU TỪ NGÂM** (Hạnh Chi), trang 42
- ◆ **PHẬT TỌA TÒA SEN XANH** (Tuệ Như), trang 47
- ◆ **RÓT NIÊM** (thơ Hoa Cát Phan Văn), trang 49
- ◆ **THÁNG BÀY TƯỢNG NHỚ NGƯỜI CHỊ CÓ CON MẮT THỨ 3** (Huỳnh Kim Quang), trang 50
- ◆ **CHÚ CÁ PHỎNG SANH** (Lam Khê), trang 52
- ◆ **PHƯỚC BẢO CỦA SỰ BẢO VỆ SANH LINH** (Thích Minh Chiêu sưu tầm), trang 54
- ◆ **CẢI BÁP** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 55
- ◆ **TRUYỀN NGÀN TRĂM LINH TÂM CHỦ** (Steven N.), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: NẤM BẢO NGƯ XÀO SẢ ỚT** (amthucchay.org), trang 57
- ◆ **TỰ DO TRONG GIÁO DỤC** (Mạnh Kim), trang 58
- ◆ **HOAN HÝ SỐNG, TÙY TỤC, TÙY DUYÊN** (Lâm Thanh Huyền – Minh Chi dịch), trang 59
- ◆ **THIỆN TẬP GIỮA TRẬN ĐÒ TÂM THỨC** (Nguyễn Giác), trang 60
- ◆ **NGHIỀNG** (thơ Chiêu Anh Nguyễn), trang 62
- ◆ **CÚ "KNOCK OUT" CỦA ANICCA** (Tô Đăng Khoa), trang 63
- ◆ **MỘT NGÀY ĐỀ NHỚ** (Thu Nguyệt), trang 65
- ◆ **STORY OF FIVE LAY-DISCIPLES** (Daw Mya Tin), trang 66
- ◆ **CON CHIM CON** (Chú Chín Cali), tr. 67
- ◆ **DÒNG CHÁY** (thơ Văn Anh), trang 68
- ◆ **TRỌN BẢY MÙA SEN** (Diệu Trang), trang 69
- ◆ **HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 7** (Võ Văn Tường), trang 72
- ◆ **BỤI ĐƯỜNG – chương 2** (Vĩnh Hào), trang 74



Báo Chánh Pháp số 70, tháng 09 năm 2017, do Niệm Phật Đường Fremont (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được húng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

BÓNG DÁNG TỰ NGÃ

Ngồi im giữa những náo động. Nghe tiếng cười giòn của bầy trẻ hàng xóm. Nghe lá khua xào xạc nơi cây bàng lẳng trước sân. Xa hơn, có tiếng xe máy rì rầm đầu đống tựa như những cơn sấm động giữa trưa hè. Chợt liên tưởng những lần trong hầm trú ẩn, nghe tiếng bích-kích-pháo xé toang màn đêm hãi hùng. Đạn bom một thời tuổi thơ trên quê hương, cho đến ngày nay, vẫn còn được thị uy trên những vùng trời và nơi chốn khác. Mãnh liệt, dữ dội hơn.

Lửa. Lửa nói huênh hoang, khiêu khích, đe dọa. Chiến tranh. Sự thịnh nộ. Ngôn ngữ và đạn bom.

Con người ở thế kỷ này sao chẳng khác con người ở những thế kỷ trước.

Thế giới ngày nay vẫn luôn bị khuấy động bởi hận thù.

Hận thù như đốm lửa. Khi lửa còn nhỏ mà không lo dập tắt, nó có thể làm cháy cả căn nhà, thậm chí đốt cả khu rừng lớn.

Hận thù là một tiềm lực mạnh mẽ, có sức công phá khủng khiếp, khôn lường.

Từ ngàn xưa, tinh thần chiến đấu của binh sĩ trong tất cả cuộc chiến (xâm lăng, hay tự vệ), đều được khích động bởi lòng hận thù.

Hận thù cũng được lợi dụng để tiến hành những cuộc cách mạng, khích động đấu tranh lật đổ các chính thể, khơi dậy những phong trào kỳ thị chủng tộc, phân biệt giai cấp, đẩy con người vào hành động bạo lực, sách nhiễu, phá hoại, đốt nhà, chém giết không gớm tay...

Người ta sẽ quyết tâm hơn, liều lĩnh hơn, bạt mạng hơn trong thù hận.

Và hậu quả của thù hận, luôn là nỗi tang thương, đau khổ, cho chính mình, và cho người khác.

Không có sự sân hận, thù hằn nào có thể mang lại an vui hạnh phúc.

Nhưng hận thù, chẳng qua cũng chỉ là mặt nổi của lòng vị kỷ, là bóng dáng của tự ngã. Ghét người khác là vì quá yêu mình mà thôi.

Tự ngã, "*cái tôi đáng ghét*" (1), rất linh hoạt và quý quyết. Nó luôn muốn được nổi trội hơn kẻ khác mới hài lòng. Khi không bằng hoặc thấp kém hơn, nó bắt đầu nhen nhúm ngọn lửa của ganh ghét, đố kỵ, và ở cấp độ sâu xa hơn, là lòng thù hận.

Khi bị người khác phát hiện, tự ngã đã lườn lách, tìm cách biểu hiện chính nó qua danh nghĩa của những tập thể, tổ chức tôn giáo, chính trị, xã hội. Nghĩa là nó tự đồng hóa nó với các tập thể ấy (2), để rồi được ca tụng như là lòng ái quốc, lòng

yêu dân, niềm hãnh diện chủng tộc, tinh thần vị tha vô ngã... Thực chất chỉ là sự núp bóng của một cái tôi nhỏ nhen dưới tàn cây tập thể rộng lớn.

Rồi dưới tàn cây của tập thể ấy, lòng thù hận được thổi bùng lên đến mức tột cùng, ở cấp lãnh đạo quốc gia, quốc tế, nghiêm nhiên thi thố năng lực của nó, gây thảm họa đau thương thống khổ cho hàng triệu người, và có thể tác động lâu dài đến đời sống của cả nhân loại.

Loài người văn minh đã kinh qua thảm họa ấy, không muốn tái diễn. Trong thế kỷ hiện đại, người ta đã dần dần thay thế lòng hận thù bằng sự khoan dung, và bằng tình thương.

Tình thương cũng là một bóng dáng khác của tự ngã—một khi vẫn còn đối tượng để yêu thương, chiếm hữu, dẫn đến lo âu, sợ hãi (3). Nhưng tình thương có thể thăng hoa, phát triển thành một năng lượng của từ tâm, trải rộng đến nhiều người khác, mà tác động của nó luôn làm tươi mát, đem lại niềm an vui hạnh phúc cho mình, cho người. Còn hận thù thì không nên làm cho phát triển, mà chỉ nên làm cho nhỏ, cho thấp xuống, cho tiêu tằm vào hư không.

Kinh nghiệm thực tế cho thấy rõ ràng: hận thù không ích lợi gì cả, không xây dựng được gì cả. Hận thù luôn là ngọn lửa phá hoại, làm ly cách con người. Chỉ có tình thương mới hàn gắn, nối kết con người lại với nhau trong trùng trùng tương quan tương duyên. Văn minh của thế giới hiện đại là hòa bình, không phải là chiến tranh, xâu xé, phân biệt.

Không có hận thù cao thượng. Không có tự ngã cao thượng.

Hận thù không làm tăng nhân cách, không nâng phẩm chất con người lên hàng thượng đẳng, tối tôn. Trái lại, hận thù chỉ khiến cho con người trở nên nhỏ mọn, bé tí, tầm thường hơn giữa những con người đang vươn lên trời cao bằng lòng thương và sự khoan hòa, bao dung.

Ngồi im. Lắng nghe đất trời chuyển mình từ tiếng ru nhẹ của tử tằm.

(1) Blaise Pascal (1623-1662), "the Self is hateful."

(2) & (3) Theo Jiddu Krishnamurti (1895-1986).

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHẬT BẢN: Hiệp hội Phật giáo Quốc tế hoan nghênh Hiệp ước Cấm Vũ khí Hạt nhân

Tokyo, Nhật Bản - Việc thông qua Hiệp ước Cấm Vũ khí Hạt nhân tại Trụ sở Liên Hiệp Quốc ở New York vào ngày 7-7-2017 đã được Hiệp hội Phật giáo Quốc tế Soka Gakkai (SGI) hoan nghênh như một bước đi lịch sử đối với nhân loại.

Hiệp ước này là kết quả của các cuộc đàm phán sâu rộng tại Liên Hiệp Quốc liên quan đến hơn 120 chính phủ và nhiều đại diện xã hội dân sự.

Năm nay đánh dấu 60 năm kể từ khi bắt đầu các hoạt động của Soka Gakkai để thúc đẩy sự bãi bỏ vũ khí hạt nhân, khi Josei Toda - chủ tịch thứ nhì của tổ chức này - đưa ra Tuyên bố Kêu gọi Bãi bỏ Vũ khí Hạt nhân vào tháng 9-1957.

SGI là một hiệp hội Phật giáo dựa vào cộng đồng với hơn 12 triệu hội viên trên khắp thế giới. Các hoạt động của hiệp hội để thúc đẩy hòa bình, truyền bá văn hóa và giáo dục là một phần của truyền thống lâu đời về chủ nghĩa nhân đạo của Phật giáo.

(PRNewswire - July 11, 2017)



Cờ và biểu trưng của Hiệp hội Phật giáo Quốc tế Soka Gakkai (SGI) — Photos: Google

ẤN ĐỘ: Số người Dalit cải đạo sang Phật giáo tại Gujarat tăng gấp 3 lần

PG Jyotikar, một trong những người Dalit (tiên dân) đầu tiên cải đạo sang Phật giáo tại Gujarat, nói rằng có khoảng 1,500 đến 1,600 người Dalit tại bang này đã theo đạo Phật kể từ vụ Una. Ông cho biết gần 500 người trong số đó đã đến Nagpur để cải đạo. Ông nói thêm rằng trước vụ Una, bang Gujarat thường có 400 đến 500 người cải đạo mỗi năm.

Vào tháng 11-2016, khi 4 người Dalit bị công khai tấn công tại Una do cáo buộc giết một con bò, số người Dalit cải đạo sang Phật giáo tại Gujarat đã tăng lên ít nhất gấp 3 lần - theo ước tính của Hiệp hội Phật giáo của Ấn Độ do Tiến sĩ Babasaheb Ambedkar thành lập.

(The Indian Express - July 11, 2017)



Một lễ cải đạo sang Phật giáo tại Ấn Độ—Photo: Javed Raja

CAM BỐT: Nông dân khai quật được một tượng Phật cổ tại Siem Reap

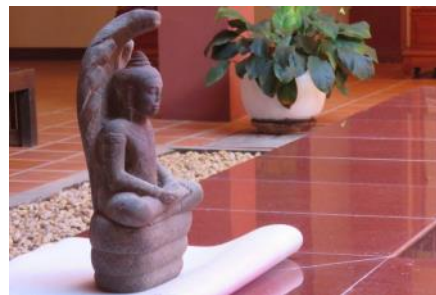
Một nông dân tỉnh Siem Reap trong khi đang cày đất cho cây trồng mới đã tìm thấy một tượng Phật phong cách Bayon bằng sa thạch, được tạo tác vào thế kỷ thứ 12 hoặc 13.

Tác phẩm điêu khắc này - miêu tả một con rắn 7 đầu vươn mình bên trên Đức Phật

ngồi - được phát hiện vào ngày 5-7-2017 tại khu Kantuot của huyện Svay Loeu và được trao cho Cơ quan Apsara, nơi quản lý việc bảo tồn Công viên Khảo cổ Angkor - một di sản thế giới của Cam Bốt.

Một chuyên gia xác nhận rằng tượng Phật nói trên được chạm trổ theo phong cách Bayon, có niên đại khoảng cuối thế kỷ 12 hoặc đầu thế kỷ 13. Pho tượng cao 59 cm và có bề ngang 18 cm này sẽ được lưu giữ tại Bảo tàng Preah Norodom Sihanouk-Angkor ở thành phố Siem Reap.

(tipitaka.net - July 12, 2017)



Tượng Phật thế kỷ 12-13 được tìm thấy tại Siem Reap, Cam Bốt—Photo: Apsara Authority

THÁI LAN: Khóa tu-hội nghị "Phật giáo và Chủ nghĩa Nhân đạo tại Á châu"

Tu sĩ Phật giáo từ khắp Á châu đã cam kết tiếp tục tăng cường các mối liên kết giữa Phật giáo và công tác nhân đạo, và cộng tác với các nhà hoạt động nhân đạo để cùng làm việc nhằm hướng đến việc mang lại hòa bình, thịnh vượng và lòng từ bi cho thế giới.

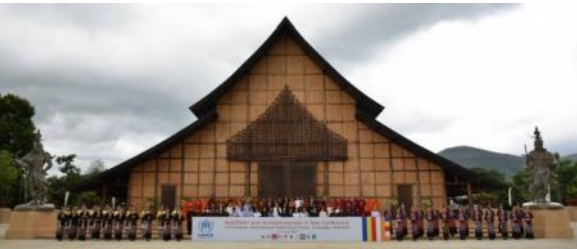
Tuyên bố được đưa ra vào cuối khóa tu-hội nghị 3 ngày mang tên "Phật giáo và Chủ nghĩa Nhân đạo tại Á châu",



do Cơ quan Tị nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR) và Quỹ Vimuttayalaya của Thái Lan đồng tổ chức, diễn ra từ ngày 7 đến 9-7-2017 ở Chiang Rai.

Hơn 500 người tham dự sự kiện này, bao gồm tu sĩ, học giả và sinh viên từ 12 quốc gia như Bangladesh, Indonesia, Nhật Bản, Lào, Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan và Việt Nam.

(tipitaka.net - July 13, 2017)



Hình ảnh Khóa tu-hội nghị "Phật giáo và Chủ nghĩa Nhân đạo tại Á châu" tại Chiang Rai, Thái Lan



Photos: uchcr.or.th

HOA KỲ: Chùa Seabrook tổ chức Lễ hội Obon thường niên lần thứ 72

Upper Deerfield, New Jersey - Lễ hội Múa Dân gian Obon năm thứ 72 đã được tổ chức tại Chùa Seabrook vào ngày 15-7-2017.

Lễ hội bao gồm thực phẩm và hàng thủ công truyền thống của Nhật Bản cùng với phần múa dân gian và đánh trống taiko phổ biến.

Sự kiện này là dịp để người Mỹ gốc Nhật chia sẻ các truyền thống của họ với khách tham quan, và cũng là một thời gian quan trọng để tôn vinh tổ tiên.

Lễ hội Obon đã được tổ chức thường niên tại chùa Seabrook kể từ năm 1945.

Khoảng 500 gia đình gốc

Nhật đã di chuyển đến khu Seabrook thuộc thị trấn Upper Deerfield trong Thế chiến II. Nhiều người tìm được việc làm tại khu Trang trại Seabrook, một trong những công ty chế biến rau củ lớn nhất thế giới vào thời điểm đó.

Năm nay cũng là năm đặc biệt vì là lần đầu tiên kể từ thập niên 1990, một cuộc hội ngộ của những người từng làm việc tại khu Trang trại Seabrook và gia đình họ đã được tổ chức.

(nj.com - July 16, 2017)



Lễ hội Obon lần thứ 72 tại chùa Seabrook (New Jersey, Hoa Kỳ)—Photo: nj.com

NHẬT BẢN: Triển lãm nghệ thuật Phật giáo Thái Lan tại Bảo tàng Quốc gia Tokyo

Bảo tàng Quốc gia Tokyo giới thiệu cuộc triển lãm mang tên "Thái Lan: Vùng đất rục rờ của Đức Phật", được trưng bày tại bảo tàng từ ngày 4-7 cho đến ngày 27-8-2017.

Triển lãm kỷ niệm 130 năm tình hữu nghị và quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản và Thái Lan. Hai nước đã nỗ lực hợp tác để tổ chức cuộc triển lãm nói trên.

Lịch sử Thái Lan tự hào về một nền văn hóa Phật giáo đa dạng và sự tạo tác những kiệt

tác mỹ thuật và nghệ thuật ứng dụng. Với tập hợp một tuyển chọn của nghệ thuật Phật giáo, cùng với các bảo vật hiếm khi được trưng bày bên ngoài Thái Lan, triển lãm giới thiệu vai trò của Phật giáo trong sự phát triển của các nền văn hóa tại đất nước này.

(tipitaka.net - July 17, 2017)



Một số hiện vật nghệ thuật Phật giáo nổi bật tại triển lãm "Thái Lan: Vùng đất rục rờ của Đức Phật" - Photos: tnm.jp

TRUNG QUỐC: Di hài của đại sư Cixian thời nhà Liêu được bảo quản tốt tại chùa Ding Hui

Wuan, Hà Bắc - Di hài từ xác ướp của một đại sư Phật giáo, với răng và xương vẫn được bảo quản tốt, đã được tặng cho chính quyền địa phương tại tỉnh Hà Bắc ở bắc Trung Quốc.

Tương truyền rằng di hài này là của Cixian Sanzang, một đại sư Phật giáo thuộc Đế chế Khiết Đan, tức Triều đại

nhà Liêu (916-1125). Đại sư Cixian Sanzang người Ấn Độ đã đến Khiết Đan và dịch nhiều kinh điển quan trọng. Khi ông viên tịch, nhục thân của ông đã được giữ trong đất và sơn.

Wu Yongqing, một bác sĩ chỉnh hình cao cấp tại Wuan, nói, "Bên dưới lớp vàng lá và tro nhang của tượng, răng hàm trên cũng như xương sườn và xương sống đã được bảo quản tốt, kể cả các khớp xương".

Chùa Ding Hui ở thị trấn Houshui đã tặng di hài nói trên cho viện bảo vệ di tích văn hóa của thành phố Wuan.

Theo Wang Wei, viện trưởng viện bảo vệ di tích văn hóa của thành phố Wuan cho biết do điều kiện bảo quản kém tại viện nên hiện thời chùa Ding Hui vẫn sẽ giữ di hài của sư Cixian.

(Big News Network - July 18, 2017)



Di hài mạ vàng của Đại sư Cixian Sanzang được quét X-quang vào đầu tháng 7, 2017 Nơi thờ Đại sư Cixian tại chùa Ding Hui



Photos: dailymail.co.uk

MÃ LAI: Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo quốc tế tại trường Đại học Phật Pháp ở Bentong

Bentong, Mã Lai - Hơn 300 người tham gia, bao gồm chư tăng và các đại diện từ 45 tổ chức Phật giáo, đã tập trung tại

khôn viên trường Đại học Phật Pháp (DBU) để dự một hội nghị thượng đỉnh quốc tế.

Diễn ra tại huyện Bentong thuộc bang Pahang của Mã Lai, Hội nghị Phật giáo Toàn cầu lần thứ nhì và Hội nghị Thượng đỉnh Tăng già Phật giáo Thế giới này đã có nhiều quan chức đến từ Tích Lan tham dự, và Bộ trưởng Bộ Giao thông Mã Lai Datuk Seri Liow Tiong Lai là khách mời danh dự.

Phát biểu sau phần khai mạc hội nghị, Bộ trưởng Liow nói rằng ông hy vọng sự kiện này cũng có thể dẫn đến các mối quan hệ hòa hợp hơn ở Mã Lai, và đề cập đến việc các phần tử cực đoan như là Nhà nước Hồi giáo (IS) bây giờ không chỉ hiện diện ở Trung Đông mà còn ở vùng Đông Nam Á nữa.

(thestar.com.my - July 23, 2017)



Bộ trưởng Bộ Giao thông Mã Lai Datuk Seri Liow Tiong Lai và chư tăng từ các nước dự hội nghị thượng đỉnh Bentong Photo: The Star

MIỄN ĐIỆN: Lũ lớn cuốn trôi ngôi chùa vàng Thiri Yadana Pylone Chantha ở Magway

Lũ lớn đã cuốn trôi một ngôi chùa vàng Phật giáo ở miền trung Miến Điện và khiến hàng chục ngàn người phải di dời.

Ngôi chùa vàng Thiri Yadana Pylone Chantha bên bờ sông Ayeyarwady bị nước lũ dữ dội cuốn đi. Sự việc xảy ra ở khu vực Magway, khiến người qua đường kinh ngạc khi chứng kiến đỉnh chùa chìm xuống nước.

Sứ trụ trì U Pyinnya Link-

kara cho biết ngôi chùa bị phá hủy vào ngày 20.7. "Ngôi chùa này được xây dựng vào năm 2009, khi nó nằm cách xa con sông", ông nói. "Qua nhiều năm, con sông làm xói mòn đất và nay chùa đã trôi xuống sông."

Sứ trụ trì cho biết lũ lụt thường xảy ra trong khu vực vào mùa mưa, kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, nhưng lũ lụt năm nay đang gây xói mòn đáng báo động. Một số làng ven sông đã bị cuốn trôi hoàn toàn, ông nói.

(Straits Times - July 25, 2017)



Ngôi chùa vàng Thiri Yadana Pylone Chantha ở Magway, Miến Điện, bị lũ cuốn trôi Photo: U Pinnya Linkara

HOA KỲ: Hiệp hội Phụ nữ Phật giáo Chùa Hilo tổ chức bán hàng gây quỹ thường niên

Hawaii, Hoa Kỳ - Hiệp hội Phụ nữ Phật giáo (BWA) Chùa Hilo tổ chức bán hàng gây quỹ thường niên tại Sảnh Tầng già ở số 4 Đại lộ Kilauea từ 7 a.m. đến trưa ngày 5-8-2017.

Karen Maedo, chủ tịch BWA và là đồng chủ tịch của sự kiện này cho biết sẽ bày bán đồ dùng nhà bếp, đồ gia dụng, sách, đồ chơi, trò chơi, hàng gia dụng, đồ gỗ, quần áo cho mọi người cùng với ví, đồ trang sức và tất cả các loại bảo vật.

Một số mặt hàng thủ công do các hội viên BWA tự may và các loại thảo mộc cũng sẽ được bán vào dịp này.

Hàng năm các hội viên của chùa và bè bạn giúp vận chuyển những mặt hàng được đóng góp cho buổi bán hàng gây quỹ của BWA. Đây là dự án lớn nhất đối với BWA và

cho phép hiệp hội thực hiện các khoản tiền đóng góp đáng kể cho các dự án nhỏ và lớn tại Chùa Hilo.

(tipitaka.net – July 27, 2017)



*Chùa Hilo (Hawaii, Hoa Kỳ)
Photo: Google*

THÁI LAN-MÃ LAI: Hai ngôi chùa được làm từ chai thủy tinh tái chế

Hai ngôi chùa ở Thái Lan và Mã Lai được làm hoàn toàn bằng chai thủy tinh, và do tính thẩm mỹ độc đáo của chúng, đã trở thành các điểm du lịch nổi tiếng và là khuôn mẫu đặc biệt về tái chế chất thải:

Chùa Pa Maha Chadi Kaew (còn gọi là Wat Lan Kuad – Chùa Triệu Chai) ở tỉnh Sisaket của Thái Lan là ngôi chùa đầu tiên dùng chai thủy tinh làm vật liệu xây dựng chính. Đến nay chư tăng tại



*Chùa Lan Kuad, Thái Lan
Photos: dailymail.co.uk & weather.com*

đây đã dùng hơn 1.5 triệu chai bia tái chế để xây 20 tòa nhà tạo thành khu phức hợp này.

Chùa Charok Padang ở bang Kedah, Mã Lai, lấy cảm hứng từ chùa Pa Maha Chadi Kaew, đã xây những cấu trúc chính của bản tự bằng chai và xi măng.

Sự khác nhau chính giữa 2 chùa nói trên là ở chỗ các tu sĩ ở chùa Charok Padang chỉ dùng những chai thủy tinh từ đồ uống không cồn.

(Buddhistdoor Global – August 1, 2017)



*Chùa Charok Padang, Mã Lai
Photos: themalay-sianinsight.com*

NHẬT BẢN: 12 nhà sư xuống hồ Biwa như một phần của nghi lễ Phật giáo hàng năm

Ngày 1-8-2017, 12 nhà sư đã nhảy từ cây đà cao 7 mét xuống hồ Biwa như một phần của nghi lễ Phật giáo hàng năm.

Diễn ra tại khuôn viên chùa Isakiji ở thành phố Omihachiman, tỉnh Shiga, nghi thức khổ hạnh này gồm việc các nhà sư từng người một nhảy xuống hồ, với hy vọng rằng hành động “liều thân” ném mình của họ xuống nước sẽ tạo nên ước nguyện của những người khác.

Nghi thức này tương truyền bắt đầu vào thời Heian, với lịch sử kéo dài

1,200 năm. Tại sự kiện của năm nay, khoảng 200 tín đồ từ chánh điện bên trên cây đà đã nhìn xuống để theo dõi các nhà sư nhảy xuống hồ.

(Mainichi – August 2, 2017)



12 nhà sư xuống hồ Biwa như một phần của nghi lễ Phật giáo hàng năm—Photo: Mainichi

ẤN ĐỘ: 2 vị thủ tướng Ấn Độ và Nhật Bản sẽ dự lễ hội Phật giáo Quốc tế và viếng các di tích Phật giáo tại Gujarat

Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và người đồng cấp Nhật Bản Shinto Abe sẽ có mặt tại Gujarat trong 3 ngày kể từ ngày 13-9-2017.

Hai vị thủ tướng sẽ khai mạc Lễ hội Phật giáo Quốc tế và tham gia một loạt các cuộc họp quan trọng để cải thiện quan hệ giữa 2 nước. Họ cũng sẽ viếng các di tích Phật giáo được khai quật gần đây tại thị trấn Vadnagar – sinh quán của ông Modj. Trước đó, 2 ông sẽ chủ trì lễ đặt viên đá đầu tiên của dự án tàu cao tốc viên đạn Ahmedabad-Mumbai.

Trong chuyến thăm lần trước, thủ tướng Abe đã đề nghị cung cấp 12 tỉ usd cho các

khoản vay mềm để xây dựng
tàu cao tốc đầu tiên của Ấn
Độ. Đối với chuyến đi lần này,
2 ông Modi và Abe sẽ tham gia
lễ khánh thành khu công
nghiệp Nhật Bản I và II. Có 15
-20 công ty lớn, vừa và nhỏ
của Nhật quan tâm đến việc
đầu tư tại Gujarat.

(TNN – August 2, 2017)



Thủ tướng Ấn Độ Modi và
người đồng cấp Nhật Bản Abe
trong lần hội kiến trước đây
Photo: TNN

MIỄN ĐIỆN: Đối thoại liên tôn giáo về hòa bình, hòa hợp và an ninh thế giới tại Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagu

Một đối thoại liên tôn giáo
về hòa bình, hòa hợp và an
ninh thế giới đã được tổ chức
tại Học viện Phật giáo Quốc tế
Sitagu từ ngày 5 đến 6-7-
2017.

Đối thoại diễn ra tại Da-
gon Myothit (Bắc) ở Yangon,
được Bộ Tôn giáo và Văn hóa
Miễn Điện triệu tập, với sự hỗ
trợ của quỹ Nhật Bản, quỹ Ấn
Độ Vivekananda và Học viện
Nghiên cứu Chiến lược và
Quốc tế Miễn Điện.

Sư trưởng viện Sitagu
nhấn mạnh rằng những người
tham dự đối thoại mặc dù khác
nhau về tôn giáo, văn hóa và
thành phần xã hội nhưng có
chung một mục tiêu là hòa
bình, ổn định và an ninh của
thế giới loài người; và rằng thế
giới hiện đại không có hòa
bình, an ninh và ổn định là do
những xung đột chính trị, sắc
tộc và tôn giáo khác nhau.

Sự kiện này có sự tham
dự của 135 lãnh đạo tôn giáo
và học giả từ 32 nước, và 120
lãnh đạo tôn giáo và học giả từ

Miễn Điện.
(Mizzima – August 7,
2017)

*Đối thoại liên tôn giáo về hòa
bình, hòa hợp và an ninh thế
giới tại Học viện Phật giáo
Quốc tế Sitagu, Miễn Điện
Photo: mizzima*



HOA HỒNG DÂNG MẸ

*Mỗi một mùa cây lá rụng vàng
Một lần khóc mẹ đón thu sang
Hoa nở áo ai màu đỏ thắm
Riêng con hoa trắng luống bẽ bàng.*

*Bẽ bàng nhớ mẹ đức cưu mang
Ấn nặng bằng non khó nghĩ bàn
Thân đã xuất gia ân chưa đáp
Thẹn lòng khi đến hội Vu Lan.*

*Vu Lan cứu khổ ở ba đàng
Ngục tối bao người mãi khóc than
Giọt nước nhàn dương ơn Bồ-tát
Lửa hồng chột tắt, hóa sen vàng.*

*Sen vàng rộ nở giữa trần gian
Con gặp mẹ xưa khắp nẻo đàng
Mẹ khác màu da và giọng nói
Mẹ vô lượng kiếp suốt thời gian.*

*Thời gian hành đạo chẳng từ nan
Ngục tối thấp lên ánh Đạo Vàng
Hoa trắng hóa hồng, hoa bất diệt
Xin dâng lên mẹ mỗi thu sang.*

thơ **SAKYA MINH-QUANG**



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM **CHÁNH VĂN PHÒNG**

704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH VU LAN PHẬT LỊCH 2561

Kính bạch chư tôn Thiên Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ Phật tử,

Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhất tâm khánh tuế chư tôn Thiên Đức Tăng, Ni thêm một tuổi Hạ sau mùa an cư và hồi hướng công năng tu tập này đến mọi loài.

Mùa Vu Lan là mùa siêu độ, giải cứu và bi mẫn. Xin chư quý liệt vị cùng Giáo Hội tâm niệm đến những điều sau đây trong mùa Đại Lễ Vu Lan Báo Hiếu năm nay.

1/ Nuôi lớn Bồ Đề Tâm để vun trồng phước báo lợi sanh. Người đệ tử Phật thường nhắc nhở mình rằng, chúng ta được sinh làm người là quý giá vô ngần nhưng kiếp người cũng chóng vô thường biến hoại. Vì vậy hãy nỗ lực hành thiện, hoằng truyền Chánh Pháp, nhiếp hóa gia đình, khai dụng Phật trí. Người đệ tử Phật nguyện thấp sáng Phật Pháp và thể hiện hình ảnh đẹp của người con Phật nơi châu lục Bắc Mỹ.

2/ Ngôi chùa là nơi nương tựa và hóa giải những bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa, gia đình trong cộng đồng Việt chúng ta. Vì vậy, chư vị Viện Chủ, Trụ Trì các ngôi tự viện hãy tổ chức tu học, các lớp Việt ngữ, Võ thuật, Ấn chay... hàng tuần để tạo duyên lành cho người Việt gặp gỡ nhau và nương tựa nhau. Giữ gìn tiếng Việt cho thế hệ con em chúng ta là trách nhiệm chung của người Việt, đặc biệt là cộng đồng Phật giáo Việt.

3/ Những dị biệt về văn hóa Việt - Mỹ giữa cha mẹ và con cái đã tạo ra nhiều bất ổn trong gia đình. Bởi thế, xin hãy thường trực quán chiếu Giáo Pháp tương quan, tương duyên, và cộng sinh, cộng tồn để giúp giảm thiểu những bất hòa ấy.

4/ Cha mẹ là ân nghĩa lớn đối với con cái. Con cái là nguồn hạnh phúc và sức sống vô bờ cho cha mẹ. Do vậy, hãy tương thuận, tương quý, và thương yêu lẫn nhau trong cuộc sống. Thật khó bảo rằng truyền thống đó đúng hay cách sống này sai giữa hai nền văn hóa khác biệt. Hãy nhìn vào cách sống chung nào dẫn tới an lành, hạnh phúc và lợi lạc cho nhau thì xin giữ gìn và phát huy mãi mãi.

5/ Cộng đồng Tăng Già nơi Bắc Mỹ ngày một lớn mạnh. Đây là nguồn năng lực của trí tuệ và phước báo. Xin hãy cùng quán chiếu và thực hiện những phương tiện thiện xảo nào làm cho nguồn năng lực này rực sáng lên để bảo tồn và phát triển nền Đạo Phật Việt còn nhiều mới mẻ và thử thách trên đường du nhập vào Bắc Mỹ.

Mùa Vu Lan xin hãy nhất tâm nghĩ về Thầy Tổ, Cha Mẹ, người thân và chân thành tri ân họ đã cho chúng ta một chỗ đứng êm ái trong trái tim của họ.

Phật Lịch 2561, California ngày 03 tháng 08 năm 2017
FM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

Chánh Văn Phòng



Sa môn Thích Thắng Hoan

SỰ HIỂU LẦM VỀ VÔ NGÃ CỦA PHẬT GIÁO

HT. Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)

2- Giá Trị Vô Ngã Xuyên Qua Bảy Đại:

Trong thời kỳ Đại Thừa, các nhà tư tưởng cao thâm của Phật Giáo trước hết dựa theo tinh thần của Ngũ Uẩn mà đức Phật khai triển đầu tiên liên quán chiếu sâu thẳm, lý giải nguyên lý của vạn pháp và loài người, có vị đứng trên lãnh vực bản thể mà lý giải, có vị đứng trên lãnh vực hiện tượng duyên sanh mà lý giải, rồi cùng nhau đưa ra nhiều triết thuyết phi phạm. Trong những triết thuyết phi phạm đó, Duy Thức Học là một khoa tâm học vô tiền khoáng hậu và môn học này bắt đầu từ nơi Thức để tìm hiểu nguồn gốc của Tâm, nhận thức được Tâm chính là thể của Thức, cho nên gọi là Tâm Thức. Theo Duy Thức Học, vạn pháp và loài người, kể cả chúng sanh hữu tình và vô tình, tất cả đều do bảy yếu tố kết hợp tạo thành. Vạn pháp và loài người nếu như thiếu một trong bảy yếu tố này không thể sanh trưởng và tồn tại, bảy yếu tố này có tên là bảy Đại. Bảy Đại gồm có: Đất, Nước, Gió, Lửa, Nghiệp Tướng, Nghiệp Lực và Thức A Lại Da. Trong bảy Đại đây, Tứ Đại (đất, nước, gió, lửa) và Thức Đại đã được giải thích rõ nơi Ngũ Uẩn; còn Nghiệp Tướng và Nghiệp Lực sau đây xin lần lượt giải thích:

a, Nghiệp Tướng là những hình tướng (forms), những mô hình kiểu mẫu (blueprint) của vạn pháp, những hình tướng này chính là hình bóng mang tánh chất ảo giác (illusions), tất cả đều có mặt trong Tâm Thức A Lại Da với danh nghĩa là chủng tử. Những nghiệp tướng đây được chia làm lai loại: hữu tình tướng và vô tình tướng.

*- Hữu Tình Tướng là chỉ cho hình tướng của các động vật và hình tướng này cũng có hai thứ: nhân tướng, chúng sanh tướng. Nhân Tướng là những hình tướng của loài người; chúng sanh tướng là những hình tướng của súc



vật như hình tượng trâu, bò, heo, gà, chó, v.v...

*- Vô Tình Tướng là những hình tướng của các thực vật và khoáng vật... Theo Phật Giáo chẳng những các động vật cho đến các thực vật và khoáng vật muốn góp mặt trong thế gian dưới bất cứ hình thức nào cũng phải có Nghiệp Tướng làm kiểu mẫu để xây dựng; nghiệp tướng nếu như không có thì vạn pháp nhất định cũng không thành hình và cũng không có sanh tử luân hồi; sự không có nghiệp tướng của vạn pháp đúng như câu Bát Nhã Tâm Kinh nói: "Thị chư pháp không tướng bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh bất tăng bất giảm," nghĩa là các pháp không

có nghiệp tướng thì không sanh không diệt không nhớ không sạch không tăng không giảm.

Chủng tử Nghiệp Tướng của các pháp chính là những hình tướng ảo giác do con người đã thả vào Tâm Thức A Lại Da qua những công trình du ngoạn, du lịch, giao tiếp thường xuyên mà họ đã sanh hoạt hằng ngày hằng tháng hằng năm, những hình ảnh đó theo Duy Thức Học đều gọi là Nghiệp Tướng. Những nghiệp tướng đây đều là những nhân tướng quan trọng không nhỏ trong việc xây dựng vạn pháp và con người hiện thành quả tướng.

b, Nghiệp Lực là những năng lực của nghiệp đã được nội kết lâu đời trong Tâm Thức A Lại Da cũng với hình thức chủng tử, những nghiệp lực này chỉ thuần túy năng lực mang tánh chất tập khí mà không có hình tướng giống như nghiệp tướng; điển hình như nghiệp tham, nghiệp sân, nghiệp si mê, v.v... chỉ biết khi chúng tác dụng lôi cuốn Tâm Thức hành động qua thân, miệng và ý mà không thấy hình tướng của chúng. Trong việc xây dựng vạn pháp và con người, chúng nó cũng là yếu tố quan trọng không thể thiếu mặt.

c, Thức A Lại Da theo Duy Thức Học là một loại tâm thức căn bản (Foundation Consciousness) và cũng là yếu tố vô cùng trọng đại

trên hai chức năng, một là tàng trữ chủng tử, hai là xây dựng vạn pháp và con người.

Về phương diện tàng trữ, Thức này có khả năng dung chứa tất cả hạt giống thiện ác của vạn pháp và con người đồng thời giữ gìn những hạt giống đó tồn tại mãi không cho biến chất cũng như không cho hư hoại để chờ cơ hội thuận duyên sanh khởi.

Về phương diện sanh khởi Thức này chuyên xây dựng tất cả các pháp và con người đồng thời duy trì sanh mạng chúng nó tồn tại để góp mặt trong thế gian. Sự thành hình, sự phát triển, sự sanh tồn của vạn pháp và con người đều do sự quyết định của Tâm Thức nói trên, nghĩa là Tâm Thức đây nếu như góp mặt thì vạn pháp và con người thì đua sanh trưởng và nếu như từ giả ra đi thì vạn pháp và con người trở thành tan hoại. Bát Thức Quy Củ Tụng cùng một tác giả, trang 84 có ghi: "Thọ huân trì chủng căn thân khí, khứ hậu lai tiên tác chủ ông," nghĩa là Thức A Lại Da thứ tám là kho tàng chứa nhóm, bảo trì hạt giống và chuyển biến sanh ra thân thể cùng thế giới. Nó từ giả ra đi thì đi sau, nó đến làm việc thì đến trước, nó theo nghiệp lực và làm chủ tất cả mọi việc để chịu quả báo. Sự sinh hoạt của Thức A lại Da thứ tám quan trọng như thế nào sau đây sẽ giải thích rõ hơn.

c, Nguyên Nhân Có Tự Ngã: Như trước đã trình bày, Kiến Phần Thức A Lại Da thứ tám cũng giống như Thức Thể của nó chỉ là một năng lượng không có hình tướng và Kiến Phần Thức này khi tác dụng chun vào nghiệp tướng, thí dụ như nghiệp tướng con người thì trở thành hình tướng con người.

Kiến Phần Thức này khi ở trong nghiệp tướng con người bị Kiến Phần Thức Mạt Na thứ bảy dựa theo nghiệp tướng đó chấp làm Tự Ngã cho mình để bảo vệ sanh mạng con người hiện hữu nói trên phát triển theo luật nhân quả và giúp Kiến Phần Ý Thức thứ sáu của họ cảm thọ quả báo khổ vui mà chính kiếp trước Ý Thức thứ sáu của họ trực tiếp điều khiển chỉ đạo thân và miệng nơi họ hành động nói năng theo những nghiệp nhân thiện ác. Thực ra Tự Ngã của Kiến Phần Thức A Lại Da thứ tám và Kiến Phần Thức Mạt Na thứ bảy trong con người trong chúng sanh hữu tình không có vấn đề cảm thọ quả báo khổ vui giống như Kiến Phần Ý Thức thứ sáu. Để chứng minh điều đó, chúng ta hãy khảo sát một bệnh nhân bị chụp thuốc mê để giải phẫu, một bệnh nhân bị ruột dư cần phải mổ, Bác Sĩ trước khi mổ liền chụp thuốc mê nốt Ý Thức thứ sáu của bệnh nhân không cho sinh hoạt để bệnh nhân không còn cảm thọ đau khổ trong lúc mổ ruột. Khi mổ ruột xong, thuốc mê không còn tác dụng nữa thì lúc đó Ý Thức thứ sáu của bệnh nhân sinh hoạt trở lại liền cảm thọ đau khổ hoành hành thể xác.

Trường hợp thứ hai, Kiến Phần Mạt Na thứ bảy nơi các chúng sanh vô tình (nơi các thực vật...) vẫn chấp Kiến Phần Thức A Lại Da thứ tám trong nghiệp tướng của chúng làm Tự Ngã

để bảo vệ sanh mạng của chúng hiện hữu và phát triển theo luật nhân quả; các chúng sanh vô tình vì không có Ý Thức thứ sáu hiện hữu cho nên không có cảm thọ khổ lạc giống như con người. Các chúng sanh vô tình chỉ có xúc thọ để nảy nở và phát triển thành hoa trái mà không có cảm thọ theo cảm tính khổ lạc. Thí dụ như Thức Mạt Na thứ bảy nơi cỏ cây, v.v... chấp Kiến Phần Thức A Lại Da thứ tám trong nghiệp tướng của chúng làm Tự Ngã để điều khiển cỏ cây nảy nở và phát triển thành hoa trái; cỏ cây vì không có Ý Thức thứ sáu hiện hữu cho nên không có cảm thọ khổ lạc giống như sự cảm thọ của con người.

Đúng ra, Kiến Phần Thức Mạt Na thứ bảy chấp Kiến Phần Tự Ngã của Thức A Lại Da thứ tám trên tinh thần trung tính gọi là bản năng tự vệ không bị nghiệp lực ái kiến điều khiển cho nên khi sinh hoạt không có vấn đề ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái chỉ đạo. Trường hợp này chúng ta thấy rõ sự nảy nở và phát triển thành hoa trái của các chúng sanh vô tình như cỏ cây, v.v... đã được trình bày trên. Riêng con người một trong các chúng sanh hữu tình, Ý Thức thứ sáu của họ đã bị nghiệp lực ái kiến trực tiếp chỉ đạo hành động đam mê chấp ngã kiến cố cho nên mới có hiện tượng ngã si, ngã ái, ngã mạn, ngã kiến điều khiển tạo nghiệp và những nghiệp do Ý Thức thứ sáu chỉ đạo gây tạo được gọi là Ý Nghiệp.

Có thể khẳng định rằng yếu tố khiến cho Tự Ngã hiện hữu thành hình để cho Thức Mạt Na chấp chính là Nghiệp Tướng thường gọi là Ngã Tướng một trong bốn Tướng (Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng) mà không phải Kiến Phần Thức A Lại Da thứ tám riêng có Tự Tướng để chấp làm Tự Ngã.

Thật ra Tự Ngã của con người do Thức Mạt Na thứ bảy chấp trước hoàn toàn không có vấn đề ký ức và cảm thọ khổ lạc mà chỉ có Ý Thức thứ sáu mới có ký ức và cảm thọ. Hơn nữa Ý Thức thứ sáu của con người không sinh hoại liên tục suốt cuộc đời giống như Tự Ngã và Thức Mạt Na thứ bảy; trong hai mươi bốn giờ đồng hồ ngày đêm, Ý Thức con người chỉ có mặt và sinh hoạt mười hai tiếng thuộc về ban ngày và khi con người đậu thai, Tự Ngã của họ có mặt trước khi Ý Thức thứ sáu có mặt, đồng thời Ý Thức thứ sáu bị lệ thuộc nơi sanh mạng con người trong thời kỳ nảy nở phát triển giống như Ý Thức của đứa trẻ sơ sanh.

IV.- TỰ NGÃ QUAN HỆ LUÂN HỒI:

Như trên đã giải thích Tự Ngã không phải hình tướng cố định và luôn luôn biến đổi theo nghiệp tướng, nghĩa là Tự Ngã con người có thể biến đổi hình tướng để trở thành Tự Ngã hình tướng ngạ quỷ hay hình tướng súc sanh, v.v... theo nghiệp tướng của ngạ quỷ hay nghiệp tướng của súc sanh, v.v... Đó là Tự Ngã quan hệ luân hồi theo nhân quả nghiệp báo để cảm thọ quả báo khổ vui. Hình tướng ngạ quỷ giống như hình tướng Tiêu Diện của các chùa thường

thờ mà người Việt Nam ai cũng đều biết. Theo Kinh Phật giải thích, Bồ Tát Quán Thế Âm hoá thân thành Tự Ngã với hình tướng ngạ quỷ (hình tướng Tiêu Diện) để độ các oan hồn uổng tử ở cõi âm mà người đời thường gọi là cô hồn. Tại sao Tự Ngã phải biến đổi hình tướng để bị luân hồi?

A,- Tự Ngã Luân Hồi Theo Luật Nhân Quả:

Theo luật nhân quả luân hồi, chúng ta khi còn sanh tiền tạo những nhân thiện ác nào thì sau khi xả bỏ thân mạng Tự Ngã bị nghiệp lực thiện ác dẫn dắt đến cảnh giới tốt xấu để thọ lấy quả báo khổ vui không bao giờ sai trái, như con người kiếp này tạo nhân phước lành thì luân hồi đến cảnh giới giàu sang sung sướng, thân hình cao sang tốt đẹp, tạo nhân tội ác thì luân hồi đến cảnh giới nghèo hèn, thân hình xấu xa tàn tật, v.v... Theo Phật Học Phổ Thông Khóa II của Hoà Thượng Thích Thiện Hoa, trang 63 giải thích:

Sau đây là những cảnh giới mà một chúng sanh có thể bị hay được nhập vào, tùy theo nghiệp nhân mà họ đã tạo:

1.- Địa Ngục: Tạo nhân sân hận, độc ác làm nhiều điều tội lỗi vừa hại mình vừa hại người, phải luân hồi vào địa ngục, chịu đủ điều khổ sở.

2.- Ngạ Quỷ: Nhân tạo tham lam, bòn sẻn, không biết bố thí, giúp đỡ người... mưu sâu kế độc để cướp đoạt của người, sau khi chết, luân hồi làm ngạ quỷ.

3.- Súc Sanh: Tạo nhân si mê, sa đoạ theo thất tình, lục dục, tử sắc, tài khí... chết rồi, luân hồi làm súc sanh.

4.- A Tu La: Gặp việc nhân nghĩa thì làm, gặp việc sái quấy cũng không tránh, vừa cang trực mà cũng vừa độc ác... tánh tình hung hăng, nóng nảy... tà kiến, si mê, tin theo tà giáo. Tạo nhân như vậy, kết quả sẽ luân hồi làm A Tu La, gặp vui sướng cũng có, mà buồn khổ cũng nhiều.

5.- Loài Người: Tu nhân ngũ giới: Không sát hại, không trộm cướp, không tà dâm, không dối trá, không rượu trà say sưa, thì đời sau trở lại làm người, cao quý hơn muôn vật.

6.- Cõi Trời: Bỏ mười điều ác tu chơn thật thiện thì sau khi chết, được sanh lên cõi trời. Nhưng nên nhớ cõi trời này cũng còn ở trong vòng phàm tục, chịu cảnh sanh tử luân hồi.

Trong sáu cảnh giới đây có ba cảnh giới mà trong kinh Phật thường gọi là Tam Đờ nghĩa là ba đường dữ. Riêng cảnh giới Địa Ngục so sánh với cảnh giới tù tội của trần gian mà chúng ta đang sống thì giống nhau đúng với câu châm ngôn: "Dương gian âm phủ đồng

nhất lý," nghĩa là dương gian và âm phủ giống nhau nguyên lý; đại ý câu này nói rằng, dương gian có trại giam thì cõi âm cũng có Địa Ngục, cả hai nơi nguyên lý hành tội đều không khác nhau. Theo Kinh Địa Tạng trình bày cảnh giới Địa Ngục là cảnh giới hành hạ chúng sanh trong đó vô vàn đau khổ không thể kể được. Còn cảnh giới A Tu La thứ tư có hai loại chúng sanh: Thiên A Tu La và Nhân A Tu La, cả hai loại này trong các kinh thường kể là hạng hung tàn bạo ngược thường gây chiến tranh chém giết tàn sát không gớm tay cho nên gọi hạng này là A Tu La.

B.- Điều Kiện Biến Tướng Của Tự Ngã:

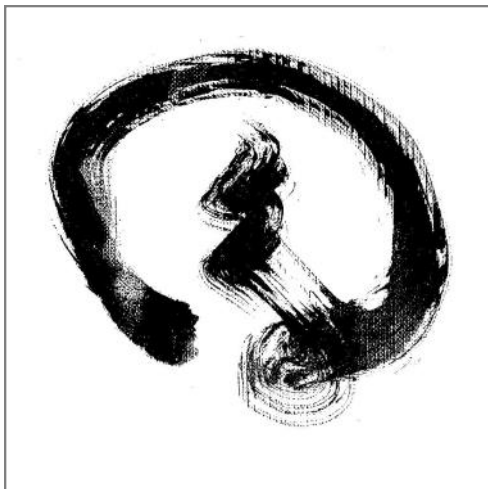
Điều kiện khiến cho Tự Ngã biến tướng là do nghiệp lực của Tự Ngã đó quyết định, nghĩa là Tự Ngã biến tướng có khi nhanh trong một sát na, có khi chậm trong bảy ngày, có khi mười bốn ngày, có khi hai mươi một ngày, có khi hai mươi tám ngày, có khi ba mươi lăm ngày, có khi bốn mươi hai ngày và cuối cùng là bốn mươi chín ngày, nói cách khác Tự Ngã phải trải qua bảy tuần lễ biến tướng để định nghiệp cho kiếp sau và tuần lễ cuối cùng thường gọi là Chung Thất, nguyên vì cõi Trung

Giới là cõi trung gian chuyển tiếp để định nghiệp luân hồi vào sáu cõi nói trên và cõi này chỉ giới hạn tối đa trong vòng bốn mươi chín ngày là điều kiện cuối cùng không được kéo dài thời gian hơn. Định Nghiệp nghĩa là do nghiệp quyết định sự sống chết và sự luân hồi của một sinh mạng con người, vì ý nghĩa đó cho nên có chỗ gọi là Duy Nghiệp không sai với nguyên lý. Muốn biết rõ điều kiện biến tướng của Tự Ngã con người như thế nào hãy xem lại quyển "Liễu Sanh Thoát Tử" của dịch giả Hoà Thượng Thích Quang Phú, Ấn Quán Sen Trắng tái bản năm 1979 và quyển "Chết An Lạc & Tái Sanh Hoan Hỷ" của tác giả Đại Sư Tulku Thondup Rinpoche, do HT Thích Như Điển và TT Thích Nguyên Tạng dịch ra Việt Ngữ. Trong hai tác phẩm này trình bày tường tận hơn nguyên lý chuyển tiếp của Tự Ngã trong Trung Giới. Tại sao sự biến tướng của Tự Ngã lại do nghiệp lực quyết định?

Theo Duy Thức Học có bài kệ nói lên con người sau khi chết Thần Thức (Kiến Phần Thức A Lại Da) đi đâu thai vào đâu, bài kệ đó như sau:

*Đảnh Thánh, Nhãn sanh Thiên,
Nhân tâm, Ngạ Quỷ phúc (bụng),
Bàng Sanh (súc sanh) tất cả lý,
Địa Ngục cước tâm xuất.*

(còn tiếp một kỳ)



THƠ NGẮN, TÌNH DÀI...

CHO

Tôi học để biết cho
Không đợi khi giàu có
Hạnh phúc là sót chia
Trước cảnh đời khôn khó.

NHẬN

Người nào biết cách cho
Đã là đang nhận lại
Vì kho báu an vui
Ngay nơi tâm từ ái.

ƠN

Mênh mông trời Bát Nhã
Vô lượng cả bao dung
Ơn Thầy khai giới tuệ
Đệ tử nguyện ghi lòng.

HON

Chứng tỏ ta hơn người
Cũng chưa đáng nói chi!
Ta hơn ta hôm qua
Mới là chân giá trị.

QUA

Bao năm tháng đã qua
Dòng sông xưa vẫn chảy
Thuyền dâu tách bến xa
Cáo thom còn lưu lại.

HẠNH PHÚC

Hạnh phúc thật sự
Chỉ có thể đạt
Khi tránh khổ đau
Gây cho kẻ khác

ĂN CHAY

Ăn chay là nguyện
Tôn trọng muôn loài
Cùng nghiệp sanh tử
Nào ai khác ai?

RÀNG BUỘC

Tất cả mọi ràng buộc
Đều dẫn tới khổ đau
Buông bỏ trong tinh thức
Là an lạc nhiệm mầu.



ĐỤC, TRONG

Mãi hòa vào ngẫu đục
Biết bao giờ mới trong?
Dừng tâm mê xoáy động
Hiện tiền trời mênh mông.

DỨT

Cúi hết, lừa tắt
Dứt nghiệp đến, đi
Niết-bàn tùy hiện
Hữu vi, vô vi.

THỰC HÀNH

Môn học làm người
Học hoài không hết
Sao không thực hành
Những điều tạm biết?

THAM

Trái đất đủ thực phẩm
Nuôi khắp nhân loại này
Nhưng dường chẳng thể đủ
Nuôi lòng tham không đáy!

NGỒI XUỐNG

Ngồi xuống! Ngồi xuống!
Đổi vách, đổi tâm
Không động, không tĩnh
Không chờ, không mong
Chỉ là ngồi xuống
Nhu mây thông dong
Chỉ là ngồi xuống
Rời tâm thấy tâm.

Tổ Đạt Ma

Cửu niên điện bích
Tĩnh lặng vô ngôn
Cửa động tuyết phủ
Huệ-Khả tay dâng
Tâm an vốn sẵn,
Tâm nào cầu mong?
Chỉ cần tĩnh thức
Quay vào bên trong.

thơ

HUỆ TRẦN

(Tào Khê tịnh thất – những ngày tịnh tu)

NHỮNG ĐIỀU ĐÁNG GHI NHỚ...

Điều Ngự Tử Tín Nghĩa

1.- Vài điểm nổi bật của Khóa Tu Học Bắc Mỹ năm thứ Bảy

Khóa tu học Phật pháp Bắc Mỹ lần thứ Bảy, được tổ chức chu đáo tại thành phố Chicago, tiểu bang Illinois. Quý thành viên của hai Giáo hội Hoa Kỳ và Canada đều có mặt để chung lo.

Điều đáng chú ý và tán dương là Ni sư Nguyên Thiện, đương kim Trưởng ban Tổ chức cùng chư Ni chúng thuộc ban đã hết lòng lo cho Khóa Tu Học đến thành công viên mãn.

Sự thành công không chỉ trong những ngày tu học diễn ra tại Chicago, mà nó đã thành công trong bước đầu Ni sư Nguyên Thiện và Chư ni cùng đồng hành mà Giáo hội giao phó.

Sau khi đứng ra nhận lãnh trách nhiệm, bốn chúng tôi gồm: Hòa thượng Nguyên Trí, Hòa thượng Đồng Tuyên (*Thái Siêu*), Hòa thượng Nguyên Siêu và chúng tôi (*Tín Nghĩa*) đều theo dõi về mọi chương trình.

Hòa thượng Nguyên Siêu, Hòa thượng Nguyên Trí và chúng tôi thì theo dõi và hướng dẫn chọn địa điểm, bổ túc nhân sự để tổ chức. Phải nói tuy Hòa thượng Nguyên Siêu khổ sở hơn chúng tôi, nhưng Ni sư Nguyên Thiện, Ni sư Giới Định và quý Sư cô Tánh Lạc, Trung Triết, Thiện Ngọc, Chúc Hoàng, Thiện Tâm,... và thầy Nhật Thiện (*cháu gọi Ni sư Nguyên Thiện bằng dì*) mới là những người chịu đựng hơn cả kể từ khi nhận lãnh trách nhiệm cho đến ngày bế mạc khóa học. Năm này, Ban tổ chức chọn địa điểm tại Chicago là thuận lợi và thành tựu về mọi mặt. Thành tựu nhất là quy tụ Học viên những tiểu bang phụ cận Chicago đến tu học đông đảo nhất và cũng là thời điểm đem chuông đến đánh xứ người đúng kế hoạch là trao truyền Giáo pháp của Phật mà xưa nay ở những vùng này chỉ nghe những âm ba như: Khóa Tu Học Bắc Mỹ, Nguyệt san Chánh Pháp, quý Tôn Đức trong Giáo hội, v.v... mà bây giờ mới thực sự diện kiến. Đồng thời, ngoài chư Tôn Đức trưởng thượng còn có một số lớn Tăng Ni trẻ về tham gia, thậm dự khóa tu cũng là đài gương sáng làm mẫu mực cho hàng Phật tử tại gia tin tưởng. Hy vọng trong những khóa học tới chư Tăng Ni trẻ cố gắng thêm và dẫn thân nhiều hơn lên. Đạo pháp đang cần quý vị. Mong thay.

Cái thành tựu đặc biệt này như Ni sư Nguyên Thiện và Ni chúng không quản ngại

thân nữ yếu đuối, tự đích thân lái xe bất kể ngày đêm đến tận những ngôi chùa trong 11 tiểu bang không kể mưa gió, tuyết phủ đầy đường để cổ vũ chương trình và sự lợi ích của khóa tu. Có lúc tuyết phủ bốn bề không thể đến tá túc vào một ngôi chùa nào đó, cũng không thân quen một vài gia đình người Việt trú ngụ vùng này; quý chị em đành lòng vào tạm nghỉ nơi công cộng (*Rest Area*) dùng cho những người đi xuyên bang thường dùng để đợi trời sáng, rồi tiếp tục hành trình.

Một thành tựu khá đặc biệt là: Những ngôi chùa sở tại đều hoan hỷ ủng hộ. Tuy nhiên, nổi bật nhất là Thượng tọa Thích Minh Hạnh, Viện chủ chùa Quang Minh, Tổng vụ phó Tổng vụ Giáo dục của Giáo hội cùng một đội ngũ trai soạn của chùa với sự tận tâm lo lắng trong vấn đề ẩm thực mà đa phần là quý Sư cô chùa Đại Bi từ Santa Ana (CA) lên đây thật sớm để lo liệu mọi chuyện. Đội ngũ này vừa đi chợ, vừa nấu nướng, vừa vận chuyển thế nào để ban phục dịch tại khách sạn bung dọn đúng giờ. Đại thể chúng tôi ghi nhận quý sư cô như: Chơn Hương (*Thủ vai chính*) Chơn Như, Chơn Mỹ, Chơn Phương, Chơn Tuyên, Chơn Hải, Tịnh Hoa, Minh Chiêu,... một số lớn là đệ tử của Sư bà Như Tịnh (*quê quán Quảng Trị*).

Điều đáng ghi nhận ở đây, chúng tôi thấy chưa có một khách sạn nào cho mượn nhà bếp và nhân viên bung dọn thức ăn chu toàn dưới sự phối hợp đẹp đẽ của sư cô Thiện Nghiêm. Càng đặc biệt hơn nữa là những vị này, nam cũng như nữ trên tay đang bung mâm thức ăn,



Hai thầy trò sau 10 năm gặp lại

nghe chư Tăng và Đại chúng niệm Phật họ cũng im lặng và đứng yên tại chỗ đợi đến lúc niệm Phật xong họ mới tiếp tục làm việc. Lúc hồi hướng cũng vậy.

Ban tổ chức Khóa Tu Học Bắc Mỹ năm thứ bảy, nhờ tận tâm tận lực, không quản gian lao khổ cực để vận động vào lòng quần chúng Phật tử trong 11 tiểu bang này, nên số Học viên tăng lên đông và biết đến uy tín chư Tôn đức Tăng ni trong hai Giáo hội, đặc biệt là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ cũng như sự tu học của khóa ra làm sao. Quý vị có biết cho rằng một vị ni trẻ (*Sư cô Thiên Ngọc*), tự thân lái xe suốt cả hai ba ngày đường, dưới làn mưa, chở tôn tượng Đức Bốn Sư tử San Jose về đến tận Chicago để trang trí lễ đài cho Đại chúng có nơi bái sám và hành thiền trong suốt khóa tu.



Riêng Hòa thượng Đồng Tuyên thì tận lực lo phần giáo dục cũng không nhỏ, phân bổ chương trình cho các lớp vừa xuất gia vừa tại gia cũng vuông tròn.

Có lẽ, từ chư Tôn Đức đến quý Phật tử hữu tâm theo sát phục vụ tổ chức từ khóa Một cho đến khóa Sáu, cũng rút tỉa nhiều kinh nghiệm để lo cho khóa Bảy nổi bật hơn lên. Đây là một dấu ấn khá đặc biệt.

Một vị MC của Giáo hội, đó là Đại đức Thích Hạnh Tuệ, điều động giờ khắc sinh hoạt của khóa học rất chu đáo, sít sao. Không những thầy chỉ làm MC cho khóa học mà những chương trình của Giáo hội như Phật đàn, Đại hội, An cư Kết hạ cũng tốt đẹp lạ thường. Một vị phân chia phòng ngủ cho Khóa học khá vất vả và là cư sĩ Viên Minh, về từ San Antonio (TX). Bảy khóa học, cô ta chỉ vắng mặt hai khóa. Khóa thứ bảy này có vẻ khó khăn hơn, nhưng cô vẫn âm thầm tận tụy, lúc nào chịu hết nổi thì cầu cứu đến Hòa thượng Nguyên Siêu và chúng tôi. Giáo hội tán dương công đức của thầy Hạnh Tuệ và cư sĩ Viên Minh đó nghe.

2.- Đệ Tử Tý Hon Sau 10 Năm Gặp Lại

Chính nhờ khóa học này mà tôi được gặp lại vị đệ tử tý hon sau mười năm.

Số là năm Đinh Hợi - 2007, tôi lên chùa

Phật Bảo, gần phi trường O'Hair để thuyết giảng Đại lễ Phật đàn 2551. Và, cứ mỗi hằng năm như thế, khi thì Phật đàn, khi thì Vu lan hay Rằm tháng mười đều có mặt. Từ năm 2011 trở về sau này, chúng tôi không còn lên nữa, vì lý do Phật sự bề bộn không đủ thì giờ; và lại, chùa đã có vị trú trì lo liệu. Chuyện này trở lại, chùa Phật Bảo có những thay đổi đẹp, gọn gàng đáng kể. Những Đại lễ như thế, chúng tôi cũng làm lễ quy y cho một số Phật tử phát nguyện làm đệ tử của Phật.

Khóa tu học này, có hai vị Phật tử nhỏ chị em bạn dì với nhau hay quấn quýt bên chúng tôi trước khi tôi phát hiện cô em lại là đệ tử.

Ngày Chủ nhật, 30-07-2017, là ngày kết thúc chương trình tu học. Đứng ngộ, cúng dường trai tăng. Trong lúc ban Ban Tổ Chức và hàng Phật tử phát tâm tuần tự cúng dường phẩm vật và tịnh tài lên chư Tôn Đức, một cô bé tý hon mặc bộ đồ nâu cũng từ từ cầm một xấp bao thư đi cúng như ban tổ chức vậy. Cô ta cúng đến bàn cuối cùng thì thiếu mất ba vị. Cô liền chạy về mẹ và các dì khóc, kiện. Mẹ cô lật đật tìm cách trao cho cô ba bì thư và chạy lên dâng cúng những vị còn thiếu. Tôi nhìn nó và thưa với Hòa thượng Nguyên Trí rằng: con nhà ai dễ thương quá, nó cúng thiếu, chạy về xin mẹ lên cúng tiếp. Hai chúng tôi tương đồng với nụ cười thương mến về nó.

Lễ cúng dường trai tăng xong, chư Tôn Đức và Đại chúng cũng bắt đầu rời ghế. Đi trước Thượng tọa Minh Quang hỏi cô bé, con đệ tử ai? Nó trả lời sao thì không rõ, nhưng tôi chỉ nghe Thượng tọa Minh Quang bảo: Đệ tử Phật là tốt rồi.

Thầy Minh Quang vừa đi qua, tôi trở tới và hỏi:

- Con tên gì?

Nó bảo:

- Con tên là Angela.

- Pháp danh của con là gì?

Người mẹ đứng đằng sau thưa :

- Pháp danh của cháu là Quảng Đàm Quyên.

Nghe đến đây, tôi bèn đứng suy nghĩ một hồi. Tự hỏi không lý, lại có sự trùng hợp đặc biệt như thế này sao? Vì, một số chư Tôn Đức thuộc Liễu Quán pháp phái, nếu là hàng chữ Nguyên thì cho đệ tử là hàng chữ Quảng. Nhưng Tôn Đức hiện đang hành hoạt ở hải ngoại thuộc cùng môn phái quá đông, nên hay dùng chữ Quảng đứng đầu, còn hai chữ sau tùy duyên của vị bốn sư truyền giới. Tôi lấy hai chữ Từ Đàm để đặt pháp danh. Nếu nam thì đặt Quảng Từ... và nữ thì Quảng Đàm... Tôi nghe pháp danh của cháu là Quảng Đàm Quyên, tôi hỏi ngay người mẹ (*Phật tử Viên Anh*) rằng:

- Thế thì cháu là đệ tử của thầy nào?

Cô ta trả lời:

- Cháu là đệ tử của thầy Tín Nghĩa.

Tôi bật bảng tên hiện đang đeo nơi cổ, vừa cười và vừa hỏi:



Đệ tử Quảng Đàm Thiện xin cắt tóc tập tu

- Có phải thầy Tín Nghĩa là thầy này không?

Cô ta khóc và sụp lạy, rồi thưa tiếp:

- Gần mười năm nay, bây giờ con mới được gặp bốn sư của cháu. Sau khi con cho cháu quy y, rồi bận gia duyên nên không gặp được Hòa thượng. Nay con và gia đình con rất hân hạnh được gặp bốn sư của cháu.

Cô ta còn tiếp:

- Lúc cháu quy y Tam bảo, thật sư mà nói là con chưa hiểu gì Phật pháp cả. Chính nhờ cháu đưa đường chỉ lối cho gia đình con vào đạo. Vợ chồng con muốn cho cháu xuất gia. Cháu ăn trường trai gần tám năm nay.

Tôi trao đổi với gia đình rồi cũng từ giã.

Vào khoảng 4 giờ chiều cùng ngày, đại gia đình lên gặp tôi một lần nữa. Tâm sự hàn huyên cũng lâu gần ba tiếng đồng hồ.

Thứ ba, ngày 01-08, tôi trở lại Từ Đàm. Trước khi ra phi trường gia đình đón tôi về tận nhà, trước là để thầy trò thân nhau hơn sau mười năm cách biệt; kế đó, cháu Phật tử Hồ Anh Sơn-Trà cũng phát nguyện xuống tóc tập tu và xin quy y cùng môn phái với cháu Quảng Đàm Quyên. Tôi làm lễ trước Phật điện, xuống tóc và đặt pháp danh là Quảng Đàm Thiện. Thế là hai chị em bạn dì cùng mang họ Quảng Đàm...

Khóa học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ bảy này đã để lại những dấu ấn khó quên ở trong tôi.

Quý hạ Đình Dậu – Aug. 10, 2017

TRẢY HỘI VU LAN

*Này đây một lẵng hoa vàng
Em về trảy hội Vu Lan cúng dường
Khói trầm xông khắp mười phương
Nghĩ công sinh dưỡng mà thương mẹ già*

*“Cù lao chín chữ” bao la
Tháng ngày lần lữa dễ mà báo ân
Một đời vất vả tảo tần
Hết con đến cháu đâu cần ai hay*

*Nghĩ mà khoé mắt cay cay
Mình sao vụng dại tháng ngày lỡ qua
Em lên chùa lễ Phật Đà
Dâng hương khấn nguyện cầu gia hộ người*

*Vui sao khi thấy mẹ cười
Chợt nhiên mình thấy ơn đời phi phong
Này đây một côi bụi hồng
Quý gì hơn chút tấm lòng thảo thơm*

*Em về một côi êm đềm
Hiên chùa rụng trắng một thềm ngọc lan
Cầu cho mẹ được bình an
Cứu huyền thất tổ Lạc Bang vĩnh hằng*

*Lên chùa thấp ngon hoa đặng
Vườn chùa đã sẵn gió trăng bốn mùa
Ràng gương hiếu tử ngày xưa
Mục Liên cứu mẹ sử vừa trùng tuyên*

*Vu Lan tưởng nhớ mẹ hiền
Hiếu là gốc đạo nhân thiên làm đầu
Sa Bà chớ tưởng dài lâu
Vô thường là lẽ bể dâu đổi đời*

*Mẹ ơi thương mẹ suốt đời
Dù đi cuối đất cùng trời chẳng suy
Em về thanh thoát từ bi
Thương người lỡ vận quy y Phật Đà*

*Tâm thành dâng cúng hương hoa
Em quỳ lạy lễ bên tòa Như Lai
Vu Lan hiếu hội vừa khai*

...

thơ ĐỒNG THIÊN

Atlanta, 8/2017



ĐỨC PHẬT VẮN NGÒI YÊN

*Phật vẫn ngồi yên chốn dặm nghìn
Ta về tìm lại nét an nhiên
Nhẹ cánh anh đào vương mái tóc
Ngày nào ta mới tuổi hoa niên!*

(Kamakura, 13 tháng Tư – 2017)

CÒN CHĂNG NẾP CŨ

*Năm xưa trời hay mưa
Cả nhà trông bếp lửa
Nồi bánh chưng thơm đưa
Tha hương lòng khép cửa.*

*Những năm nào không mưa
Giữa trời khuya giao thừa
Mẹ bày bánh chưng mới
Lời khấn trầm hương đưa.*

*Đã lâu trời không mưa
Mẹ già không còn nữa
Nồi bánh chưng quên chưa?
Sao tro tàn vắng lửa!*

*Lâu lắm trời không mưa
Mỗi năm vẫn giao thừa
Thắp lên vài đóm lửa
Khói hương hoài xuân xưa.*

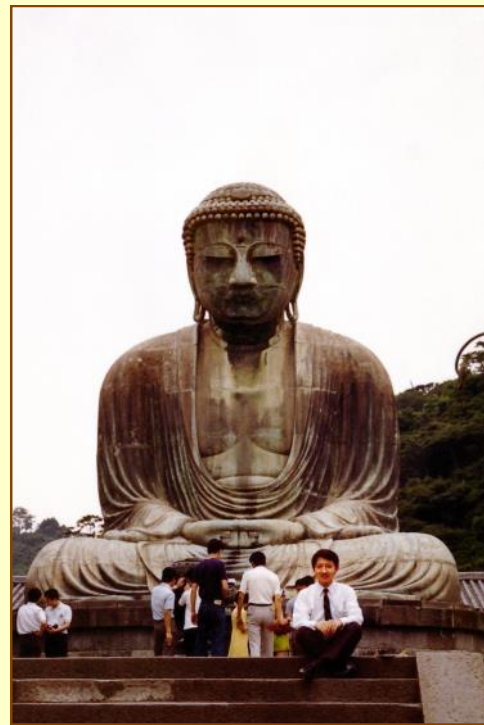
SẮC SẮC MỘT THỜI XA

*Sắc sắc một thời xa
U minh từ cõi lạ
Nghiệp dĩ quá bao la
Như từng cơn ảo hóa.*

*Đời mây đổi phong ba
Chân mây vờ cánh gió
Duyên nợ mãi quanh ta
Ngỡ mình thân khách trọ.*

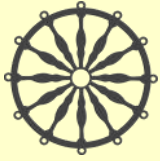
*Nghiệp lực dầu cam go
Quay về căn gác nhỏ
Gỗ mõ tụng kinh to
Đêm về quên khép cửa.*

*Tâm tịnh khởi ban sơ
Lặng im lời sỏi đá
Bạo trùng vây đạo họ
Sắc sắc một thời xa.*



(Kamakura 1972, PQ ngồi trước tượng đài)

thơ PHÙNG QUÂN



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bổn phận của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tự tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trần trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gửi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyền thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Bát Nhã Buddhist Temple

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703

Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473

Bank Account #: 325063638819

Routing #: 026009593

BANK OF AMERICA



TRANH LUẬN VỀ HIẾU GIỮA PHẬT GIÁO VÀ KHỔNG GIÁO

QUẢNG HÙNG (*)

Nguyên Hiệp dịch

(kỳ 2)

Huệ Viễn giảng giải thêm:

“Do đó, họ, những người hoan hỷ trong giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni trước hết luôn phục vụ cha mẹ của họ và kính trọng người trị vì. Những người mà muốn thay đổi đời sống thể tục của họ và vứt bỏ đi trăm tóc (để trở thành Tăng sĩ) phải luôn trước hết chờ sự chấp thuận (của cha mẹ họ và nhà vua) và rồi mới xuất gia. Nếu vua hay cha mẹ của họ có những nghi ngờ, họ phải từ bỏ và cố gắng (bằng những cách khác) để thực hiện ước nguyện của họ, cho đến khi cả hai (nhà vua và cha mẹ) thấu rõ (và cho phép họ)”.

Như Zürcher chỉ ra, những lập luận của Huệ Viễn được xây dựng vững chắc, vì có một giới luật rằng tất cả những người mà phục vụ cho nhà vua, chẳng hạn như lính tráng, hay những người không được sự cho phép của cha mẹ để gia nhập Tăng đoàn, thì không được chấp nhận cho xuất gia. Tuy nhiên, giới luật này được thiết định nhằm để ngăn chặn khả năng xung đột có thể xảy ra, mà không phải vì lý do hiếu. Nhưng trong thực tế, luật này cũng được sử dụng như một cách để chỉ sự hiếu thảo đối với cha mẹ hay trung thành với người trị vì.

Tranh luận về việc không kính bái quân vương của Tăng sĩ là một tiền thân cho sự tranh luận về “người Trung Quốc và Di Hạ” mà nó cũng là giai đoạn phản luận thứ hai. Trong suốt thời Nam Bắc triều (420-577), Phật giáo đã phát triển ở Trung Quốc với một tốc độ kinh ngạc. Ngoài hai lý do được đề cập ở trên, xã hội và tri thức, nhiều vị hoàng đế và vua chúa cũng chọn Phật giáo làm tín ngưỡng cho mình, và điều này theo đó cũng ảnh hưởng đến giới quý tộc và bình dân. Xung đột giữa Phật giáo, Khổng giáo và Đạo giáo mang những hình thức khác nhau ở thời Nam Bắc triều. Ở miền Bắc, nó mang hình thức bức hại bạo lực: lần đầu xảy ra ở thời Thái Vũ Đế (太武帝) ở Bắc Ngụy (386-534), và lần thứ hai dưới thời Chu Vũ Đế (朱武帝) của Bắc Chu (557-581).

Ở miền Nam, nó mang hình thức ôn hòa hơn, thông qua tranh luận bằng những bài viết mà chúng được ghi lại trong những cuốn sách chẳng hạn như Hoảng minh tập (弘明集) của Tăng Hựu (僧祐). Theo học giả Trung Quốc Thang Dụng Đồng (湯用彤), những bài viết mang tính học thuật này có thể phân thành hai lĩnh vực chính: (i) người Trung Hoa và người Di Hạ; và (ii) hình thể và linh hồn. Cái đầu liên quan đến sự khác biệt văn hóa giữa Trung Quốc và Trung Á, ví dụ, sự khác nhau về hiếu, lối sống và lễ nghi; trong khi cái sau tập trung vào những thảo luận triết học về “linh hồn bất tử”.

Quan tâm của chúng tôi là loại tranh luận thứ nhất vì nó liên quan đến hiếu. Cuộc tranh luận nguyên được bắt đầu bởi Cổ Hoan (顧歡), một Đạo gia, người đã viết Di Hạ luận (夷夏論). Không có điều gì mới trong tác phẩm của ông khi những phê bình cũng đã được tìm thấy trong những tác phẩm trước chẳng hạn như Mâu Tử lý hoặc luận. Nhưng nó đại diện cho một nhóm người có cảm nghĩ về sự siêu việt của văn hóa Trung Quốc và xem thường những nền văn hóa khác. Mặc dù Cổ Hoan viết tác phẩm này với mục đích hòa giải sự xung đột giữa Đạo giáo và Phật giáo, ông lại xem Phật giáo như văn hóa Di Hạ từ quan điểm truyền thống Trung Quốc.

Những tranh luận của ông có thể tóm tắt vào ba điểm sau: (i) truyền thống Trung Quốc giữ tóc dài và mặc áo quần đẹp nhiều màu sắc trong khi đó truyền thống của những người Di Hạ (Tăng sĩ Phật giáo) là cạo tóc và mang y phục theo một “cách thức kỳ lạ”; (ii) tập quán Trung Quốc dành cho người chết là mai táng trong một quan tài, trong khi tập quán của người Di Hạ là hỏa thiêu hay nhấn chìm dưới nước; và (iii) do đó, triết học Khổng giáo là giáo huấn dạy giữ điều tốt, với một thân thể nguyên vẹn và tôn trọng tập quán Trung Quốc, trong khi Phật giáo là một giáo lý để xóa bỏ điều xấu, bằng việc hủy hoại diện mạo và thay đổi bản chất của người Trung Quốc. Như vậy

ông đã phê bình những người Trung Quốc đã làm theo lối sống của người Di Hạ trong khi từ bỏ vợ con và việc thờ phụng tổ tiên. Theo đó, ông hỏi, sự chính đáng ở đâu?

Di Hạ luận của Cổ Hoan gây nên một phản ứng mạnh từ các Phật tử và ít nhất có sáu bài viết do cả Tăng sĩ và cư sĩ Phật giáo viết để bác bỏ những cáo buộc mà chúng được lưu giữ trong Hoảng minh tập (弘明集) của Tăng Hựu (僧祐). Chúng ta có thể tóm tắt những lý lẽ và bác bỏ của họ vào trong ba điểm sau:

Trước hết, những Phật tử Trung Quốc bác bỏ quan điểm của Cổ Hoan về tính ưu việt của người Trung Quốc và những người Di Hạ (Phật tử) chưa được khai hóa với một thái độ cởi mở. Tạ Trấn Chi (謝鎮之) nói rằng con người có những khuynh hướng giống nhau như "bầy bâu được tất cả con người yêu thích vì vậy người Trung Quốc và người Di Hạ quý trọng điều như vậy. Kính trọng và danh dự là có giá trị đối với tất cả vì vậy tất cả chín hạng người là hòa bình và tử tế". Bằng cách này, Chu Quảng Chi (朱廣之) đã phê bình quan điểm của Cổ Hoan về "bản chất của người Trung Quốc là hoàn toàn tốt, và của người Di Hạ là xấu, bởi nguồn gốc của họ" là hoàn toàn sai. Ông nói rằng có cả người tốt và người xấu ở trong người Trung Quốc và người Di Hạ, vì vậy ta không nên phê bình người khác bởi sự khác nhau nơi tập quán và áo quần, mà ta nên thể hiện sự tôn trọng đối với người khác. Huệ Mẫn (慧愍) đã nói thêm rằng những thuật ngữ như Di Hạ không nên sử dụng, thay vì vậy "người Trung Quốc và người nước ngoài) nên được sử dụng.

Thứ hai, Phật tử Trung Quốc tranh luận rằng người ta nên nhận chân giá trị của giáo thuyết hơn là tập quán và truyền thống của một tôn giáo hay một nền văn hóa. Tăng Thiệu (僧紹) đã biện luận rằng những người giữ gìn hình hài thân thể của họ nguyên vẹn và tuân theo lễ thực ra có thể chưa hẳn là người tử tế, trong khi đó những người làm tổn hại hình hài thân thể tuy vậy tránh xa điều xấu thì có thể không xấu hoàn toàn. Do đó tốt và xấu không tìm thấy nơi tập quán và tướng mạo, mà ở nơi phẩm hạnh và hành xử của con người. Như vậy người ta nên đánh giá đúng giá trị của nền văn hóa nước ngoài thay vì tranh biện về những vấn đề nhỏ.

Thứ ba, những Phật tử Trung Quốc tách Đạo giáo triết học ra khỏi Đạo giáo tôn giáo và ca ngợi cái trước, đặc biệt là tư tưởng Lão Tử, như một giáo lý cho việc tu thân và trị nước, và phê bình cái sau như là một học thuyết cho việc trường sinh mà nó không bao giờ đạt được. Huệ Thông (慧通) đã phê bình rằng "Lão Tử đã viết một bài luận chỉ với năm ngàn từ, và những bài viết khác thì lộn xộn và thậm chí một số mang những giáo thuyết xấu." Tăng Thiệu cũng có một quan điểm tương tự, và đã

phê bình những thực hành sai của Đạo giáo tôn giáo trong khi ca ngợi tư tưởng Lão Tử. Như Khổng Phồn (孔繁) bình luận, tất cả những Tăng sĩ và những học giả cư sĩ ủng hộ Phật giáo và bác bỏ Di Hạ luận đều là người Trung Quốc mà chính họ học giáo huấn Khổng Tử và Huyền học của Lão Tử và Trang Tử. Vì vậy chính họ thể hiện sự hiểu biết bao quát về học thuyết của Khổng giáo, Phật giáo và Đạo giáo.

Ngoài Cổ Hoan, một Đạo gia khác đã viết Tam phá luận (三破論) dưới danh xưng Trương Dung (張融), một người nổi tiếng vào thời Nam Bắc Triều (420-577). Tác giả của cuốn sách tấn công Phật giáo từ những cơ sở đạo đức Khổng giáo, xem Phật giáo là một giáo thuyết phá hủy quốc gia, gia đình và người tin nó, bởi vì giáo thuyết của Khổng giáo là vào việc trị quốc, chỉnh đốn gia đình, và tu luyện bản thân. Bài viết này hiện bị mất, nhưng chúng ta có thể có được quan điểm chính yếu của nó qua hai bài khác được viết để phản bác nó, đó là Diệt hoặc luận (滅惑論) của Lưu Hiệp (劉勰) và Thích tam phá luận (釋三破論) của Tăng Thuận (僧順) ở trong Hoảng minh tập (弘明集) của Tăng Hựu (僧祐).

Tam phá luận đã phê bình Phật giáo từ quan điểm hiểu. Trước hết, Phật giáo phá hủy nhà nước, bởi vì nó làm cạn kiệt tài sản nhà nước và người dân bằng việc xây dựng những chùa viện lớn, và Tăng sĩ Phật giáo cũng không làm công việc tạo ra của cải. Lưu Hiệp phản bác rằng không phải bởi vì Phật giáo mà nhà nước suy thoái, và sự thật rằng nhà nước trở nên hưng thịnh sau khi Phật giáo được truyền vào. Tăng Thuận biện luận rằng Phật giáo đóng góp cho sự trị vì của hoàng đế bằng cách dạy dân chúng tu tâm dưỡng tánh rèn luyện đạo đức. Thứ hai, Tam phá luận phê bình rằng Phật giáo hủy hoại gia đình, bởi vì Tăng sĩ từ bỏ gia đình và cha mẹ họ, do đó nó là bất hiếu.

Lưu Hiệp phản bác rằng hiểu ở trong hình thức tối hậu của nó là giống nhau ở trong người thế tục và tu sĩ. Cư sĩ Phật giáo thực hành lời dạy Khổng Tử và theo đó thực hiện hiếu nghĩa, trong khi Tăng sĩ Phật giáo tự thân tu tập phạm hạnh và cũng thực hiện hiếu nghĩa bằng việc cứu độ thân bằng quyến thuộc quá vắng. Tăng Hựu phản bác sự phê bình này bằng việc trích dẫn kinh sách Phật giáo từ kinh Thiện Sinh tử (善生子經) mà nó dạy người ta kính trọng sáu nhóm người: cha mẹ, thầy giáo, vợ chồng, thân bằng, người hầu, và các vị đạo sư.

Nói chung, bản văn dạy tầm quan trọng của việc tuân thủ đúng những mô thức xã hội. Thứ ba, Tam phá luận đã phê bình rằng Phật giáo hủy hoại con người bởi vì Tăng sĩ cạo tóc và không người nổi dãi. Lưu Hiệp phản bác bằng việc nói rằng hiểu không tìm thấy ở nơi tóc mà ở trong tâm. Tăng sĩ Phật giáo thực hành đại hiếu bằng việc từ bỏ những việc làm

hiểu nhỏ bởi vì họ làm việc để cứu độ tổ tiên của họ mãi mãi. Tăng Thuận giải thích rằng thân thể vật lý là một nhà tù đối với người thực hành mục đích cao hơn, cũng như đối với Đạo giáo, và rằng do đó Tăng sĩ Phật giáo từ bỏ danh lợi cho đời sống tâm linh. Tất nhiên, phê bình về người nổi đời vẫn không được trả lời bởi vì lối sống của Phật giáo và Khổng giáo thì khác nhau.

Giai đoạn phản luận thứ ba là suốt triều Đường và Tống. Vào đầu triều Đường, phê bình của Khổng giáo đối với các Phật tử về hiểu tiếp tục với sức mạnh mới được ủng hộ bởi các Đạo gia. Đầu triều Đường, Đạo gia Phó Dịch (傅奕 555-639), một nhà chiêm tinh cửu khôi của triều Đường, trình những ý kiến khác nhau cho các vị hoàng đế rằng Phật giáo là có hại cho quốc gia bởi vì nó không dạy cả hiếu và trung, và bởi vì giới Tăng lữ Phật giáo được miễn thuế, và do đó nên buộc họ hoàn tục.

Những Đạo sĩ khác cũng tham gia cuộc tranh luận chống Phật giáo, chẳng hạn như Lý Trọng Khanh (李仲卿), người đã viết một bài viết được gọi Thập hoàng cửu mê luận (十皇九迷論), và Lưu Tiến Hỷ (劉進喜), với bài viết Hiển chánh luận (顯正論). Vào giữa đời Đường, Hàn Dũ (韓愈 768-824), một nhà Nho nổi tiếng, cũng phê bình Phật giáo là "giáo lý của những người Di Hạ", và tuyên bố rằng nó không tốt cho người Trung Quốc thực hành đạo đức Khổng giáo mà nó tập trung vào hiếu và trung.

Đáp trả của Phật giáo đối với những phê bình trên có thể nhìn từ hai cấp độ, bình dân và trí thức. Ở cấp độ bình dân, những Phật tử Trung Quốc đã truyền bá những câu chuyện Phật giáo dạy về hành xử hiếu thảo như được thảo luận ở trên. Ở cấp độ trí thức, các Phật tử đáp lại bằng ba cách: trước hết họ tiếp tục viết những phản bác như trên, chẳng hạn như Pháp Lâm (法琳), người đã viết bài Phá tà luận (破邪論) để phản bác biện luận của Phó Dịch, và Biện chánh luận (辯正論) để phản bác những cáo buộc từ hai Đạo gia khác. Những Tăng sĩ khác chẳng hạn như Huệ Tịnh (慧淨) và Trí Thật (智實) cũng tham gia vào cuộc tranh luận này. Thứ hai, những Phật tử cũng tiếp tục dịch những bản kinh mà chúng trực tiếp hoặc gián tiếp dạy về hiếu. Thứ ba, Tông Mật (宗密) so sánh những khái niệm và thực hành Khổng giáo và Phật giáo về hiếu, và đi đến kết luận rằng cả hai đều dạy hiếu nghĩa. Sau đó, vào triều Tống, Khế Tung (契嵩), trong Hiếu luận của mình, biện luận rằng lời dạy Phật giáo về hiếu thì thậm chí hay hơn cả lời dạy về hiếu của Khổng giáo.

Trong bài luận của mình về kinh Vu lan bồn, Tông Mật bắt đầu với một tuyên bố rằng cả Phật giáo và Khổng giáo đều xem hiếu như

là lời dạy trọng tâm của họ. Ông nói rằng trọng tâm của hiếu ở trong giáo lý Khổng giáo được chứng minh ở nơi luận điểm của Hiếu kinh mà nó là "một đức hạnh hoàn hảo và giới hạnh bao gồm tất cả". Tông Mật sau đó giải thích rằng Phật giáo cũng xem hiếu như là lời dạy trọng tâm bằng trích dẫn từ hai bản kinh Phật giáo có ảnh hưởng ở Trung Quốc.

Tông Mật giải thích rằng giáo thuyết Phật giáo được tìm thấy trong kinh và luật, kinh giảng giải học thuyết trong khi luật giảng giải giới luật. Mặc dù có nhiều giới luật, mục đích là dành cho việc thực hành hiếu. Trong kinh Phạm vông có nói: "[Người ta nên có] hiếu với cha mẹ, thầy giáo, tu sĩ, và Tam bảo. Hiếu là một lời dạy về con đường tối hậu [đưa đến giác ngộ]. Hiếu được gọi là giới, và cũng được gọi là sự phòng hộ". Trong kinh Niết-bàn, Đức Phật cũng nói:

"Ôi, thật khủng khiếp làm sao khi mẹ của tôi phải trải qua nỗi khổ lớn. Mẹ bảo vệ và cứu mạng tôi trong mười tháng. Sau khi sinh tôi, mẹ săn sóc để tôi luôn nằm nơi khô ráo thay vì chỗ ướt, và lau chùi đồ dơ của tôi. Mẹ cho tôi bú mớm và nuôi dưỡng tôi để tôi khôn lớn. Vì tất cả điều này, tôi phải trả cho mẹ những gì tôi mang nợ mẹ, quan tâm đến những tình cảm của mẹ, vâng lời và hầu hạ mẹ".

Với những trích dẫn như vậy làm cơ sở, Tông Mật theo đó so sánh những thực hành hiếu của Phật giáo với Khổng giáo và đi đến kết luận rằng có bảy điểm tương đồng và năm điểm khác biệt.

Khế Tung sáng tác Hiếu luận bằng việc phỏng theo Hiếu kinh của Khổng giáo, và thảo luận hiếu dưới mười hai đề mục. Ông nói ở ngay đầu rằng "Hiếu được tôn trọng trong tất cả giáo huấn tôn giáo, nhưng nó đặc biệt đúng ở trong Phật giáo". Đây là luận cứ trọng tâm của ông và phần còn lại của bài viết hỗ trợ cho chủ đề này từ những khía cạnh khác.

Khế Tung nói rằng theo kinh Phật, hiếu được gọi là "giới". Điều này muốn nói rằng hiếu là điểm khởi đầu của các giới bởi vì hiếu đến trước các giới và tất cả phẩm hạnh đến từ các giới. Năm giới không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu là các phần hợp thành của hiếu trong Phật giáo, và những điều này giống như năm đức của Khổng giáo là nhân, lễ, nghĩa, trí và tín. "Ta không thể trả hết những món nợ cho cha mẹ ta bằng việc phục vụ họ, vì vậy chư Thánh (chư Phật) đã trả nợ cho họ bằng [việc thực hành] phạm hạnh; phạm hạnh không thể đến được với cha mẹ họ, vì vậy chư Thánh dùng giáo pháp để đến với họ". Do đó, "người mà thực hành năm [giới] này trở thành có phạm hạnh và do đó làm rạng danh cha mẹ của mình. Điều này không phải là hiếu sao?"

Hiếu được thực hành bởi người thế tục là nhỏ khi so sánh với hiếu của người Phật tử, bởi vì hiếu của người Phật tử không chỉ kính trọng cha mẹ của họ trong đời này, mà cũng trả hiếu

cho bày đời cha mẹ quá vắng. Điều này phù hợp với lời dạy của Khổng giáo. Cũng như vậy, hiếu của Phật giáo là để yêu thương và kính trọng tất cả chúng sanh bởi vì họ có thể là cha mẹ quá khứ của ta. Như vậy, Khế Tung đi đến kết luận rằng khái niệm hiếu của Phật giáo có những đặc điểm bao quát và siêu việt. Nó là phổ quát bởi vì Phật tử kính trọng tất cả chúng sanh mà không làm hại chúng, để sự an bình lan tỏa khắp thế gian; và nó là siêu việt bởi vì Phật tử mở rộng sự thực hành hiếu không chỉ đối với cha mẹ của riêng họ, mà cũng đối với tất cả chúng sanh.

Với thảo luận ở trên, chúng ta có thể đi đến một kết luận tạm thời rằng Phật tử Trung Quốc bác bỏ những phê bình về hiếu của cả Khổng giáo và Đạo giáo bằng việc đề cập đến kinh sách và những minh họa từ cả ba tôn giáo, và vào đời Đường và Tống trở đi kết luận rằng khái niệm và thực hành hiếu của Phật giáo thì tốt hơn của Khổng giáo. Tuy nhiên, quan điểm này có thể không được những Nho gia chấp nhận bởi hai lối sống là khác nhau.

Quảng Hưng (*) - Nguyễn Hiệp dịch
(Nguồn:academia.edu)

(*) Giáo sư trợ giảng tại Trung tâm Nghiên cứu Phật học, Đại học Hong Kong và tại Tụng Lin Kok Yuen Canada Foundation. Ông cũng là giáo sư thỉnh giảng về Phật giáo và xã hội đương đại tại Đại học British Columbia. Tác phẩm đã xuất bản của ông bao gồm: The Concept of the Buddha: Its Evolution from Early Buddhism to the Trikaya Theory (Routledge 2005), The Historical Buddha (Beijing Religious Culture Publication 2005) cùng với nhiều bài viết nghiên cứu đăng trên nhiều tạp chí khác.



MẸ

*Mẹ là khúc hát bài thơ
Mẹ ru con ngủ mộng mơ tháng ngày
Trong cơn giấc ngủ nông say
Vàng trắng ấm áp tháng ngày chiếu soi*

BA

*Hai vai gánh nặng đong đầy
Chẳng ngại khó nhọc tháng ngày nuôi con
Vàng trắng chiếu bóng hoàng hôn
Ba vẫn còn đó để con vui cười*

CHÙA

*Mái chùa nhỏ nhỏ xinh xinh
Chiếc cầu bắc nối ân tình thế gian
Chuông chùa ngân vọng âm vang
Nhẹ vui phiền não thênh thang cõi lòng*

THỜI GIAN

*Thời gian đâu có đợi ai
Hôm nay hoa nở ngày mai hoa tàn
Đừng vội quá! Hỡi thời gian
Cho tôi còn thấy trăng vàng đầu hôm*

NÓN BÀI THƠ

*Tặng em chiếc nón bài thơ
Đó là xứ Huế mộng mơ trong làn
Sông Hương dòng nước trong xanh
Câu hò mái nhịp ru anh nên người.*

thơ PHAN VĂN QUÂN

GIỚI HỌC

Thích Chơn Thiện



Giới học là một trong ba học: Giới, Định, Tuệ. Ba học còn được gọi là ba vô lậu học. Gọi là vô lậu học là vì ba học này đưa đến đoạn trừ các lậu hoặc, đưa đến giải thoát mà không phải đưa đến các phước báo sanh thiên.

Ý Nghĩa của Giới

Thông thường Giới được hiểu là ngăn ngừa điều quấy, dứt dừng điều ác ("phòng phi chi ác"), hoặc ngưng điều ác và làm điều thiện ("chi ác, tác thiện").

Trong Bát Chánh đạo, Giới là giới uẩn gồm có chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Ở đây chỉ sự ngăn ngừa các hành động lỗi lầm của thân và khẩu. Khi các hành động lỗi lầm không được làm thì tránh được nhiều sự tổn hại cho những người khác. Đây đã nói lên ý nghĩa "tác thiện" của giới.

Chữ Giới trong Giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa (Sk: Pràtimoksa, Pàli: Patimokkha) có nghĩa là Biệt giải thoát hay Xứ xứ giải thoát, Tùy thân giải thoát. Biệt giải thoát là giải thoát từng phần: giữ giới nhiều thì giải thoát nhiều, giữ giới ít thì giải thoát ít. Tùy thuận giải thoát là giải thoát tùy thuộc vào quả hữu vi hay vô vi của người hành.

Từ điển của Rhys Davids cắt nghĩa Giới (Silà) có gốc từ ngữ căn Sil. Ngữ căn Sil có hai nghĩa: Upadhàranà (luân lý, đạo đức của Phật giáo, cách cư xử, tư cách đạo đức) và Samàdhi (Định, Thiền).

Từ Patimokkha thì có nghĩa là, theo cách phân tích từ ngữ, trói buộc các hành động, giữ gìn, thúc liễm các hành động của thân và khẩu không để cho rơi vào đường ác, sai lầm, tổn hại mình và người. Ví như buộc mõm trâu để ngăn nó ăn lúa mạ.

Giới trong nghĩa của ngày trai giới (Pàli: Uposatha, Sk: Upavasatha), Hán dịch là Bồ-sa-tha, có nghĩa là tịnh trú, trưởng dưỡng, trưởng tịnh và thiện túc.

Tăng Chi (III-A) định nghĩa ngày trai giới là ngày thực hành hạnh sống của vị A-la-hán (chỉ giữ tám giới).

Trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Thế Tôn dạy: "Giới là nền tảng của bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần và tám Thánh đạo phần. Ví như là đất là nền tảng, không có nó thì các loại động vật không thể di chuyển, cũng thế, không có Giới thì ba mươi bảy phẩm trợ đạo

không thể được tu tập viên mãn."

Qua các định nghĩa trên, Giới giúp cho hành giả đạt được hai mục tiêu: không làm các điều ác (chư ác mạc tác), làm các việc lành (chúng thiện phụng hành). Mục tiêu thứ ba của Phật giáo là giữ tâm ý thanh tịnh, loại bỏ hết các lậu hoặc (tự tịnh kỳ ý) và cũng là mục tiêu cứu cánh, cần phải nhờ đến định uẩn và tuệ uẩn.

Thời Gian Và Lý Do Thiết Lập Giới

Theo tài liệu sử của Edward J. Thomas trong cuốn "Đời sống của đức Phật" (The Life of Buddha), Giáo hội Ni được thành lập từ năm thứ năm sau ngày Thế Tôn thành Đạo. Do đó, qua năm thứ sáu một số giới luật đã bắt đầu hình thành, và hình thành tương đối rõ là vào năm thứ mười sau ngày Thành Đạo. Luật tạng thì ghi mãi đến năm thứ mười ba sau ngày Thành Đạo, giới luật mới hẳn nhiên được hình thành, do Tôn giả Ưu-ba-ly (Upàli) đặc trách. Bảy giờ Giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa (Patimokkha) ra đời.

Vì sao Giới bốn không được thiết lập ngay từ năm đầu của Giáo hội? Theo truyền thống, chư Thế Tôn chỉ thiết lập các giới điều, khi nào thấy cần thiết, khi nào đầy đủ nhân duyên. Khi có một hiện tượng vi phạm gây nên một ảnh hưởng không tốt cho sinh hoạt của Tăng chúng thì Thế Tôn mới kết giới, thành lập thêm một giới điều để ngăn ngừa hiện tượng xấu ấy xảy ra về sau. Giới bốn cũng thế, trong những năm đầu, chư Tỷ-kheo sinh hoạt thanh tịnh trong khuôn khổ của Chánh pháp nên Thế Tôn không đề cập đến Giới bốn, mà chỉ trình bày Giới dưới những hình thức đơn giản, và tổng quát nhất là hình thức hộ trì các căn, hoặc dưới hình thức chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng của Bát Chánh đạo. Mãi đến năm thứ mười ba sau ngày thành Đạo, bấy giờ có nhiều hiện tượng sinh hoạt đi ra ngoài đời sống phạm hạnh, Thế Tôn mới thành lập giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa.

Một hôm, Tôn giả Upàli bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, do những mục đích nào các học pháp được thiết lập cho các đệ tử của Như Lai và Giới bốn Patimokkha được tuyên đọc?"

Thế Tôn dạy, do mười mục đích mà các học pháp được thiết lập và Giới bốn Patimokkha được tuyên đọc:

- Để Tăng chúng được cực thịnh,
- Để Tăng chúng được an ổn,
- Để chặn đứng các người cúng đầu,
- Để các thiện Tỷ-kheo được sống an ổn,

- Để chế ngự các lậu hoặc ngay trong hiện tại,
- Để chặn đứng các lậu hoặc trong tương lai,
- Để đem lại tịnh tín cho những người không tin,
- Để làm tịnh tín tăng trưởng cho những người có lòng tin,
- Để diệu pháp được tồn tại,
- Để luật được chấp nhận. (Tăng Chi Bộ Kinh 3B, tr. 73)

Qua mười mục đích trên, Giới bốn chỉ giới hạn ở hai phần "chỉ ác" và "tác thiện" trong ba phần (chỉ ác, tác thiện và tự tịnh kỹ ý) mà Phật giáo nhằm đến.

Như thế, Giới qua Nikàya, chỉ gồm vào các giới của tại gia và xuất gia. Đây là nội dung của Nhiếp luật nghi giới hay gọi là Biệt giải thoát giới.

Nội Dung Các Loại Giới

Có nhiều hình thức phân loại giới. Cách phân loại thứ nhất, giới mang ý nghĩa rộng rãi của "Đại-thừa." Ở đây có ba loại:

- Loại một gọi là Nhiếp luật nghi giới, gồm có các giới của tại gia và xuất gia: ngũ giới, bát quan trai giới, thập thiện giới và cụ túc giới.

- Loại hai gọi là Nhiếp thiện pháp giới, lấy việc thực hành tất cả việc thiện làm giới.

- Loại ba gọi là Nhiều ích hữu tình giới, lấy việc làm lợi ích cho tất cả chúng sanh làm giới.

Cách phân loại thứ hai cũng mang ý nghĩa rất rộng rãi của Đại thừa, gồm có:

- Biệt giải thoát giới, đây là nội dung của Nhiếp luật nghi giới.

- Định cộng giới, là giải thoát do định sinh, lấy định làm giới. Do tu Thiền định mà thân tâm thanh tịnh, giới thể được cụ túc.

- Đạo cộng giới, là giải thoát do tuệ sinh, lấy tuệ làm giới. Do tu vô lậu nghiệp mà được trí vô lậu, giới thể được viên mãn.

Qua sự phân loại giới trên, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới là thuộc Đại thừa giới; biệt giải thoát giới và định cộng giới thì được gọi là hữu lậu giới; đạo cộng giới được gọi là vô lậu giới.

Luận Câu Xá thì gọi biệt giải thoát luật nghi (hay biệt giải thoát giới) là Dục giới triển giới;



gọi định sanh luật nghi (hay định cộng giới) là Sắc giới triển giới; và gọi đạo sanh luật nghi (hay đạo cộng giới) là vô lậu giới.

Trong giới hạn của phần giới được trình bày ở đây, chúng ta không đi vào các chi tiết của giới, cũng không đi vào các giới luật xuất gia, mà chỉ trình bày những nét cơ bản của Giới học.

Tính Chất Và Nền Tảng Của Giới

Cứ theo từng giới cấm một, cũng như toàn thể Giới bốn, đặc biệt là mười giới căn bản chung cho cả tại gia và xuất gia liên hệ đến thân, khẩu và ý, chúng ta có thể tìm ra tính chất của giới và nền tảng trên đó Giới được thiết lập.

Ở đây, đơn cử giới "bất sát" (không được sát sanh). Căn bản của giới này là không giết người, thứ đến là không giết hại các loài chúng sinh khác. Về phần người giữ giới, khi giữ giới này thì ngăn trừ được sân tâm, nuôi dưỡng được từ tâm, khiến cho tâm được an tịnh, an lạc ngay trong hiện tại, từ đây, người giữ giới không tạo các nghiệp ác để phải chịu thọ quả khổ đau trong tương lai. Về phần các người khác và các chúng sanh khác, khi giới bất sát được giữ gìn thì đời sống của họ được thêm phần bảo đảm an toàn, an ổn, khỏi phải gánh chịu các hậu quả do lòng sân hận, ác hại của người khác gây ra trong hiện tại.

Đối với giới "bất dâm", "bất đạo", người giữ giới ngăn được lòng tham và không tạo thêm ác nghiệp gây ra khổ đau trong hiện tại và tương lai, tha nhân và các loài chúng sanh khác thì tránh được các tổn hại và sống an ổn.

Kết quả việc giữ giới như thế tự trung tính chất của nó là đem lại an vui cho mình và cho người, điều hòa sinh hoạt của tập thể, tạo nên lòng tin cho kẻ khác. Đem lại lợi ích an lạc và giải thoát cho tự thân người giữ giới, đây là trí tuệ; đem lại lợi ích an lạc cho tha nhân và các loài khác, đây là từ bi. Trí tuệ và từ bi là nền tảng trên đó Giới được thiết lập.

Hướng đi của giới là đem lại lợi ích, an lạc cho mình và người, nên giới giúp đỡ người tu tập thấy nhẹ nhàng thân và tâm, an lạc trong từng bước đi. Giới đúng nghĩa của nó, không có ý nghĩa nào trói buộc hay tù túng cả. Ngoài một số hành động, nếu làm, hẳn nhiên phá đổ hạnh thanh tịnh nên tuyệt đối bị cấm chỉ, các sinh hoạt còn lại của người tu tập giải thoát đều được tùy duyên mà chăm chú, khai mở. Ngay cả trong các trường hợp bị cấm chỉ, nếu vì "nghịch duyên" mà bị rơi vào (như là "các tai nạn" liên hệ giới xảy đến), ngoài sự tác ý của hành giả, thì sẽ không phạm, nếu người bị nạn không khởi lên tham tâm hay sân tâm tùy thuận theo sự kiện đang xảy ra (ví dụ bị cưỡng hiếp, nếu không khởi lên lạc tâm thì không phạm).

Về các giới trọng thì tính chất khai mở của chúng còn có phần hạn chế, nhưng với các giới nhẹ thì tánh chất của chúng rất là cởi mở, linh

động, phóng khoáng.

Luật tạng ghi rằng một lần các Phật tử và ngoại đạo chê trách các vị Tỳ-kheo đứng mà tiểu tiện, cho rằng cung cách đó là thô tháo, thiếu lịch nhã. Khi sự việc này được trình lên Thế Tôn, Thế Tôn bèn dạy: "Vậy thì từ nay các Tỳ-kheo, ngồi mà tiểu tiện". Nhưng ở một quốc độ khác, khi chư Tỳ-kheo ngồi tiểu tiện thì lại bị chê rằng các đệ tử của Thế Tôn toàn là nữ giới. Khi sự việc này trình lên Thế Tôn, Thế Tôn lại dạy: "Nếu vậy, thì đứng mà tiểu vậy." Thế có nghĩa là tùy theo quốc độ, tùy theo văn hóa mà thích ứng. Đây là một trường hợp điển hình nói lên tính chất linh động và cởi mở của Giới.

Như vậy giới trong giáo lý Phật giáo, không mang tính cố chấp, cứng nhắc như là giới điều (dogma) của các Tôn giáo khác, mà mang nghĩa tự nguyện, thiết thực đem lại lợi ích cho mình và người, nhằm nuôi dưỡng và phát triển tín tâm của mình và người.

Vị Trí Của Giới Trong Hệ Thống Giáo Lý Phật Giáo

Trường Bộ Kinh và Trường A-hàm đề cập đến Giới nhiều hơn là các bộ Kinh còn lại. Điển hình là Kinh Phạm Võng (của Nikàya) và Kinh Phạm Động (của Trường A-hàm) xác định rõ vị trí của Giới trong hệ thống giáo lý Phật giáo. Trong hai kinh này, Thế Tôn xác nhận chỉ có các kẻ phàm phu mới ca ngợi, tán thán Như Lai về Giới đức. Lời ca ngợi, tán thán Như Lai như thật chân chánh là ca ngợi, tán thán về Tuệ đức: "Như Lai đã chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết các pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt khỏi tầm luận lý suông, rất tế nhị, chỉ có các bậc trí tuệ mới nhận hiểu."

Qua lời xác nhận ấy của Thế Tôn, ta thấy Giới chỉ mới là bước đi căn bản (Giới, Định, Tuệ) của Phật giáo. Thực sự nói rõ hơn, Giới chỉ là bước đầu của năm bước đi: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến (tri kiến biết rằng đã giải thoát).

Giới là bước đi đầu, nhưng là bước đi nền tảng. Nếu hành giả rơi vào giới cấm thủ (giữ giới sai lạc của ngoại đạo), hồng tử bước đi đầu này, thì không thể nào thực hiện được bốn bước đi kế tiếp.

Đây là ý nghĩa của từ ngữ Giới trong Nikàya và A-hàm.

Qua đến Bắc tạng (Đại thừa) thì từ Giới mang ý nghĩa rộng rãi bao la hơn: Giới bao gồm cả Định và Tuệ. Biệt giải thoát giới (hay Nhiếp luật nghi giới) và Định cộng giới là thuộc hữu lậu giới, Đạo cộng giới thuộc về Tuệ giải thoát hay vô lậu giới.

Đại Tạng Bát-nhã thì xếp Giới vào một trong sáu chi phần tu tập của Bồ-tát gọi là "Lục Ba-la-mật". Giới Ba-la-mật thì đã đồng nghĩa với đoạn trừ hết chấp thủ tướng, hay đồng nghĩa với đoạn trừ hết lậu hoặc, đây là Tuệ giải thoát.

Tuy có cái nhìn khác nhau trong sự phân

loại và trình bày về Giới học của Nam tạng và Bắc tạng, nhưng nếu chúng ta nhìn kỹ vào nội dung thì thấy rõ không có sự mâu thuẫn thực sự nào cả. Nam tạng thì trình bày giới hạn Giới ở mức độ như đã trình bày, qua giới hạn đó thì Nam tạng bàn đến phần Định và Tuệ. Sự phân ranh giới hạn này có tính cách hình thức và quy ước hơn là nội dung tâm thức của người hành trì giới. Ở Bắc tạng, thì Định và Tuệ có thể cùng được tu chung với Giới; ở người hành trì Giới, đạt đến giới Ba-la-mật hẳn là đòi hỏi người hành trì Giới phải có đầy đủ Định và Tuệ. Thiếu Định và Tuệ thì hành giả không thể nào đạt được kết quả hành giới mà ly hết thảy các tướng chấp thủ.

Thực sự, cả Nam tạng lẫn Bắc tạng đều xác nhận không thể tách rời riêng rẽ Giới, Định, Tuệ. Nhìn vào tám chi phần trong Bát Chánh đạo thì thấy hiển nhiên điều đó. Giới (hay chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng) không thể gọi là Chánh giới, nếu không có mặt của Tuệ (chánh kiến và chánh tư duy). Thực hiện Giới cũng chính là thực hiện Tuệ, thực hiện Tuệ cũng chính là thực hiện viên mãn Giới.

Hiểu Ý Nghĩa Đúng Dẫn Của Giới Và Phạm Giới

Vấn đề phạm giới đưa đến kết quả nặng, nhẹ khác nhau giữa những người tu tập có tâm lý giải thoát khác nhau, dù họ phạm cùng một lỗi. Hậu quả họ đón nhận cũng khác nhau trong hiện tại và tương lai.

Phẩm Hạt Muối (Tăng Chi Bộ Kinh I) ghi sự cắt nghĩa rõ ràng của Thế Tôn về trường hợp này. Một người dân đen đánh trộm một con dê của một nhà giàu, có thể lực có thể bị đánh đập đổ máu ngay tại chỗ và bị tù tội. Nhưng một đại quan của triều đình bắt trộm một con dê của một nhà giàu, có thể lực ấy thì không bị đánh đập, cũng không bị tù tội. Ví như một nắm muối thả vào một hồ nước lớn hay con sông lớn thì độ mặn không đáng kể, nhưng nếu để nắm muối ấy vào một ghè nước thì độ mặn lại đáng kể. Cũng thế, cùng phạm một tội, với người tâm tư bủn xỉn, không tu tập Giới, Định, Tuệ thì kết quả có thể đi vào địa ngục; nhưng với người có tu tập Giới, Định, Tuệ, có từ tâm rộng rãi thì xem qua như kết quả không có (triệt tiêu).

Kinh Đại Nghiệp Phân Biệt (Trung Bộ Kinh III) trình bày, một người có chánh kiến và chánh tín trước lúc chết có thể sang Thiên giới dù trong đời sống đã tạo nên mười ác nghiệp; trái lại một người có tà kiến và đầy nghi tâm trước khi chết có thể đi vào địa ngục, naga quỷ, súc sanh, dù sanh tiền thường tạo mười thiện nghiệp. Sự có mặt của chánh kiến của phạm phu đã có ảnh hưởng lớn như thế trong việc thác sinh, huống nữa là sự có mặt của Tuệ giác.

Thường về mặt giới tướng, sự phạm tội được buộc tội nếu hội đủ ba điều kiện:

- Sửa soạn để phạm.

- Hành động cụ thể về sự vi phạm.

- Cố ý.

Trong ba điều kiện để buộc tội ấy, hai điều kiện là thuộc phần tác ý của tâm. Thành thử vấn đề của giới đặt ra một cách rõ ràng là để giúp cho con người giữ gìn tâm thức được trong sạch, thanh tịnh, lương thiện. Phạm giới có nghĩa là xác định tâm thức bị hoen ố. Như thế, vấn đề giữ giới thực ra là vấn đề giữ cho ý thức thanh tịnh, căn bản là theo dõi ý và chế ngự ý. Với ai mà tu giữ ý thức được thanh tịnh, giác tỉnh thì hẳn nhiên người ấy có giới thể được tròn đầy.

Giới dù cho có thiết lập nên nhiều giới điều, căn bản vẫn là có gốc ý thức. Giữ niệm được thanh tịnh thì giới thanh tịnh. Có thể phát biểu rằng chỉ có một giới căn bản là ý giới: rời xa các ác pháp, bất thiện pháp, rời xa tham ái, sân hận và chấp thủ.

Giới có công năng rõ ràng, qua phần trình bày ở trên, là đem lại an lạc và hạnh phúc lâu dài cho mình và cho người trong hiện tại và tương lai. Giữ giới là giữ gìn nguồn an lạc hạnh phúc ấy; phạm giới là gây tổn hại đến nguồn an lạc, hạnh phúc ấy.

Giới, như thế không phải dành riêng cho hàng xuất gia hay chỉ dành riêng cho hàng Phật tử tại gia, cũng không phải chỉ dành riêng cho những người lớn tuổi mà là chung cho tất cả mọi người trong mọi lứa tuổi, cho những ai muốn sống đem lại an lạc, hạnh phúc cho mình và người trong hiện tại và trong cả tương lai.

Nếu hạnh phúc là đối tượng mà nhân loại mãi đi tìm, thì hẳn đúng Giới là những gì mà nhân loại cần nắm giữ trên đường đi đến hạnh phúc ấy. Đã đến lúc con người cần loại bỏ hết thầy ngộ nhận về Giới của giáo lý Phật giáo để tiến lại gần hơn với Giới và nắm giữ Giới thân ái như nắm giữ hạnh phúc của mình.

Thích Chơn Thiện

(trích "Phật Học Khái Luận")

CHUÔNG VỌNG

*Ngân lên sớm đón triều dương
Nhắc nhau ngày mới yêu thương sót cùng
Đời gian nan khổ chấp chùng
Nhẹ vui khi trái tim gần bên nhau,
Ngân lên trưa nắng đỉnh đầu
Nhắc nhau san sẻ sang giàu sướng vui
Bát cơm đạo vị chia người
Đời khô khốc đã xanh tươi duyên lành,
Ngân vào chiều xế nguyệt tanh
Nhắc nhau hâm nóng nghĩa tình thủy, chung
Ngàn sau biến đổi không cùng
Biết ai bước tiếp, ai dừng chân đi?
Ngân lên xuyên bóng tối dày
Nhắc nhau dìu dắt đan tay nhau về
Bóng Từ Bi mát chở che
Đường dài hun hút không hề quạnh hiu...
Ngân lên khuya sớm trưa chiều
Chuông nhà ai vọng nghe đều ngày qua
Chuông chùa nào vọng tâm ta
Chuông tâm ta vọng ngân xa gọi người...*

thơ TÂM KHÔNG VĨNH HỮU



NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

VEN. ERNEST HUNT (1876-1967)



Thượng Tọa Ernest Hunt sinh ngày 16 tháng 8 năm 1876 tại Hoddesdon, quận Hertford (Anh Quốc). Đầu tiên, Hunt theo học trường St. Paul ở Luân Đôn (London) và sau tốt nghiệp đại học Eastbourne tại Sussex. Ngay lúc nhỏ ông đã thích tìm hiểu các tôn giáo. Ban đầu ông có ý muốn đi tu theo giáo phái Anh Quốc (Anglican Orders), nhưng cuối cùng ông đổi ý bỏ Thiên Chúa và theo Phật Giáo. Hành động này

khiến cho song thân ông vô cùng sững sốt và phiền muộn không ít.

Là chuẩn úy hải quân của một tàu buôn Anh quốc (British Mercantile Marine), Hunt có dịp quen biết với một Phật tử thủy thủ Ấn Độ và anh này đã giới thiệu đưa cho ông ta đọc mấy tập sách nói về thuyết Nghiệp Báo và Luân Hồi đã giúp cho Hunt ngưỡng mộ tin theo Phật Giáo.

E. Hunt cảm thấy giáo lý từ bi và trí tuệ của đức Phật phù hợp với tinh thần hiểu biết của ông ta hơn là những lời dạy thần quyền nặng phần đức tin cuồng tín và phản khoa học trong thánh kinh Thiên Chúa Giáo.

Năm 1915, Hunt tới Hawaii làm nhân viên kế toán giữ sổ sách cho đồn điền Waipahu tại Oahu. Sau đó ông dọn nhà đến ở Kohala. Trong thời gian này ông chú tâm nghiên cứu Phật giáo và viết cuốn "Outline of Buddhism" (Phật Giáo Đại Cương) để làm luận án

cho cấp bằng "Doctor of Dharma" (Tiến Sĩ Phật Học) của ông.

Đầu năm 1920, E. Hunt cùng với vợ là Dorothy mở những lớp chủ nhật dạy Phật Pháp ở các trại nhân viên trong đồn điền và cho những thanh thiếu niên Nhật Bản cư trú tại các làng dọc theo bờ biển phía đông Hawaii hiểu biết Phật Giáo và kính trọng những lời răn dạy đạo đức của mọi tôn giáo. Ngày 11 tháng 8 năm 1924, lần đầu tiên tại Hawaii trong một buổi lễ trang nghiêm, Hunt cùng với vợ, bà Dorothy được hòa thượng Imamura nhận cho xuất gia làm tân Tăng theo Phật Giáo đại thừa của Nhật Bản. Từ đó Hunt có pháp hiệu là Shinkaku (Tâm Giác).

Sau khi thọ giới, hai vợ chồng Hunt bắt đầu hoạt động tham gia công tác soạn thảo, thuyết trình những đề tài Phật Giáo tại các đại hội thường niên của Hội Thanh Niên Phật Tử và phụ trách lớp dạy giáo lý vào mỗi chủ nhật giúp cho giới trẻ Nhật Bản thấm nhuần những lời dạy từ bi và trí tuệ của đức Thế Tôn. Cả hai cũng thường xuyên thuyết giảng tại chùa Bốn Nguyên (Honganjji) thuộc phái Tịnh Độ Chân Tông ở đảo Hilo về các đề tài như "Phật Giáo là gì?" (What is Buddhism?) và "Phật Giáo Giải Thích Thế Nào về Thế Giới Chúng Ta" (What does Buddhism Mean to the World) v.v... Ngoài việc thuyết pháp hướng dẫn quần chúng, Thượng Tọa Shinkaku cũng thường đến viếng thăm các người đau ốm ở nhà thương, phạm nhân trong nhà tù cũng như an ủi những kẻ tật nguyền, mù lòa và mắc các chứng bệnh nan y.

Tháng 01 năm 1927, T.T. Shinkaku được mời làm trưởng ban hoằng pháp bằng Anh ngữ tại chùa Bốn Nguyên (Honganjji) ở Honolulu. Thượng tọa bắt đầu mở lớp dạy giáo lý vào ngày chủ nhật cho các em thiếu nhi và phụ trách giảng Phật Pháp hằng tuần bằng tiếng Anh cho những thanh thiếu niên Phật tử Nhật Bản. Ngoài ra, để giúp các em học sinh hiểu biết giáo lý, thực hành các đức tính tốt như hiểu thảo, nhẫn nhục, bố thí của đức Phật, T. T. Shinkaku đã giúp chúng học tập theo cuốn "A Buddhist Catechism" (Phật Giáo Vấn Đáp) và đọc các chuyện tiền thân đức Phật trong tập

"*Buddhist Stories for Children*" (Những Mẫu Chuyện Đạo Cho Trẻ Em). Hai cuốn này đều do Thượng Tọa biên soạn. Nhờ vậy mà các em có được sự hiểu biết căn bản về lịch sử cuộc đời Đức Phật. Thượng Tọa cũng soạn cuốn "Nghị Thức Tụng Niệm" bằng Anh ngữ trong khi vợ ông sáng tác nhiều bài ca Phật Giáo để dùng trong những buổi lễ tại các chùa Nhật trên khắp đảo Hawaii.

Tháng 07 năm 1928 có khoảng 60 người Caucasians (quê ở miền nam nước Nga) bắt đầu muốn tìm hiểu Phật Giáo và do sự khuyến khích của T. T. Shinkaku, họ thành lập một tổ chức nhằm truyền bá giáo lý đức Phật cho những người Tây Phương. Họ cũng cho ấn hành một bản tin trình bày lý do tại sao họ quay trở về theo đạo Phật. Đại khái họ bày tỏ rằng Phật Giáo là tôn giáo của lý trí, lòng từ bi, sự khoan dung độ lượng và rất phù hợp với tinh thần khoa học. Phần cuối bản tin họ khuyến khích kêu gọi những ai ngưỡng mộ Phật Giáo nên đến nghe thuyết giảng và dự khóa lễ bằng Anh ngữ mỗi cuối tuần tại chùa Bốn Nguyên (Honganji). Trước sự kiện Phật Giáo ngày càng phát triển mạnh mẽ tại các đảo ở Hawaii đã khiến những mục sư Tinh Lành bấy giờ phải than thở bảo rằng sau 108 năm cố gắng truyền giáo của họ tại đây, số người theo đạo Tinh Lành chỉ chiếm được 3 phần 100 tổng số dân trên đảo trong khi Phật Giáo có khoảng 125.000 tín đồ trên tổng số 330.000 dân chúng.

Sau khi nhận làm trưởng ban hoằng pháp bằng tiếng Anh tại chùa Bốn Nguyên (Honganji), T. T. Shinkaku đã khuyến khích các nhà lãnh đạo Phật và Thiên Chúa Giáo nên hợp tác làm việc với nhau và nhiều vị Tăng Nhật Bản bấy giờ đã cố gắng thuyết phục những người Nhật và Mỹ nên cùng nhau hợp tác trong việc duy trì các truyền thống tín ngưỡng tốt đẹp của hai dân tộc. Năm 1932, T. T. Shinkaku thành lập Viện Phật Học Quốc Tế tại Hawaii (International Buddhist Institute of Hawaii) và giáo Hội Phật Giáo Tây Phương (Western Buddhist Order) do Thượng Tọa làm chủ tịch.

Trong thời gian xảy ra cuộc thế chiến thứ hai, khi các nhà sư Nhật phần đông bị giam giữ hay cô lập bởi nhà cầm quyền địa phương, T. T. Shinkaku một mình tại Hawaii đã can đảm đứng ra tìm mọi cách để bảo vệ các chùa và nhiều Phật tử Nhật thoát khỏi sự kỳ thị, đàn áp, phá hủy của quân đội Hoa Kỳ cũng như các thường dân Mỹ địa phương yêu nước. Thượng Tọa vẫn thường nói với dân chúng và các nhân viên chính quyền trên đảo rằng: "Phật Giáo chúng tôi không có dính dấp gì đến cuộc chiến tranh này" (Buddhism had nothing to do with



H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

this war).

Năm 1952, sau khi hòa thượng Imamura viên tịch, Thượng Tọa Shinkaku rời chùa Bốn Nguyên (Honganji) đến tu tập làm đệ tử và kế nghiệp hòa thượng Komagata ở chùa Thiền Tào Động, Honolulu. Tại đây, T. T. Shinkaku đảm trách việc thuyết giảng Phật Pháp bằng tiếng Anh cho các du khách đến viếng Hawaii từ Anh Quốc và Hoa Kỳ. Thượng Tọa cũng soạn và xuất bản cuốn "Gleanings from Soto Zen" (Những Kiến Thức về Thiền Tào Động) và "Buddhist Sermons" (Những Bài Giảng Phật Pháp).

Năm 1962, T. T. Shinkaku đúng 86 tuổi, được ngài Phó Viện Chủ chùa Tổng Trì (Soji) tấn phong

lên hàng "Trưởng Lão" (Choro) và năm 1963 được hòa thượng Rosen Takushima, giáo trưởng phái Thiền Tào Động hết lòng tán dương về sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của Thượng Tọa trong nhiều năm qua. Uy tín và đức độ của T. T. Shinkaku không những chỉ được các tổ chức, tông phái Phật Giáo Nhật Bản ngưỡng mộ, kính nể mà ảnh hưởng của Thượng Tọa còn lan rộng đến nhiều quốc gia theo Phật Giáo tại Á và Âu Châu.

Về mặt văn hóa, ngoài các sách đã kể trên, T. T. Shinkaku còn là bút giả của nhiều tác phẩm Phật giáo Anh văn giá trị khác gồm những cuốn dưới đây:

1. The Buddha and His Teachings (Đức Phật và Giáo Pháp của Ngài).
2. How to Meditate (Thiền Định Như Thế Nào).
3. Essentials and Symbols of Buddhist Faith (Những Điểm Quan Trọng và Biểu Tượng của Phật Giáo).

Thượng Tọa cũng làm chủ biên tạp chí "Phật Giáo tại Hawaii" xuất bản hằng năm (The Buddhist Annual of Hawaii) trong đó có đăng nhiều bài khảo cứu Phật Giáo giá trị của các học giả: Bà Rhys Davids, ông Hari Singh Gour và thiền sư Komagata v.v...

T. T. Shinkaku (Tâm Giác) viên tịch vào tháng 2 năm 1967 tại Hawaii, hưởng thọ 91 tuổi.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

QUÁN CHIẾU: KHOA HỌC VÀ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

Nguyên bản: *Encounter, Relativity, and Quantum Physic (the Universe in a Single Atom)*

Tác giả: **ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA**

Chuyển ngữ: *Tuệ Uyển – Thích Từ Đức*

Tôi đã dành nhiều năm để quán chiếu những tiến bộ đáng chú ý của khoa học. Trong một khoảng không gian ngắn của đời tôi, sự tác động của khoa học và kỹ thuật với nhân loại là không thể tưởng tượng nổi. Mặc dù việc quan tâm khoa học của tôi đã bắt đầu với sự tò mò về một thế giới, xa lạ với tôi vào lúc ấy, bị thống trị bởi kỹ thuật, không bao lâu trước khi toàn bộ ý nghĩa khổng lồ của khoa học đối với loài người trở nên rõ ràng đối với tôi – đặc biệt sau khi tôi lưu vong năm 1959. Hầu như không có lãnh vực nào của con người ngày nay mà không bị tác động của khoa học và kỹ thuật. Nhưng chúng ta chưa rõ về vị trí của khoa học và kỹ thuật vào toàn bộ đời sống con người – nó nên hoạt động một cách chính xác như thế nào và nó nên được quản lý như thế nào? Điều sau là quan yếu bởi vì ngoại trừ đường hướng của khoa học được hướng dẫn bởi một động cơ đạo đức có ý thức, đặc biệt là từ bi yêu thương, bằng không thì những ảnh hưởng của nó có thể không mang đến lợi ích. Thực tế chúng có thể tạo ra những tổn hại to lớn.

Thấy tầm quan trọng vô hạn của khoa học và địa vị thống trị không thể tránh khỏi của nó trong thế giới hiện đại đã làm thay đổi thái độ đối với khoa học của tôi một cách căn bản từ hiếu kỳ đến một loại dẫn thân cấp bách. Trong Đạo Phật, lý tưởng tâm linh cao nhất là trau dồi lòng từ bi cho toàn thể chúng sanh và hành động vì lợi ích của tất cả, rộng mở bao la nhất như có thể. Từ lúc ấu thơ ban sơ nhất, tôi đã có điều kiện để nuôi dưỡng lý tưởng này và cố gắng hoàn thành nó trong mỗi hành vi của tôi. Thế nên, tôi muốn thấu hiểu khoa học bởi vì nó cho tôi một lãnh vực mới để khám phá yêu cầu cá nhân của tôi để thấu hiểu bản chất của thực tại. Tôi cũng muốn học hỏi về nó bởi vì tôi nhận ra trong nó một cung cách hấp dẫn để đối thoại với những hiểu biết thu thập được từ truyền thống tâm linh của tôi. Cho nên, đối với tôi, nhu cầu cho việc dẫn thân với năng lực đầy sức mạnh này trong thế giới chúng ta cũng đã trở thành một loại mệnh lệnh tâm linh. Điều



bàn đến trung tâm – trong tâm cho sự tồn tại và cát tường của thế giới chúng ta – là vấn đề chúng ta có thể thực hiện những sự phát triển tuyệt vời của khoa học như thế nào vào điều gì đó để cống hiến cho lòng vị tha và phụng sự yêu thương cho những nhu cầu của nhân loại và những chúng sanh khác mà chúng ta cùng chia sẻ trái đất này với nhau.

Đạo đức có vị trí trong khoa học chứ? Tôi tin rằng có đấy. Trước

tiên nhất, giống như bất cứ khí cụ nào, khoa học có thể được đặt vào việc sử dụng tốt hay xấu. Đó là thể trạng tâm thức của người nắm giữ khí cụ vốn quyết định cuối cùng nó sẽ được đặt vào chỗ nào. Thứ hai, những khám phá khoa học ảnh hưởng cung cách chúng ta thấu hiểu thế giới và vị trí của chúng ta trong ấy. Điều này có những hệ quả với thái độ của chúng ta. Thí dụ, sự thông hiểu cơ giới học về thế giới đưa đến Cách Mạng Công Kỹ Nghệ, vốn đưa đến sự khai thác thiên nhiên đã trở thành sự thực hành tiêu chuẩn. Tuy nhiên, có sự thừa nhận phổ thông rằng đạo đức chỉ liên hệ với việc áp dụng khoa học, chứ không phải việc theo đuổi thật sự của khoa học. Trong khuôn mẫu này, khoa học gia như một cá nhân hay cộng đồng của những nhà khoa học trong phổ quát chiếm giữ một vị trí đạo đức trung tính, không có trách nhiệm với những kết quả cho những gì họ khám phá. Nhưng nhiều khám phá khoa học quan trọng và đặc biệt những sáng kiến mới mà họ hướng đến, tạo ra những hoàn cảnh mới và mở ra những khả năng mới vốn tạo ra những thử thách đạo đức và tâm linh mới. Chúng ta đơn giản không thể miễn trách doanh nghiệp khoa học và những nhà khoa học với trách nhiệm cho việc góp phần hiện hữu một thực tế mới.

Có lẽ điều quan trọng nhất là bảo đảm rằng khoa học không bao giờ được tách ra khỏi sự thấu cảm nhân loại căn bản với đồng loại của chúng ta. Giống như những ngón tay của một người chỉ có thể biểu hiện chức năng trong sự liên hệ với bàn tay, cho nên những nhà

khoa học phải duy trì sự tỉnh giác về mối liên hệ của họ với toàn thể xã hội. Khoa học là quan hệ sống còn, nhưng nó chỉ là một ngón tay của bàn tay con người, và khả năng lớn nhất của nó có thể được biến thành hiện thực miễn là chúng ta nhớ điều này một cách cẩn thận. Bằng trái lại, có hiểm họa chúng ta sẽ đánh mất cảm nhận của chúng ta về những ưu tiên. Loài người có thể cuối cùng lại phục vụ cho những quyền lợi ích kỷ của tiến trình khoa học hơn là chiều ngược lại. Khoa học và kỹ thuật là những khí cụ đầy năng lực, nhưng chúng ta phải quyết định sử dụng chúng thế nào hiệu quả nhất. Trên tất cả những vấn đề ấy là động cơ vốn chi phối việc sử dụng khoa học và kỹ thuật, mà trong ấy tâm thức và trái tim lý tưởng thống nhất với nhau.

Đối với tôi, khoa học, trước nhất và trên tất cả đó là một nguyên tắc theo lối kinh nghiệm vốn cung ứng cho nhân loại một lối vào đầy năng lực để thấu hiểu bản chất của thế giới vật lý và sự sống. Nó là một kiểu mẫu thẩm tra thiết yếu cho chúng ta những kiến thức chi tiết tuyệt vời của thế giới thực nghiệm và những quy luật tiềm tàng của tự nhiên, mà vốn chúng ta suy ra từ những dữ liệu thực nghiệm. Khoa học diễn tiến bằng những phương tiện của một phương pháp rất đặc thù vốn liên hệ đến sự đo lường, định lượng, và sự thẩm tra liên đới qua những thí nghiệm lập đi lập lại. Điều này, tối thiểu, là bản chất của phương pháp khoa học như nó tồn tại trong mô hình hiện tại. Trong kiểu mẫu này, nhiều khía cạnh về sự tồn tại của con người, kể cả những giá trị, sáng tạo và tâm linh, cũng như những vấn đề siêu hình sâu xa hơn, ở ngoài phạm vi của sự thẩm tra khoa học.

Mặc dù có những lãnh vực của đời sống và kiến thức ở bên ngoài sự chi phối của khoa học, nhưng tôi chú ý là nhiều người vẫn bảo lưu ý kiến cho rằng quan điểm của khoa học nên là căn bản cho tất cả mọi tri thức và tất cả những gì có thể biết được. Đây là chủ nghĩa duy vật khoa học. Mặc dù tôi không thấy một trường phái tư tưởng nào đề xuất dứt khoát ý kiến này, nhưng dường như nó là một giả định chung chưa được kiểm tra. Quan điểm này ủng hộ sự tin tưởng vào một thế giới khách quan, độc lập, bất ngờ với những người quán sát chúng. Nó cho rằng những dữ liệu được phân tích trong một cuộc thí nghiệm là độc lập với những quan điểm hình thành trước, những nhận thức, và kinh nghiệm của những nhà khoa học phân tích chúng.

Bên dưới quan điểm này là sự thừa nhận rằng trong sự phân tích cuối cùng, vật chất, như nó có thể được diễn tả bởi những nhà vật lý và như nó bị chi phối bởi những quy luật vật lý, thì đó là tất cả. Vì thế, quan điểm này xác nhận rằng tâm lý học có thể quy về sinh học, sinh học quy về hóa học, và hóa học quy về vật lý học. Sự quan tâm của tôi ở đây không phải là tranh cãi nhiều gì để chống lại vị thế giản hóa luận này (mặc dù chính tôi không đồng thuận với điều ấy) nhưng là để hướng chú ý đến một vấn đề hết

sức quan trọng: rằng những ý tưởng này không cấu thành tri thức khoa học; đúng hơn chúng trình bày một vị trí triết học, trong thực tế là một quan điểm siêu hình. Quan điểm ấy rằng tất cả những khía cạnh của thực tại có thể quy về vật chất và những hạt khác nhau của nó, đối với tâm thức tôi, cũng như một quan điểm siêu hình như là quan điểm vốn là một cơ chế thông minh được tạo ra và kiểm soát thực tại.

Một trong những vấn nạn chính với chủ nghĩa duy vật khoa học triệt để là quan điểm thiên cận vốn đưa đến hậu quả và khả năng chắc chắn có thể hình thành chủ nghĩa hư vô. Chủ nghĩa hư vô, chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa giản hóa luận là ở trên tất cả mọi vấn nạn do từ một quan điểm triết lý và đặc biệt là quan điểm con người, vì chúng có khả năng làm nghèo nàn cung cách chúng ta thấy chính mình. Thí dụ, cho dù chúng ta tự thấy mình như những tạo vật sinh học ngẫu nhiên hay như những chúng sanh đặc biệt được ban cho sở hữu ý thức và năng lực đạo đức sẽ làm nên một sự tác động lên vấn đề chúng ta cảm nhận về chính mình và đối xử với người khác như thế nào. Trong quan điểm này, nhiều sở hữu của thực tế toàn diện về nó là gì để là con người – nghệ thuật, đạo đức, tâm linh, lòng tốt, vẻ đẹp, và trên tất cả là ý thức – hoặc là được giảm thiểu như những phản ứng hóa học của việc kích thích tế bào thần kinh hay được thấy như một vấn đề của cấu trúc tương tự thuần túy. Hiếm họa thể rồi là con người có thể bị làm giảm giá trị không gì hơn là những bộ máy sinh học, những việc sinh sản với cơ hội thuần khiết trong sự phối hợp ngẫu nhiên của những *gen*, không có mục tiêu gì hơn là sự cưỡng chế sinh học trong tái sản xuất.

Thật khó khăn để thấy những vấn đề chẳng hạn như ý nghĩa của đời sống hay tốt và xấu có thể được thích ứng trong một thế giới quan như vậy như thế nào. Vấn nạn không phải là với những dữ liệu của khoa học mà với luận điểm là chỉ những dữ liệu này thôi cấu thành nền tảng hợp pháp cho việc phát triển một thế giới quan toàn diện hay một phương tiện phù hợp cho việc đáp ứng với những vấn nạn của thế giới. Có nhiều thứ với sự tồn tại của loài người và đến chính thực tại hơn mà khoa học hiện tại chưa thể cho chúng ta lối vào.

Cùng chúng cố, thì tâm linh phải được thuần hóa bằng tuệ giác và những khám phá của khoa học. Nếu như những hành giả tâm linh, chúng ta phớt lờ những khám phá khoa học, thì sự thực tập của chúng ta cũng bị nghèo nàn, khi tư duy này có thể đưa đến trào lưu chính thống. Đây là một trong những lý do mà tôi động viên những đồng đạo Phật tử của tôi hứa nhận học hỏi khoa học, vì sự thông tuệ của nó có thể được hòa nhập trong thế giới quan Phật giáo.

Ấn Tâm Lộ, Monday, July 24, 2017



CÁC MÔN HỌC CỦA GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

(*Lá Thư Đầu Tuần*— bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Mỗi bận tâm của anh chị em chúng ta là làm sao để hấp dẫn các em ngành Thiếu đến với GDPT; ngành Oanh vũ thì theo cha mẹ đến chùa rồi huynh trưởng, như là những người bảo mẫu (babysitters) giữ con giùm cho họ, rồi tình thân, cảnh chùa, những bài hát những trò chơi lạ mắt đã thu hút các em. Còn các em ngành Thiếu thì khác, đã biết tự suy nghĩ, đã có ý kiến lập trường riêng... nên rất khó. Có người nói rằng chỉ có văn nghệ và trò chơi điện tử (games) mới thu hút được các em nhiều giờ, làm các em say mê v.v... được; có người lại nói anh chị trưởng phải nói tiếng Anh với các em thì các em nghe mới hiểu, mới thấy cái hay của Phật Pháp... Có người lại nói các em nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ nhưng đọc những bài viết Phật Pháp bằng tiếng Anh thì không hiểu... Thật đúng là "9 người 10 ý" phải không thưa quý vị?

Thưa Anh Chị Em,
Phật giáo du nhập vào phương Tây đã rất lâu và từ đầu thế kỷ thứ 19 đã có những sách viết về Phật giáo bằng các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức... rồi; nhưng người Tây phương khi đã có ý tìm hiểu và tu học Phật Pháp thì họ nghiên cứu rất sâu, thực hành nghiêm mật, không có "lơ mơ" như người Việt nam mình. Cho nên không phải Phật giáo Việt nam—thông qua Phật tử VN—mà đưa đạo Phật vào Tây phương như nhiều người nói hay lầm tưởng như vậy. Các em của chúng ta nếu muốn đọc sách Phật Pháp bằng tiếng Anh thật không thiếu thốn gì. Tuy nhiên vấn đề là sự truyền

đạt Phật Pháp phải đúng với căn cơ, trình độ, hoàn cảnh chung và riêng của các em; đặc biệt là Phật Pháp trong GDPT được chọn lựa sao cho vừa với trình độ hiểu biết của các em, theo độ tuổi, theo tâm tư tình cảm, theo truyền thống văn hoá, dân tộc Việt nam... và nhất là phải làm sao các em học rồi thực hành được chứ không chỉ nghiên cứu suông; bởi vậy, Phật Pháp luôn đi kèm theo số Việc Thiện (Oanh Vũ), Số Hạnh (Thiếu Nữ), Số Dũng (Thiếu Nam)... Chính ở đây, thông qua những cuốn sổ này, anh chị trưởng có thể "nói chuyện" tâm sự, giải đáp thắc mắc cho các em về cả Đạo và Đời. Hằng ngày các em ghi vào sổ như là "nhật ký" bằng tiếng Việt hay tiếng Anh tùy mỗi em; những việc làm nào các em không biết là đúng hay sai, hay hay dở trí tuệ hay thiếu trí tuệ, có tình thương và sự hiểu biết hay thiếu tình thương, thiếu hiểu biết... các em đều có thể hỏi anh chị trưởng của mình và anh chị trưởng qua đó chỉ dẫn cho các em, từng em một, từng trường hợp



một... đó là phương tiện để giao lưu tâm linh giữa anh/chị trưởng và đoàn sinh của mình... Nhiều huynh trưởng đã nhờ đó mà hiểu được, học hỏi được nhiều về tâm lý đoàn sinh, về sự sinh hoạt trong gia đình người Việt ở hải ngoại, về "generation gap" mà hơn ai hết, người huynh trưởng GDPT có cơ hội biết khi nghe các em tâm sự về những khác biệt trong suy nghĩ, giữa các em với các bậc phụ huynh; các em không thể nói được với cha mẹ mình, nhưng với anh/chị huynh trưởng của mình thì sẵn sàng cởi mở, tâm sự.

Về Phật Pháp, có nhiều em thích học Phật Pháp hơn học Hoạt Động Thanh Niên (HĐTN), thích học Việt Sử hơn học Dấu đi đường, thích ngời thiên hơn chơi trò chơi, v.v... tất nhiên chúng ta phải hoàn thành chương trình chứ không phải hoàn toàn chiu ý các em nhưng chúng ta phải biết tình đa dạng trong tâm lý các em nhất là các em ngành Thiếu đang ở trong độ tuổi "teenagers."

Được hỏi tại sao em thích học Phật Pháp hơn HĐTN, một em ngành Thiếu bậc Trung Thiện đã trả lời và kể lại rất thích thú: em thích học Phật Pháp vì anh/chị trưởng dạy Phật Pháp cho em "kể chuyện" rất hay; thật vậy, khi học về "thân này là gì" anh/chị nói: thân này là 4 con rắn độc làm em giật bắn mình! rồi anh/chị bảo chúng em chứng minh; chúng em mỗi người tìm cách "kể tội" 4 con rắn độc (thân tứ đại): nếu mình không đề phòng nó, mà lại o bế nó, chạy theo những đòi hỏi của nó, tắm bồ cho nó... thì có ngày chúng ta bị hại như thân thể mập phì, bị bệnh về tim, phổi,

gan, da dày, ruột v.v...

Khi dạy về 5 uẩn, anh/chị của em nói đó là 5 người lính có cầm vũ khí để rượt đuổi mình; đó là: sắc (body, form), thọ (feelings), tưởng (perception), hành (mental formation) và thức (consciousness)... nhờ những lời nói vui, chúng em cố gắng lắng nghe, tìm hiểu, và áp dụng về tu tập v.v...

Còn khi dạy về 6 căn (components, senses): mắt, tai mũi, lưỡi, thân, ý (mind) và 6 trần (sắc-form, thanh-sounds, hương-fragrance, vị-taste, xúc-contact, pháp-dharma) thì anh/chị em dạy rằng 6 căn và 6 trần không có sai cái gì cả nhưng sự dính mắc của 6 căn vào 6 trần nghĩa là 6 sự ham muốn thì được gọi là 6 oan gia đó! Ví dụ mắt thấy sắc thì ham muốn nổi dậy, tai tiếp xúc với âm thanh thì tâm khởi ngay: nghe khen thì vui rồi mê đắm, nghe chê thì buồn giận... rồi si mê khởi lên kéo theo đau khổ phiền não...

Khi dạy về Bát Chánh Đạo, anh /chị của em nói: chúng mình hãy kết 1 chiếc bè gồm 8 khúc cây để vượt sông! Rồi mới từ từ giảng về 8 "khúc cây" và vượt sông phiền não khổ đau như thế nào...

Thưa Anh Chị Em thân mến,

Các môn học của GDPT: Phật Pháp, HĐTN, Việt Ngữ, Văn nghệ Lịch sử VN... thật ra không bao giờ cũ và dù dùng tiếng Anh hay tiếng Việt vẫn có thể làm cho không khí học tập hấp dẫn, vui nhộn, tùy theo sáng kiến của anh chị em huynh trưởng chúng ta; điều này chúng ta đã, đang và sẽ làm với quyết tâm lớn, tinh tấn luôn... còn kết quả như thế nào phải tùy vào nhiều nhân duyên khác nữa.

Thân kính chúc Anh Chị Em "một ngày như mọi ngày," an lạc và giải thoát!

Trân trọng,

Nhóm Áo Lam

CON VOI HIẾU NGHĨA

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Kinh dạy "Hiếu hạnh là Phật hạnh, hiếu tâm là Phật tâm." Bởi vậy mười phương ba đời chư Phật cũng đều thực hành tâm hạnh hiếu thảo nhiều đời thuần thực trải qua hằng ba a-tăng kỳ kiếp mới đặng quả vị giác ngộ.

Trong kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, Phật có thuật lại một câu chuyện rằng: "Ngày xưa, ở xứ Ba-la-nại, có một vị vua ham mê săn bắn; một hôm vua săn bắt được một con voi trắng rất mực xinh đẹp. Vua giao cho một người lính tượng hiền lành cẩn mẫn trông nom chăm sóc cẩn thận. Nhưng voi ngày đêm không chịu ăn uống khóc mãi. Người lính tượng sợ để lâu voi chết nên vào tâu vua. Vua ra vuốt ve voi và bảo:

- Tại sao có cỏ non, mật ngọt ấy thế mà sao người không chịu ăn uống?

Voi đáp:

- Muôn tâu bệ hạ. Tôi hiện còn có cha mẹ rất già ở trong rừng. Không tự nuôi sống được. Nay tôi ở đây, mẹ cha tôi đói khát, chắc chết. Tôi lòng nào mà ăn ngon uống ngọt cho được. Nếu bệ hạ có lòng trắc ẩn, gia tâm thương xót, cho phép tôi được vào rừng xanh săn sóc cho hai đấng sinh thành. Khi song thân qua đời, tôi sẽ trở lại chốn này để bệ hạ mặt tình sai khiến.

Vua nghe nói động lòng từ mẫn, bèn khuyên voi ăn uống và ra lệnh thả voi ra ngay. Sau



đó ông bỏ hẳn công việc săn bắn vui chơi, chăm lo chánh trị, mưu lợi cho dân, cho nước. Quốc gia vì thế mà thái bình thanh trị. Câu chuyện voi xưa dần chìm vào quên lãng. Mười hai năm sau, vua đang họp triều chính cùng bá quan văn võ, bỗng có một tên quân vào báo là có một chú voi già ốm yếu đến và khẩn thiết muốn bái kiến bệ hạ. Vua thuận cho đưa voi vào, vào đến nơi, voi quỳ mọp xuống tâu rằng:

- Mười hai năm trước, tôi đội ơn bệ hạ tha cho để làm tròn hiếu đạo săn sóc cha mẹ. Nay song thân tôi đều đã qua đời. Y như cam kết, tôi trở lại chốn này. Sở phận tùy bệ hạ định đoạt.

Nhìn thấy voi già yếu tiều tụy quá, vua chợt dạ xót thương đưa tay ve vuốt mà rằng:

- Nếu mọi người, mọi loài đồng biết hiếu kính cha mẹ, biết trung tín, giữ lời đã hứa như người thì đời thịnh trị cả. Thôi hãy ở lại đây với ta. Ta sẽ chu cấp cho người trọn đời.

Đến đây, Phật xác nhận bản sanh: "Voi ấy nào phải ai xa lạ chính là tiền thân ta đó!"

Phật tử phải khéo suy và hành trì cho đúng vậy.

(trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ của Thị Nguyên - Nguyễn Đình Khôi)



NGƯỜI BẠN CHÂN THÀNH

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Anh chị em Lam Viên thân mến!

Vừa rồi chúng tôi được đọc câu chuyện “Đổ máu trong giới kinh doanh,” đại khái:

Lâm Đạt là một vị giàu có nổi tiếng, người bạn thân của ông ta là Vương, một gã đàn ông nhanh nhẹn thành thạo về kinh doanh và có đầu óc khếch trương. Hai người đã kết hợp rất tâm đắc, mở mang xí nghiệp. Nhờ sự thật thà và tận tình của Vương, cơ nghiệp đã nhanh chóng phát đạt. Lâm Đạt giữ chức vụ giám đốc còn Vương giữ chức vụ phó giám đốc. Cơ nghiệp mỗi ngày mỗi lên như “điều gặp gió.” Về sau có thêm một người cháu trong họ của Lâm Đạt vào làm thư kí. Anh này tên Nam, còn trẻ tuổi, lanh lẹ, tháo vát lại thông minh, đã đề ra nhiều dự án đem lại kết quả tốt đẹp góp phần vào sự phồn thịnh của công ty. Nhưng dưới mắt Vương, anh thư kí này có cái gì đó khả nghi. Vương trao đổi với Lâm Đạt và khuyên phải đề dặt và cẩn đề cao cảnh giác, đừng quá tin người. Lâm Đạt thì có cái nhìn khác, sau này công ty càng đi lên tất cả là nhờ vào Nam, rồi nghĩ bụng Vương có ý ganh tỵ với cháu mình, đôi bạn hóa ra hiềm khích, Vương buồn tình bỏ đi.

Đúng thật, khi không còn cặp mắt soi bó của Vương, Nam tha hồ tác oai tác quái rồi mưu đồ chiếm đoạt tài sản; đã thế còn âm mưu thuê bọn côn đồ ám sát Lâm Đạt. May thay Lâm Đạt thoát chết.

Nghe tin ấy, Vương

tim về thăm Lâm Đạt. Đạt ôm quàng lấy Vương khóc nức nở. Vương an ủi. “Đây là nghiệp của chúng mình thôi, chúng ta cũng còn phúc duyên để gặp lại nhau. Tuy đã đến bước đường cùng nhưng chưa tắt lối.”

Đến đây chúng tôi nhớ lại một chuyện của Ấn Độ “Cái chết của chim Ưng.”

Ngày xưa có một ông vua rất quý mến con chim Ưng vì chim ưng hằng ngày quần quýt bên nhà vua và tỏ ra rất trung thành. Thường nhà vua mang chim ưng theo trong những cuộc săn bắn. Hôm đó lúc đi săn vua bị lạc vào rừng, chỉ có một người một ngựa và chú chim ưng thân tín. Vua khát nước đến là người, mãi mới tìm được một mạch nước nhỏ, rỉ ra từ kẽ đá bên vách núi. Nhà vua mừng rỡ, lấy lá rừng ú lại để làm bát hứng nước uống chờ đợi hồi lâu, nước mới rỉ được lưng bát vua vừa đưa lên miệng định uống

thì chim ưng dùng cánh hất đổ. Vua nén giận kiên nhẫn hứng thêm bát nữa... nhưng lần nào cũng thế. Nhà vua điên tiết quật chim ưng vào vách đá chết tươi.

Vừa lúc đó đội ngự lâm đã phi ngựa đến kịp. Nhà vua truyền tên thị vệ lên tận hồ đầu nguồn lấy nước trong lành ấy để uống chứ không thể đợi rõ từng giọt.

Thị vệ vâng lệnh trèo lên vách đá tìm đến nguồn nước, thì rất kinh hãi một con rắn độc cùng với xác các thú khác nổi lên bên trên mặt nước. Chính dòng nước đã vào nọc độc của rắn và thịt thối rửa của thú rừng rỉ dạn qua kẽ đá.

Biết được cội nguồn như thế, nhà vua ôm lấy xác chim ưng nhỏ lệ đầm đìa.

Thưa anh chị em!

Đúng là Lâm Đạt còn có nhiều phước duyên! Lâm Đạt tuy thiếu trí tuệ không nhìn được xa nhưng chưa đến nỗi hóa ra tàn ác như ông vua kia. Thành ra chưa phải là con chim ưng bạc phước.

Anh chị em Lam Viên thân mến! Từ địa hạt kinh doanh chúng ta có thể tư duy đến nhiều lĩnh vực khác. Bất kì lĩnh vực nào cũng vậy, chúng ta cần phải có cái nhìn thật tinh tế, phải biết quán chiếu sâu xa, biết nhìn rõ người và phải vững tin ở người bạn chân thành của mình, đây mới là kẻ cứu sống ta. Nếu không thế, tai họa khủng khiếp sẽ ập đến bất kì lúc nào. Chúng ta hãy cùng nhau suy gẫm mấy câu chuyện “đời xưa” trên đây.



MÔI THÙ TRUYỀN KIẾP

Thuở xưa có một thanh niên
Rất là hiếu thảo khắp miền biết danh
Là con một, đã trưởng thành
Nhưng chưa chịu lập gia đình với ai
Mẹ già, cha sớm qua đời
Chàng lo phụng dưỡng cho người mẹ yêu,
Thấy con vất vả sớm chiều
Mẹ khuyên lấy vợ đủ điều thiết hơn
Nhưng con chẳng chịu kết hôn
Mẹ bèn tự cưới vợ luôn cho chàng.
Nàng dâu tiết hạnh, đảm đang
Trong nhà tháo vát, ngoài làng tinh khôn
Rủi thay không thể sanh con
Thấy chồng lo nghĩ héo hon cõi lòng
Vợ bèn tự cưới cho chồng
Thêm cô vợ lẽ. Mặn nồng cả hai.
Ít lâu vợ lẽ mang thai
Chồng mừng hơn hờ một hai nuông chiều
Tỏ ra hết sức thương yêu
Đêm ngày săn sóc, sáng chiều nâng niu,
Vợ đâu tủi phận buồn thiu
Ngoài đầy ganh tức, trong nhiều hờn ghen
Rắp tâm hiểm độc một phen
Cho chồng chữa cái thói quen phủ phàng.
Vợ đâu đi kiếm thuốc thang
Trộn vào thực phẩm. Dễ dàng phá thai,
Thành công lần một, lần hai
Thêm lần ba nữa ra tay hại ngầm
Mẹ con vợ lẽ lia trần
Trước khi tắt thở quyết tâm trả thù.
Hết Xuân, qua Hạ, sang Thu
Anh chồng khám phá chuyện xưa vợ làm
Nói con giận dữ vô vàn
Đọa đầy vợ cả hung tàn thẳng tay
Ở đời vay trả, trả vay
Nàng này đau đớn lia ngay cõi đời.

*
Luân hồi sang kiếp thứ hai
Vợ sau trở lại đầu thai thành mèo
Vợ đầu cũng trở lại theo
Hóa thành gà mái, đẻ nhiều gà con
Mèo rình, vô lấy ăn luôn
Giết thêm gà mái, rửa hờn chẳng tha.
Luân hồi sang kiếp thứ ba
Gà thành beo cái, mèo là con nai
Nai sinh con buổi sớm mai
Buổi chiều beo tới ăn hoài còn chi
Ăn luôn cả chú nai kia
Cái vòng luân quán thâm thù hận thù.
Luân hồi sang kiếp thứ tư
Nai là thân ác. Beo vô nhà giàu
Hóa thành con trưởng, gái đầu
Đến khi khôn lớn làm dâu nhà người Hai kỳ

sinh nở con rồi
Hung thân hiện đến giết đời trẻ thơ.
Đến kỳ sinh nở thứ ba
Vợ chồng tính kế trốn ra khỏi nhà
Lánh về bên ngoại thật xa
Ẩn thân nương nấu cho qua hiểm nghèo
Bảo toàn mạng sống con yêu
Tránh tay thần ác gây nhiều đau thương,
Thời gian sau mới lên đường
Bồng con trở lại quê chồng khi xưa.
Đường về vất vả nắng mưa
Vợ chồng ghé lại nghỉ trưa trước thềm
Kỳ Viên tịnh xá êm đềm
Cây cao tỏa mát, liễu mềm buông lơì,
Chợt như bão tố vang trời
Hung thân găm thét tới nơi kia rồi
Vợ chồng sợ hãi rụng rời
Ôm con chạy thẳng vào nơi Phật đài
Để con nằm dưới chân ngài
Quy xin cứu mạng, ngăn loài tàn hung
Hung thân tới tựa con giống
Chư thiên gác cửa chặn không cho vào,
Từ bi cửa Phật dạt dào
Tình thương rộng mở xóa bao hận thù
Hung thân trở lại hiện từ
Nhờ oai lực Phật rất ư nhiệm mầu.
Hung thân được dẫn vào châu
Để nghe Đức Phật khuyên câu ôn tồn:
"Các con giết hại nhau luôn
Trả vay, vay trả dập dồn khổ đau
Môi thù truyền kiếp đã lâu
Hãy nên chấm dứt cho mau từ giờ!"

*
Phật ngồi kể lại chuyện xưa
Nguyên do đưa đến dây dưa hận thù,
Phật khuyên hai kẻ cố tu,
Rời ngấm bài kệ như ru lòng người:
"Thế gian khắp bốn phương trời
Thời nào cũng vậy, muôn đời chẳng sai
Oán mà báo oán kéo dài
Than ôi oán đó theo ai chấp chồng!
Lấy ân báo oán đẹp lòng
Oán tiêu tan mất, hết vòng khổ đau
Đó là chân lý dài lâu
Của người hiểu đạo nhiệm mầu từ xưa!"
Đôi đàng như tỉnh cơn mơ
Oan cừu chấm dứt, hận thù tiêu tan
Trong tâm bừng ánh đạo vàng
Cúi đầu tạ Phật, rộn ràng niềm vui.

thơ

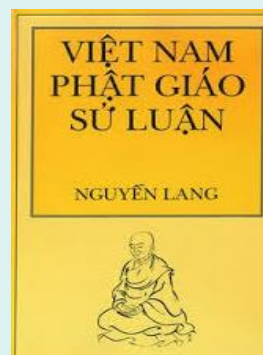
Tâm Minh NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa phỏng theo TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO)

SỨC SÁNG TẠO CỦA GIỚI PHẬT TỬ ĐẠI CHÚNG

(Chương XIX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang

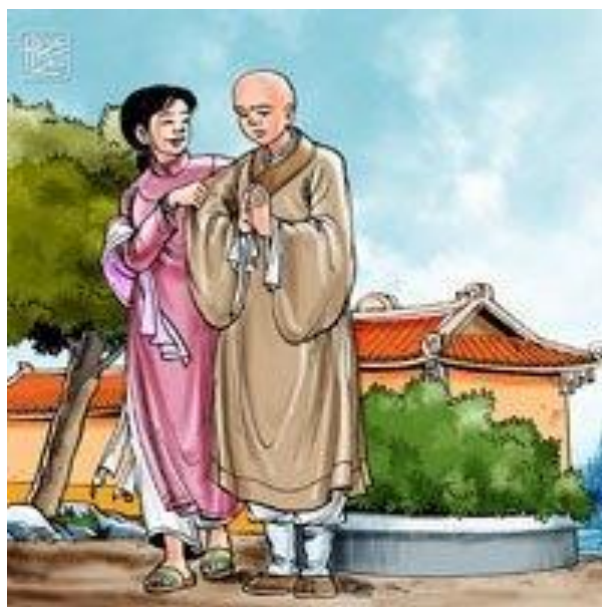


Kỳ 4

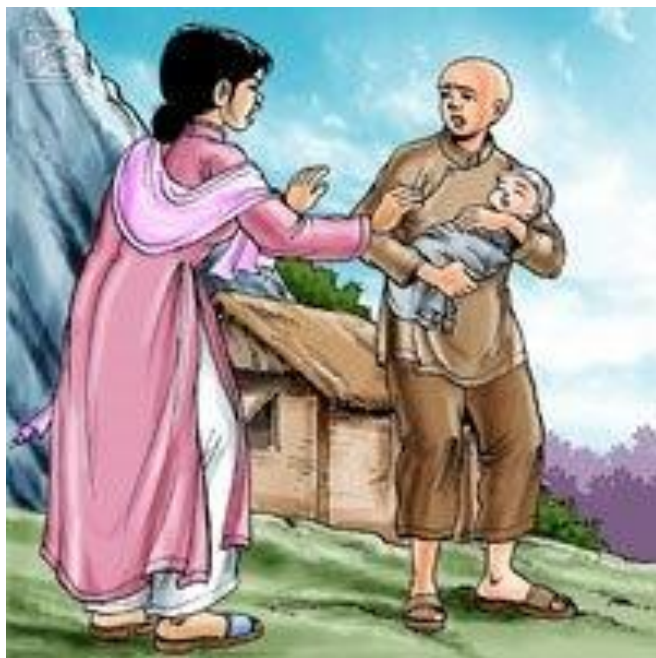
(tiếp theo kỳ trước)

QUAN ÂM THỊ KÍNH

Sự tích Quan Âm Thị Kính cũng được đem ra hát chèo. Trong tích Chèo, có nhiều đoạn được hát theo điệu kể hạnh và hát kệ. Truyện Nôm *Quan Âm Thị Kính* chưa biết do ai sáng tác và sáng tác vào thời đại nào. Nhưng so sánh tích chèo Quan Âm Thị Kính với truyện Quan Âm Thị Kính bằng thơ lục bát thì ta thấy chèo Quan Âm Thị Kính là một tác phẩm do dân quê sáng tác và trình diễn, còn truyện thơ Quan Âm Thị Kính thì lại do một thi sĩ có kiến thức về Nho học và Phật học sáng tác. Điển tích sử dụng trong truyện thơ Quan Âm Thị Kính làm cho truyện thơ này khó hiểu hơn, và do đó ít được dân quê mến chuộng bằng tích chèo. Ta có thể nói rằng tích chèo ra đời trước truyện thơ rất lâu, có thể đến hàng thế kỷ. Nhưng khi truyện thơ Quan Âm Thị Kính ra đời, tích chèo Quan Âm Thị Kính lại bị truyện thơ Quan Âm Thị Kính ảnh hưởng trở lại về phương diện văn chương. Tích chèo Quan Âm Thị Kính có nhiều bản khác nhau, bởi vì đây là văn học truyền miệng, lại phải thay đổi thêm bớt cho thích hợp với những địa phương trình diễn. Một trong những bản ấy được khắc bằng chữ Nôm hoặc bằng chữ quốc ngữ thì đều là những bản viết tay. Vũ Khắc Khoan có ấn hành một bản bằng quốc ngữ tại Sài Gòn năm 1966: bản này hình thành do sự góp trí nhớ của nhiều nghệ sĩ ngành chèo có mặt tại Sài Gòn hồi đó (40).



Nội dung của tích chèo Quan Âm Thị Kính và truyện thơ Quan Âm Thị Kính là một. Thị Kính pháp danh Kính Tâm là một trong những hóa thân của Đức Quan Thế Âm. Cốt chuyện như sau: Có một chàng trai xuất gia và tinh tiến tu hành liên tiếp trong chín kiếp. Đến kiếp thứ mười, tức là kiếp chót mà chàng thành Phật, chàng thác sinh làm một người con gái nhà họ Mãng, huyện Hồ Nam, quận Lũng Tài, thành Đại Bang, nước Cao Ly. Tên nàng là Thị Kính, có tài, có sắc, và đầy đủ đức hạnh. Lớn lên, nàng được cha mẹ gả cho chàng Thiện Sĩ họ Sùng. Thiện Sĩ lo việc đèn sách còn nàng lo việc nội trợ. Một đêm, trong khi đọc sách, Thiện Sĩ thấy một thi liên ngã lưng xuống ngủ. Thị Kính ngồi may áo một bên, trông thấy một sợi râu mọc ngược bên cạnh cằm của chàng, liền cầm dao lên định cắt sợi râu. Không ngờ trong lúc ấy Thiện Sĩ tỉnh dậy, tưởng là vợ định giết mình, bèn la lối lên. Thị Kính cố hết sức giải bày mà nhà chồng vẫn hết sức ngờ vực; cuối cùng nàng bị đuổi về nhà cha mẹ. Buồn chán cho tình đời. Thị Kính cải dạng nam trang, xin đi tu ở một chùa thật xa, tên là chùa Vân với pháp danh Kính Tâm. Dù ăn mặc nâu sồng, vẻ tuấn tú của chú tiểu vẫn làm cho trái tim của của các cô gái trong làng thổn thức. Thị Mầu, con gái của phú ông trong làng, một hôm đi lễ chùa, thấy Kính Tâm liền đem lòng yêu dấu, tìm cách quyến rũ. Kính Tâm một mực khước từ. Phần chí, cô con gái nhà phú hộ một đêm kia tư thông với một người đây đó trai rồi chùa hoang. Dân làng bắt khoán về việc chữa hoang. Khi bị tra hỏi, Thị Mầu đổ oan cho Kính Tâm. Kính Tâm bị tra khảo, nhưng một mực



vẫn không nhận tội. Vị trú trì chùa Vân thấy vậy xót xa liền xin bảo lãnh Kính Tâm, chịu nộp phạt mạng Kính Tâm về. Ông cho chú ở tạm ngoài cửa Tam quan chùa vì sợ người trong làng mai mỉa. Thị Mầu sinh được một trai, không biết mang đi đâu, liền đem ra đặt ở cửa Tam quan chùa. Kính Tâm bối rối nhưng rồi quyết định nhận đứa bé. Mỗi ngày chú phải đi xin sữa nuôi con, mặc cho người trong xóm cười chê. Khi đứa bé lớn khôn, biết nói, thì sức khỏe chú đã mòn mỏi, chú viết một bức thư để lại cho cha mẹ, kể hết sự tình và dặn dò con sau khi mình chết thì trao lại cho sự chú trú trì. Sau đó người ta mới biết chú là gái. Trong lúc lập đàn làm chay cầu cho Kính Tâm siêu độ, thì Phật Thiên Tôn hiện ra trên mây ngũ sắc truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm. Theo tích chèo thì, sau khi nghe Phật truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm, sự cụ chùa Vân liền hát theo điệu kể hạnh:

*"Nay bà Thị Kính hóa duyên
Nam mô Phật, độ vô biên hằng hà
Hóa thân được cả mẹ cha
Kìa là bạn cũ, nọ là con thơ
Thế gian trông thấy sờ sờ."*

Ý của sự cụ là khi Thị Kính chứng quả, nàng có thể độ luôn được cả mẹ cha, Thiện Sĩ, đứa con thơ và vô biên hằng sa số người khác. Như vậy nghĩa là tu theo đạo Phật cũng có thể đền đáp công ơn cha mẹ và giúp đời cứu người, chữ hiếu, chữ nhân trọn vẹn, và đạo Phật không trái, chống với nguyên tắc Nho giáo. Điểm này trong truyện thơ được diễn tả dài dòng hơn. Sau khi biết rõ nỗi oan của Kính Tâm, dân làng bắt Thị Mầu phải để tang và trả mọi chi phí cho việc tổ chức đám tang, ma chay và chôn cất. Cha mẹ Thị Kính sau khi

nhận được thư, tức tốc tới tìm, vừa kịp để dự trai đàn. Thiện Sĩ cũng đi theo với họ. Tất cả đều được trông thấy cảnh đức Phật hiện ra và truyền cho Kính Tâm thành Phật Quan Âm. Ông bà họ Mãng và đứa bé cũng được lên tòa sen. Thiện Sĩ cũng được hóa thành chim vẹt bay hầu một bên tòa sen:

*"Ai hay phép Phật nhiệm mầu
Có khi nước Trúc ở đâu cũng gần
Giữa trời một đóa tường vân
Đức Thiên Tôn hiện toàn thân xuống đàn
Vân vân tỏ dạng tường loan
Đồng phan, bảo cái giao hoan âm thần
Truyền cho nào tiểu Kính Tâm
Phi thăng làm Phật Quan Âm tức thì
Lại thương đến đứa tiểu nhi
Lên tay cho đứng liền khi bấy giờ
Kìa như Thiện Sĩ lơ dờ
Cho làm chim vẹt đứng nhờ một bên
Độ cho hai khóm xuân huyền
Ra tay cầm quyết bước lên trên tòa
Siêu thăng thoát cả một nhà
Từ đây phúc đặng hà sa vô cùng."*

Tích chèo Quan Âm Thị Kính, có mục đích kể lại sự tích của Quan Âm Thị Kính nhưng vì khán giả chèo đa số là dân chúng nơi thôn xóm nên rất có tính đại chúng và dân tộc. Những phong tục, tập quán và lễ lối cảm nghĩ phần chiếu rất trung thành nếp sống của người Việt. Ngoài những lối hát ru kệ, vãn kệ và nói hạnh, tích chèo còn sử dụng nhiều lối hát và nói khác như hát vìa, hát cách, hát sa lệch, hát điệu lão say, hát xấp, hát ba vãn, hát ba chan, hát cảm già, hát đúm, nói chúc, nói kệ, nói đэм, nói lệch, nói lảng, ngâm thơ, luyện cảm giá, rao, sử, sử xuân, sử rầu, v.v... Những điệu bộ và cử chỉ cũng được cách điệu hoá, nhiều khi trở thành những điệu múa. Đặc tính hài hước trong vở chèo rất đậm. Người dân quê cười rất dễ dàng. Nhưng cái cười có thể trở nên dí dỏm, đôi khi ác liệt với mục đích chế riễu những thói rởm, tật xấu, những cường hào ác bá, những kẻ đạo đức giả (41).

Tuy truyện thơ Quan Âm Thị Kính được sáng tác về sau nhưng vì sự tích Quan Âm Thị Kính đã được lưu truyền hàng thế kỷ trước cho nên nhân tiện đây ta cũng xét qua về tác phẩm này. Truyện thơ Quan Âm Thị Kính hiện chưa biết đã được sáng tác vào năm nào. Xét lời văn thì có thể tác phẩm này ra đời giữa thế kỷ thứ mười chín, sau Truyện Kiều ít lâu.

Có một câu trong tác phẩm hình như là chịu ảnh hưởng Truyện Kiều, đó là câu: "Gia tư thì cũng bậc trung" dùng để diễn tả gia đình họ Mãng. Ta cũng không biết bản Nôm đầu tiên được ấn hành vào năm nào. Bản in đầu tiên bằng chữ quốc ngữ là do bà Phan thị An phiên âm, hiệu đính và chú thích. Bản này được Nguyễn Văn Vĩnh ấn hành năm 1911. Bản này có 788 câu lục bát và một lá thư của Kính Tâm viết cho cha mẹ bằng văn biên ngẫu. Như ta đã

biết, tác giả dùng điển tích hơi nhiều, ví dụ những câu sau đây nói về Thiện Sĩ:

"*Sinh chàng Thiện Sĩ là trai
Qua vòng tổng giác, mới ngoài gia
quan*

*Kể điều tài mạo cũng ngoan
Gã Tào kiếp trước chàng Phan thân này
Đã trông bạch bích gioảnh đây
Còn chờ bối phụng chưa vầy bạn loan
Thư trung đành có ngọc nhan
Sách đèn còn mắc buông màn Đổng
Xuyên."*

Truyện thơ Quan Âm Thị Kính như vậy không thể liệt vào loại văn học dân gian, dù đề tài và nội dung có tính cách đại chúng. Về phương diện văn chương, truyện thơ Quan Âm Thị Kính có giá trị hơn những tác phẩm Phạm Công Cúc Hoa và Nam Hải Quan Âm rất nhiều. Ta thử đọc một vài đoạn sau đây thì biết; trước là đoạn tả Kính Tâm nhớ nhà lúc mới xuất gia:

*"Vâng lời Lãng cảnh Ngọc Phương
Khêu đèn Bát Nhã, giống chuông Tam
Thiền*

*Chân kinh ghi chữ tâm truyền
Chức tòa Long Nhiễu, vui miền Hồ Khê
Đòi cơn tưởng nổi hương quê
Người đi ngàn dặm lòng về năm canh
Sự mình mình ngộ với mình
Nặng tình cũng phải nén tình làm
khuây*

*Này gươm trí huệ mài đây
Bao nhiêu phiền não cắt ngay cho rời
Hương xông pháp giới ngùi ngùi
Thông nung trống kệ, trúc hồi mõ
kinh..."*

và sau đây là đoạn tả Kính Tâm lúc bị ở riêng ngoài Tam quan chùa:

*"Vâng lời ra ở thiên môn
Trong tòa phương trượng dám còn vào
ra*

*Nương mình bên cụm cúc hoa
Một hai chồi trúc, đôi ba khóm tùng
Gương mình nguyệt quạt thanh phong
Cười cùng thiếu nữ bạn cùng thuyền
quyên*

*Lấy chi làm chuyện giải phiền?
Quyển kinh trăm lá, ngọn đèn một hoa
Bạch vân khuất nẻo xa xa
Song thân ta đây là nhà phải không?"*

Truyện thơ Quan Âm Thị Kính là một tác phẩm hay, cần được đặt đúng địa vị của nó trong văn học sử Việt Nam.

(còn tiếp)

(40) Vở chèo Quan Âm Thị Kính, Vũ Khắc Khoan giới thiệu, nhà xuất bản Đào Tấn, Sài Gòn, 1966

(41) Vũ Khắc Khoan, Vở chèo Quan Âm Thị Kính, Sài Gòn, 1966

KÝ THÁC

*nay ta cuốc đất phơi già mộng
còn em hương phấn đã nhòa chưa?
chung quanh những cảnh đời xao động
còn có trong nhau mấy đợi chờ?
nay ta sỏi đất nuôi mầm sống
còn em khép cửa tập làm thơ
chung quanh những cảnh đời hôn ám
còn thấy mai kia bóng ngọn cờ
nay ta mua đất bên trời rộng
cất một chòi thơ, uống rượu thiền
còn em mắt đã phai màu biếc
ngồi vọng ân tình giữa đảo điên
nay ta ôm đất trời mà ngủ
đợi lúc xuân sang rộn sắc hoa
ta sẽ đưa em về quê cũ
cuộc đất chôn ta dưới cội già.*

DI ỨNG

*nửa chừng tôi lọt ra rìa
em còn nằm lại bộn bề sắc không
hai bên huyền tượng tân ngân
mây trời mưa trụi mây tầng sinh linh
chóp lòn giữa mộng thành linh
bỏ em trên chóp
một mình tôi rơi.*

DIỆU ÂM

*mưa đầu núi dạt về bãi rộng
bến trắng non lồng lộng gió bay
người qua sông lặng lẽ bày
bầu trời thình vảng bỗng đầy âm thanh.*

thơ PHÙ DU



CON ĐƯỜNG XUẤT LY

Thích Nguyên Hùng

Dẫn nhập

Một thời Thế Tôn ngự tại tịnh xá Kỳ Viên. Bấy giờ Thiên tử Rohitassa, biệt danh Xích Mã, dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Đức Phật, đành lễ dưới chân Ngài rồi kể rằng:

“Bạch Thế Tôn, con tự nhớ kiếp trước tên là Rohitassa, làm Tiên nhân ngoại đạo, đắc thần thông, lia các ái dục. Lúc đó con tự nghĩ: ‘Ta có thân tức nhanh chóng như vậy, giống như kiện sỉ, dùng mũi tên nhọn trong khoảnh khắc bắn xuyên qua chiếc bóng cây đa-la, có thể lên một núi Tu-di đến một núi Tu-di khác, cắt bước từ biển Đông đến biển Tây’. Rồi con lại tự nghĩ: ‘Nay ta đạt được thần lực nhanh chóng như vậy, hôm nay có thể tìm đến biên tế của thế giới được chăng?’ Nghĩ vậy rồi liền khởi hành, chỉ trừ khi ăn, nghỉ, đại tiểu tiện và giảm bớt ngủ nghỉ, đi mãi đến một trăm năm, cho tới khi mạng chung, rốt cuộc không thể vượt đến biên tế của thế giới, đến nơi không sinh, không già, không chết”.

Đó là câu chuyện quá khứ của một thiên thần mà ông tự kể lại cho Đức Phật nghe. Thiên thần ấy, khi còn mang thân phận của kiếp người, đã từng tu tập chứng đắc các phép thần thông, và cũng như bao nhiều triết gia, đạo sĩ trên trái đất bé nhỏ này, cùng có ước muốn đi tìm cái vô hạn. Ông đi suốt cả tuổi thọ của mình, lâu không biết bao nhiêu năm, trăm năm hay chục nghìn năm, nhưng hết cả tuổi thọ, vẫn không nhìn thấy thấp thoáng đâu là biên tế cùng cực của thế giới. Rồi ông tự kết luận: “Không thể bằng đôi chân mà đi đến tận cùng biên tế của sự khổ”.

Đi tìm cái vô hạn hay đi tìm biên tế tối sơ của vũ trụ và con người là để trả lời câu hỏi làm day dứt tâm hồn nhân sinh: “Có thể bằng đôi chân vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sinh, không già, không chết được chăng?”

“Không thể”! Đó là kết luận dựa trên kinh nghiệm thực chứng khoa học không chỉ riêng Thiên tử Xích Mã mà còn là của nhiều giáo chủ các tôn giáo, các đạo gia, các nhà triết học... dù họ có tuyên bố hay không. Và Đức Phật cũng thừa nhận điều đó: “Không thể bằng đôi chân, vượt qua biên tế thế giới, đến chỗ không sinh, không già, không chết”.

Nhưng, Đức Phật khẳng định:

“Nay Ta chỉ bằng cái thân một tầm để nói

về thế giới, về sự tập khởi của thế giới, về sự diệt tận của thế giới, về con đường đưa đến sự diệt tận của thế giới. Nay Thiên tử Xích Mã, thế giới là gì? Là năm thủ uẩn. Những gì là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Đó gọi là thế giới.” (1)

Thế giới là năm uẩn. Ngay chính cái thân thể cao tầm một mét sáu, mét bảy... có tướng, có ý, có cái tâm này chính là thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

Đoạn diệt thế giới ở đây có nghĩa là đi đến chỗ không sinh, không già, không chết. Bằng cách nào? Bằng sự liễu tri về các dục và năm uẩn.

Tham dục và hệ lụy

Ở đời, không ai nghĩ rằng tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn ngon mặc đẹp, ngủ nghỉ tùy thích, tức năm món dục là những thứ có khả năng gây họa hay là mối họa hết. Ai cũng nghĩ đó là những điều khả ái, khả lạc, là đối tượng của mọi sự tìm cầu, mong muốn. Nói cho cùng, ở thế gian, người ta phấn đấu, nỗ lực lao động và học hành suốt cả đời cũng chỉ vì hai chữ danh và lợi. Có danh để kiếm lợi. Có lợi để mua danh. Có cả danh và lợi thì càng tốt. Đó là mục đích sống của người đời. Không mấy ai nghĩ hay thấy được bên trong năm món dục ấy lại ẩn chứa những mối tai họa, những nguy hiểm rập rình.

Xưa, Đề-bà-đạt-đa ngày nào cũng nhận lấy năm trăm chỗ thức ăn cúng dường của Vương tử Bà-la-lưu-chi (tức A-xà-thế) nên “mới khởi lên ác ngữ nghịch, thân hoại mạng chung sanh vào trong địa ngục đại A-tỳ.” Hay như Tỳ-kheo Sư-lợi-la tham lợi dưỡng nên đã tạo ra việc sát sanh vô lượng, để thân hoại mạng chung sanh vào trong địa ngục (2). Cũng có Tỳ-kheo bỏ đạo vì tham lợi dưỡng, như Tỳ-kheo Tu-la-đà, vốn hành hạnh đầu-đà, nhưng sau đó vì tham lợi dưỡng, thường nhận sự cúng dường thức ăn trăm vị cung cấp hàng ngày của Quốc vương Bồ-hồ, rồi đắm nhiễm, dần dần bỏ hạnh A-luyện-nhã, cho đến “bỏ ba y, trở về làm cư sĩ, giết bò, sát sanh không thể kể hết; khi thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục.” (3) Cho nên, phải biết rằng “Lợi dưỡng thật là nặng, làm cho con người không đến được đạo Vô thượng chánh chơn,” và “Sự đắm nhiễm tài vật thật là khó

bỏ, khiến người rơi vào trong ba đường dữ, không đến được chỗ vô vi.” (4)

Đức Phật thường ví dụ dục vọng như khúc xương khô. Ngài nói, cũng như một con chó đói, gầy ốm, mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tía hết thịt. Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, đến rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cưỡng hòng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói. Cũng vậy, “Dục vọng như bộ xương khô, hoan lạc ít mà khổ não lại nhiều, đầy dẫy nguy hiểm.”(5)

Hãy hình dung trên cánh đồng cách thôn xóm không xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống, một con quạ tìm thấy và mang miếng thịt ấy bay đi, rồi những con quạ khác trông thấy đuổi theo để tranh giành. Thế nào? Nếu con quạ ấy không vội vã xả bỏ tức khắc miếng thịt này thì liệu những con quạ khác có dừng sự truy đuổi chẳng? Không thể, những con khác sẽ truy đuổi, tranh giành cho đến cùng. Đức Phật kết luận: “Cũng vậy, dục vọng như miếng thịt, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm.”(6)

Dục vọng cũng như bó đuốc. Người cầm bó đuốc đang cháy mà đi ngược gió, nếu không liệng bỏ tức khắc nhất định sẽ bị cháy tay, cháy người. Dục vọng cũng như hầm lửa lớn, nếu một người không ngu si, không điên đảo, chỉ muốn hạnh phúc, ghét sự đốn đau, thì người ấy không lý do gì lại nhảy vào hầm lửa. Dục vọng như con rắn độc to lớn, dữ dằn. Nếu một người không ngu, không điên đảo, muốn hạnh phúc, ghét khổ đau, muốn sống chứ không muốn chết, thì không dại gì mà thò tay cho con rắn cắn. Dục vọng cũng như giấc mộng. Một người nằm mộng, thấy mình sung túc, nắm thứ dục lạc thỏa thích, nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Dục vọng cũng như đồ vay mượn. Vay mượn càng nhiều thì trả càng mệt (7).

Tóm lại, ngũ dục như xương khô, như miếng thịt, như bó đuốc, như hầm lửa, như rắn độc, như giấc mộng, như vật vay mượn... ẩn chứa tiềm tàng những mối hiểm nguy, vui ít khổ nhiều, đau khổ càng nhiều hơn. Vì vậy, con đường tu tập của Phật giáo là con đường xuất ly, đoạn tận, diệt trừ sự tham muốn các dục, bởi đó chính là nguyên nhân của mọi khổ đau, hệ lụy. Đức Phật từng nói, nếu ai diệt được dục thì Ngài sẽ xác chứng cho người ấy “thành quả thanh tịnh, các lậu diệt tận.” (8)

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thảng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một số đông những người ngoại đạo tìm đến chỗ các Tỳ-kheo thảo luận. Họ nói rằng, có gì khác



nhau giữa thuyết của Phật với thuyết của họ về ba vấn đề dục, sắc pháp và cảm thọ, vì họ cũng như Phật, hiểu biết hoàn toàn về ba pháp ấy. Các Tỳ-kheo không trả lời được chất vấn nên đã đem vấn đề này trình bày lại với Phật. Phật giảng về sự liễu tri ba pháp ấy trong giáo lý Ngài, ấy là cần phải liễu tri ba điều: vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly khỏi chúng. Với ba điều này, ngoài Đức Thế Tôn, không có

bất cứ một ai trên đời, từ chư Thiên cho đến Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, loài Người, không có bất cứ ai có thể biết được nghĩa ấy để tuyên bố lên (9).

Liễu tri về dục

- Vị ngọt của dục là năm pháp tăng trưởng dục: các sắc, thanh, hương, vị, xúc khả ái do năm giác quan tiếp nhận, khiến phát sanh lạc và hỷ.

- Sự nguy hiểm hay tai họa của dục: vị ngọt của dục chỉ tốt cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì rất nhiều:

+ Vì theo đuổi năm thứ ấy mà phải vất vả làm lụng đủ thứ nghề nghiệp.

+ Sự đau khổ thất vọng ề chề nếu sau bao nhiêu nỗ lực theo đuổi mà vẫn không có được điều mình muốn.

+ Sự mất công gìn giữ, lo sợ mất mát khi đã có được.

+ Nỗi đau khổ ghê gớm khi tài sản đã có bị mất trộm, bị tịch thu, bị trôi, bị cháy, bị con hư phá tán.

+ Vì các dục mà chiến tranh xảy ra khắp nơi giữa người với người; ngay cả trong gia đình, vợ chồng con cái cũng tranh chấp nhau, đưa đến tử vong hoặc đau khổ gần chết.

+ Do dục mà con người trở nên hung bạo tàn tạt lương tâm, đánh nhau chết bỏ.

+ Do dục mà có cướp bóc giết hại, và có những hình phạt ghê gớm dành cho tội nhân.

+ Do dục mà con người làm các ác hành về thân, ngữ, ý, chết đọa vào các cõi dữ. Đây là những nguy hiểm của dục.

- Sự xuất ly của dục: là điều phục lòng tham đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến đoạn tận tham dục, là đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt tận dục, vượt qua khỏi dục mà thoát ly.

Liễu tri sắc

Ở đây, Thế tôn lấy nữ sắc làm ví dụ:

- Vị ngọt của sắc là vẻ đẹp nơi thiếu nữ, gợi lên cảm giác hỷ lạc nơi người nhìn.

- Nguy hiểm là vẻ già xấu, đầu bạc, răng rụng, lưng còng, gối rũ, bệnh hoạn nằm một chỗ. Nguy hiểm nữa là vẻ ghê tởm của xác chết khi bị quăng bỏ nơi nghĩa địa, cho đến khi chỉ còn là những đốt xương rời rạc, tan thành tro bụi.

- Sự xuất ly khỏi sắc là điều phục dục tham đối với sắc, cho đến đoạn trừ tham dục.

Liễu tri thọ

Phật đưa ra hỷ lạc thiền định, để hiển thị ngay cả lạc thọ vô hại ấy cũng còn có nguy hiểm, hưởng hồ các lạc thọ khác. Vị ngọt là hỷ lạc do ly dục ở sơ thiền, hỷ lạc do định ở nhị thiền, lạc ở tam thiền, xả niệm thanh tịnh ở tứ thiền. Đây là vị ngọt tối thượng của cảm thọ, vì nó vô hại. Nguy hiểm của cảm thọ này là nó cũng vô thường, biến hoại, nên là khổ. Sự xuất ly các cảm thọ là điều phục dục tham đối với các cảm thọ, đoạn trừ dục tham.

Đối với những ai không biết đúng như thật vị ngọt, tai họa, xuất ly của dục, sắc và thọ thì không bao giờ có thể tự mình đoạn trừ dục, sắc và thọ, hưởng nữa là đoạn trừ cho kẻ khác.

Liễu tri năm uẩn

Thấy biết đúng như thật về vị ngọt, tai họa và con đường xuất ly của dục, sắc và thọ một cách toàn diện thì cần phải quán chiếu hay hành thâm Bát-nhã để thấy bản chất của năm uẩn là vô thường, duyên sanh và vô ngã.

Bản chất hay tự tánh của năm uẩn là Không! Đó là sự thật, nhưng không phải ai cũng chứng ngộ được sự thật này, chính vì vậy mà chúng sanh bị trôi lăn trong sanh tử luân hồi, nhận chịu không biết bao nhiêu khổ đau, ách nạn, lo âu, sợ hãi. Kinh nói: Đối với sắc (thọ, tưởng, hành, thức) không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, tâm không-giải thoát, thì không thể đoạn trừ khổ não, không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết. Do đó, Đức Phật khuyên các Tỷ-kheo phải luôn quán chiếu để thể ngộ năm uẩn là vô thường: "Các ông hãy quán sát sắc (cũng như thọ, tưởng, hành, thức) là vô thường." Quán sát như vậy được gọi là quán sát chân chính. Hiểu biết như vậy được gọi là biểu biết chân chính. Khi đã quán sát và hiểu biết chân chính thì sẽ sanh ra nhàm tởm. Khi đã nhàm tởm thì dứt sạch tham muốn và ưa thích. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát (10).

Đức Phật khẳng định: "Ai đối với sắc (thọ, tưởng, hành, thức) mà yêu thích, thì đối với khổ cũng yêu thích." Một khi sống trong khổ đau mà cảm thấy yêu thích thì còn mong gì sự giải thoát? Thái độ vui thích trong khổ đau đó gọi là vô tri hay vô minh: "Vô minh là không biết, không biết tức là vô minh. Không biết những gì? Sắc là vô thường, mà không biết như thật sắc là vô thường. Sắc là pháp ma diệt mà không biết như thật sắc là pháp ma diệt. Sắc là pháp sanh diệt mà không biết như thật sắc là pháp sanh diệt". Ngược lại là trí hay minh. Chỉ



có người trí mới mong giải thoát khỏi khổ đau: "Ai không yêu thích sắc (thọ, tưởng, hành, thức), thì sẽ không thích khổ. Ai không yêu thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát." (11)

Đối với sắc (cũng như thọ, tưởng, hành, thức), nếu không biết như thật về sự tập khởi, không biết như thật về sự diệt tận, về vị ngọt, về sự tai hại và về sự xuất ly thì sẽ không đủ khả năng để vượt thoát khỏi sự trói buộc của chúng (12).

Biết như thật về sự tập khởi của sắc là biết rằng sắc do nhân duyên sanh. Không một sự vật hiện tượng nào tự nó sanh ra và tự nó mất đi, mà tất cả đều phải nương vào nhau để sanh thành, tồn tại và hoại diệt. "Sắc là vô thường. Nhân và duyên sinh ra các sắc cũng vô thường. Vậy, các sắc được sanh từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được"? Hơn nữa, "sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã, không nên ở nơi sắc mà bệnh, khổ sanh và cũng không thể có ước muốn khiến như vậy hay không như vậy đối với sắc. Vì sắc là vô ngã cho nên ở nơi sắc có bệnh, khổ sanh và nó cũng có ước muốn khiến như vậy, hay không như vậy đối với sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy". Đó là như thật biết rằng năm uẩn chắc chắn sẽ diệt tận (13).

Như thật biết vị ngọt của sắc là biết rằng trong sắc có tính chất khả ái, khả hỷ, khả lạc. Nghĩa là tất cả những gì có thể đưa đến sự yêu thích, sự cảm mến và tạo nên niềm vui, niềm hạnh phúc. Sự yêu mến, ưa thích, vui vẻ khởi lên từ đối tượng của năm uẩn gọi là vị ngọt của năm uẩn. Nhưng những vị ngọt ấy rất nguy hiểm, như giọt mật dính trên lưỡi dao bén. Để thỏa mãn lòng ham muốn vị ngọt của các uẩn, con người dẫn thân vào các sanh kế để tồn tại và phát triển, dẫn thân vào đường danh lợi, sự nghiệp, để rồi chịu đựng sự bức ép, gầy nhiễu của thời tiết, của cường quyền, của bệnh tật và lo sợ mất mát các sở hữu... Con người đi vào thế cạnh tranh, đấu tranh, chiến tranh là đi vào các nguy hiểm dẫn đến tử vong và bất chấp nhân nghĩa... Đó là khía cạnh nguy hiểm của các uẩn. Chứng nào có nhận thức như thật về năm uẩn như thế thì mới có cơ hội, ước muốn về sự xuất ly của các uẩn: "Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc, thì Sa-môn, Bà-la-môn này có đủ khả năng vượt qua khỏi sắc" (thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy).

Tóm lại, "Để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú cần phải tư duy năm uẩn này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã" (14). Câu thần chú tối thượng mà *Tâm kinh Bát nhã* nói đến, và Bồ-

tát Quán Tự Tại đã thực tập thành công, chính là: Quán chiếu ngũ uẩn giai không. Đó là bí quyết, là phương thuốc linh diệu đưa chúng sanh vượt thoát khỏi mọi khổ đau, ách nạn. Và chẳng, năm uẩn không phải là nguồn gốc của khổ đau, thực ra nguồn gốc của khổ đau là sự không thấu hiểu về tính cách vô thường, vô ngã và duyên sanh của năm uẩn. Do không thấu hiểu cho nên tham đắm, và vì vậy bị trói buộc. Cũng như có một người cầm cục đá ném con chó. Con chó bị cục đá liệng trúng, chạy theo cục đá mà sủa một cách tức tối. Con chó không biết rằng thủ phạm làm cho nó đau không phải là cục đá mà là người ném đá (15).

Kết luận

Để đi đến tận cùng biên tế của sự khổ, hay để xuất ly khỏi vòng sanh tử luân hồi, để không còn tái sanh trở lại, việc cần làm là không cần phải đi đâu, đến đâu mà ngay đây, chính trên thân thể năm uẩn này mà quán chiếu "Đối với sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Cần phải biết như thật, quán sát như thật. Quán sát như vậy rồi, Thánh đệ tử đối với sắc sẽ sanh ra nhàm chán, xa lìa dục, giải thoát: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa'. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng sanh ra nhàm chán, xa lìa dục, giải thoát: "Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." (16)

Thích Nguyên Hùng

- (1) Tập A-hàm, kinh Xích Mã.
- (2) Tầng nhất A-hàm, phẩm Nhất nhập đạo.
- (3) Tầng nhất A-hàm, phẩm Lợi dưỡng.
- (4) Tầng nhất A-hàm, phẩm Nhất nhập đạo.
- (5) Trung A-hàm, kinh A-lê-tra.
- (6) Kinh dẫn thượng.
- (7) Kinh dẫn thượng.
- (8) Tầng nhất A-hàm, phẩm Lợi dưỡng.
- (9) Trung A-hàm, kinh Khổ uẩn.
- (10) Tập A-hàm, kinh Vô thường.
- (11) Tập A-hàm, kinh Vô tri.
- (12) Tập A-hàm, kinh Thâu-lũ-na.
- (13) Tập A-hàm, kinh Phi ngã.
- (14) Tập A-hàm, kinh Vô gián đẳng.
- (15) Kinh Đại Bảo Tích.
- (16) Tập A-hàm, kinh Phú-lâu-na.



CÔI MỘNG

(Kính tặng Thầy Tuệ Sỹ)

*Trăm năm một thoáng bóng mây bay
Có nghĩa gì đâu mảnh hình hài
Tuệ Sỹ nhập định quên nắng phủ
Tham thiên, liêu mặc trắng sương vây.*

*Hồi chuông lắng đục trời mơ áy
Tiếng mõ khơi trong cõi mộng này
Vút cánh vô ưu vào tỉnh thức
Theo chim về nhé ngủ am mây!*

*Chư Phật ba đời tánh Như Lai
Thẳng đường đi tới cõi trời Tây
Tỉnh ra mới thấy đời là mộng
Ngọc quý trong tay nhớ mang xài!*

thơ **DIỆU VIÊN**

(Nhân đọc bài của HT. Thích Nguyên Siêu viết về Thầy Tuệ Sỹ kính yêu, báo Chánh Pháp số 63)

Du tử ngâm

HẠNH CHI

Không hiểu sao, một bài thơ ngắn, tổng cộng có 30 chữ, của Mạnh Giao, chỉ đọc qua một lần mà như bị từng chữ dính vào đầu. Cái chất keo vô hình này, dường như không phải vì thơ, vì chữ, mà vì hình ảnh cảm động của một người mẹ tận tụy, gửi tấm lòng yêu thương con vô bờ qua những gì đơn sơ, bình dị nhất.

Biết con sắp đi xa, mẹ cặm cùi ngồi khâu cho con chiếc áo ấm. Lại sợ cuộc chia ly này biên biệt dậm dài, nên đường kim mũi chỉ mẹ cố may cho thật chặt, thật kỹ.

Quà cho con lên đường chỉ có thể thôi, nhưng nào ai dám bảo một tấm lòng của cô không dương xuân?

Tạm diễn nghĩa ra thì lan man thế, nhưng nguyên bản Hán-ngữ bài Du Tử Ngâm chỉ cô đọng 30 chữ như vậy:

*"Từ mẫu thủ trung tuyến
Du tử thân thương y
Lâm hành mật mật phùng
Y khùng tri tri quy
Thủy ngôn thốn thảo tâm
Báo đắc tam xuân huy"*

Không biết thi hào Nguyễn Du có từng đọc qua bài thơ này và động lòng trắc ẩn hay không, mà trong truyện Kiều cũng có câu: "Đảm đem tấc cỏ báo đền ba xuân."

Hai, trong hai mươi bốn chữ cái của tiếng Việt ghép lại, thành một chữ rất ngắn: "Mẹ".

Mẹ.

Ai có mặt trên cõi đời này mà không có Mẹ. Và ai được gọi là Mẹ, trên cõi đời này mà không có con. Thế nên, Mẹ và Con là chung-sinh, là cùng có mặt với nhau, và cho nhau.

Được làm Mẹ cũng là được nhận cái chuỗi dài, xâu bằng những hạt của yêu thương, lo lắng, cơ cực, ưu tư, những hy

vọng rồi tuyệt vọng, những hạnh phúc rồi khổ đau ... Những hạt đó luôn tiếp tục xâu vào chuỗi, cứ dài mãi cho tới ngày mẹ không còn thờ chung không khí trong cùng một hành tinh với con!

Mẹ tôi mất đã chín năm rồi! Chín năm mà ngỡ như giấc mộng đêm qua khi tôi cùng toàn thể gia đình lên chùa lạy Phật và thắp nhang trước tro cốt cha mẹ. Qua làn khói nhang thơm, tôi bỗng nhớ những lần cùng tụng kinh Vu Lan với mẹ trước bàn thờ tại gia. Khi đến đoạn:

*"Bấy giờ Phật lại lên
đường
Cùng hàng đại chúng Nam
phương tiến hành
Đến giữa đường rành rành
mắt thấy
Đống xương khô bỏ đấy
lâu đời
Thế Tôn bèn vội đến nơi
Lạy liền ba lạy, rồi rơi giọt
hồng ..."*

Giọng mẹ nghẹn ngào, và nhịp mõ tôi phải chậm lại, chờ cơn xúc động qua đi rồi hai mẹ con mới tụng tiếp đoạn Đức Thế Tôn giảng cho thị giả A Nan nghe, vì sao Ngài lạy xương khô:

*"Đống xương dòn dập bấy
lâu
Cho nên trong đó biết bao
cốt hài
Chắc cũng có ông bà, cha
mẹ
Hoặc thân ta, hoặc kẻ ta
sinh
Luân hồi sanh tử, tử sanh
Lục thân đời trước, thi hài
còn đây ..."*

Cha Mẹ ơi, giây phút những nén nhang tỏa hương trên búp tay từng thành viên gia đình chấp lại trước tro cốt cha mẹ, thì lời kinh xưa như rõ ý, rõ hình!

Cha mẹ ơi! Tro bụi này và đồng xương khô Đức Phật từng lạy thuở xưa nào có khác chi! Dù cha mẹ không còn hiện diện qua nhân dáng thân quen nhưng trong ánh mắt chứa chan xúc động và yêu thương của các con, các cháu thì rõ ràng cha mẹ có mặt nơi đây, và đang âu yếm mỉm cười...

Với nén nhang cháy đỏ trên tay, mắt không rời hũ cốt đã bao năm ôm giữ thân xác Cha Mẹ, tôi thốn thức nhớ bài Du Tử Ngâm và vận dụng chút trí tuệ cạn cạn mà chuyển dịch, để có thể đọc thầm cho mẹ nghe:

BÀI CA DU TỬ

*Sợi chỉ trên tay Mẹ
May thành áo cho con
Áo che thân du tử
Tấm lòng Mẹ sắt son
Khi con cất bước đi
Sợ ngày về bần bật
Nên chiếc áo Mẹ khâu
Sợi chỉ may thật chặt
Nào ai có thể tin
Một tấc lòng của cô
Mà báo đáp ánh dương
Ba tháng xuân rạng tỏ!*

Lạy Cha!

Lạy Mẹ!

Trông Cha Mẹ đã có con.

Và trong con đã có Cha Mẹ. Không gì chối bỏ được thực thể này, khi ngay cả sự luân hồi cũng chỉ là chuyển hóa nơi chúng ta đã từng.

Tình thương vô hình mà tràn đầy như thế, chỉ ba tháng xuân, làm sao tỏ đủ!

(Chùa Giác Minh, một lần thăm viếng)



Phật tọa tòa sen xanh

TUỆ NHƯ

*"Phật hiện màu xanh
Phật hiện tình thương"*

Năm ấy (1994) sau ngày lễ mãn hạ An Cư tại Hạ Trường Thiên Bửu Tháp (chùa Thiên Thai) thuộc huyện Đất Đỏ, Thị Xã Bà Rịa, thầy hóa chủ hạ trường bấy giờ là Thượng Tọa Thích Tịnh Trí có nhắc ý mời chúng tôi ghé qua khu du lịch bãi biển Phước Hải, chủ yếu là đến tham quan ngôi chùa Sơn Châu, rồi tiếp sau đó đến thăm ngôi chùa cổ tự Sắc Tứ Vạn An. Thời tiết đã chuyển sang thu, nhưng trông dáng núi vẫn thắm một màu xanh biếc nghiêng bóng với biển trời bát ngát, sau những cây mưa đầu mùa khá to, làm cho muôn hoa cỏ thêm phần sung mãn và không khí tỏa ra một cảm giác tươi mát khinh an giữa muôn vật và cho cả người vắng cảnh.

Qua khúc quanh eo núi và biển, trước hết thầy hướng dẫn tôi lên chùa Sơn Châu, nói tiếng chùa Sơn Châu, nhưng thật ra chỉ là dấu tích được khép kín, bởi còn lại một vài nét đơn sơ khiêm tốn, ẩn lị trên mặt phẳng của đường móng nền bị gãy từng khúc đoạn chạy dài theo chiều vách núi, phía sau trái đồi nghiêng thoải là dòng suối mát lạnh, bên cạnh đó cũng để lại những vết tích cốc am xưa đã tàn phai. Trên dấu cỏ hoang vu qua bao lớp sóng thời gian của cuộc bể dâu.

Nói đến chùa Sơn Châu, bấy giờ được biết chỉ xây dựng bằng cây ván, lợp ngói để thờ Phật và Chư Tổ, nhưng trong lúc đang chiến tranh nên bị tàn phá đổ nát bởi những bom đạn. Và lại, ngôi chùa bị đốt cháy từ lâu (thời chống Pháp),

nên sau năm 1975 chùa đã bị chìm quên theo thời gian, chỉ hay biết vậy thôi, mãi cho đến nay vẫn chưa được phục hồi lại ngôi chùa; thật là:

*Thời gian rút một dòng
trôi
Mây nghiêng bóng núi bởi
hồi cảnh xưa.*



Sau khi rời khỏi khu du lịch Phước Hải, thầy đưa tôi đến cổ tự Vạn An Sắc Tứ, nơi đây có một buổi xế chiều thật thanh thản bình yên, nhịp thở của tôi quyện cùng với cảnh trí trong lành đầy thi vị, trông ngôi chùa với vóc dáng cổ xưa (theo kiểu kiến trúc hình tứ giác) xoay tròn như một đóa sen vừa chớm nở, chung quanh là một cánh đồng xanh mênh mông mà ngôi chùa như một cái nhạn ở giữa, sau chùa có vài ngôi tháp cổ của chư Tổ khai sơn, trông những ngôi tháp bị xoáy mòn hẳn lên bao vết trầm luân tang thương bể dâu từ bao thế kỷ, cảnh trí đã tạo nên nét thơ mộng giữa hai màu kim cổ:

*"Giữa cánh đồng
Sóng lúa dạt dào, hương
lúa quyện
Quanh cuộc đời
Phật như tọa tòa sen xanh
Dáng cổ tháp
Nghiêng mình bao thế kỷ
Đã phai màu dâu bể."*

Nếp nghĩ từ lâu, hình ảnh của Phật thường được thiết kế trang bị trên một tòa sen vàng kim ánh lên màu quý phái và trang trọng. Thế nhưng ở đây, Phật như tọa tòa sen xanh, thật ra chúng ta thấy từ một đời sống của một Đức Phật lịch sử, Ngài luôn thể hiện một cách sống bình dị giản đơn, thậm chí sự bình dị giản đơn của Phật còn hơn cả mà con người cho là đơn giản kia nữa. Sự đơn giản ấy chính là kết quả mà Phật thể hiện qua hành động như thật "không ta, không của ta."

Ngài đã viên mãn các hạnh Ba La Mật, "Không, Vô Tướng, Giải Thoát," các tùy miên đã tận, nên sự có mặt của Phật không gì khác hơn là giải thoát, tịch tịnh, không bị chi phối mọi ảo tưởng, lý tưởng cũng như mọi hệ phược ở đời. Trái lại, với thân giáo, khẩu giáo và ý giáo thanh tịnh là một minh chứng, sự tỏa sáng do "tâm giải thoát và tuệ giải thoát" là một biểu thị cho sự có mặt của Phật ở bất cứ đâu và lúc nào.

Sự tỏa sáng ấy, là sự hội nhập muôn trùng giữa cuộc đời và Phật. Đành rằng quan thụ-yết của Ngài là: Các pháp đều đi qua một diễn trình "Thành Trụ Hoại Không." Ta thấy từ những ngôi chùa tháp cổ đã chìm sâu vào phế tích khắc nghiệt của dòng đời vô thường, đã bị xoáy mòn qua bao lớp gió sương, hợp tan, đầy với

bao tuế nguyệt. Đã bao người mang hạnh nguyện đi qua, thế nhưng những tâm nguyện ấy, những ngôi chùa ấy, lại là cái hồn linh diệu của đạo lý, của giáo lý vẫn lan tỏa theo tiếng chuông ngân tinh thức sớm chiều vào cuộc đời áo luy.

Được biết ở đây, dân cư có một truyền thống tín tâm với Phật tự bao đời, một niềm tin sâu sắc và kiên trú, họ luôn thấy rằng: Phật luôn có mặt với những pháp lành vi diệu nhiệm mầu, sự hộ trì của Phật là ý thức tỉnh giác, chân thật và chánh niệm, mặc dù thời gian có sanh diệt, có biến đổi đến đâu, nhưng với tâm kiên định chánh kiến trong chánh pháp, ngay đây sẽ tạo thành con đường an lạc, hạnh phúc hiện tại và mai sau, con đường hướng về phía trước đầy ánh sáng và muôn hương hoa, phía ấy chính ở trong mỗi chúng ta giữa cuộc đời thường này.

Qua hình ảnh:

"Người nông dân vui thánng ngày lam lũ

Cây lúa nên xanh, hạt lúa nên vàng

Đời vẫn trôi bao lớp sóng thời gian..."

Sự cần cù lam lũ một nắng hai sương để được cây lúa nên xanh, hạt lúa nên vàng, hay bất cứ một nghề nghiệp lành mạnh nào của con người, nếu được phát sinh từ một tâm niệm thuần thiện, thì họ không cần tìm cầu ở đâu nữa, chỉ có ở đây và ngay bây giờ vẫn luôn có Phật. Phật trước đây xuất thân từ dòng dõi giai cấp vương giả, nhưng từ ngôi vương giả lại trở thành một đạo sĩ thông tay, du hóa giữa đời thường, Ngài không ngoạn đầu trở lại để nghĩ thói đời vương giả ấy.

Cái cao quý của Phật phải đâu là ở giai cấp vương tôn, những thềm khát ước vọng mơ hồ huyệt hắng của chiếc thân ngũ uẩn phù du. Một tòa cỏ xanh, một phiến đá bên đường, một bóng cây râm đầy bóng mát chốn rừng xa, và một tấm vải đầu lại từng mảnh vụn, nơi đó Phật đang tọa "Bồ Đề Tòa." Với Từ lực, Trí Đức lực và Tịnh lực của



Phật được biến mẫn đến mọi phương trời, muôn loài được tiếp thọ làm cho hân hoan toàn thân và tâm tư, hay ít ra cũng làm vơi đi phần nào của nỗi niềm thương đau nơi cõi tử sinh này, như vậy Phật vẫn đến với ta, Phật luôn đến trong ta:

"Và lòng Phật

Vẫn trong lòng cuộc sống

Phật hiện màu xanh

Phật hiện tình thương..."

Sự mầu nhiệm của Phật không giống như những đạo sư thời bấy giờ, hay những nhà ảo thuật để lừa ảo giác của chúng ta đang ở dưới sân khấu, lại càng không phải một quyền năng biến hóa...hoặc có những việc làm như để mua chuộc bằng cách tạo hình thức khơi mào, như tế lễ cầu nguyện thần linh, để cầu lấy bình an giả tạm không đâu vô ích. Trái lại, sự mầu nhiệm đích thực của Phật chính là ở trong mỗi chúng ta có nhận thức đúng đắn về mục tiêu, điểm đến bằng một ý thức giác ngộ lẽ đời, thấy và biết pháp thiện và bất thiện, những quả lành và quả khổ, chánh quán rõ lộ trình đưa đến kết quả trừ diệt mọi kiết sử đang cấu nhiễm từ phía con người, vì rằng: chính con người mang lại hòa bình hay chiến tranh, hạnh phúc hay đau khổ, siêu vượt hay thối đọa, tất cả đều do con người, từ con người... Phật dạy:

"Các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc,

NGHIỆP LÀ ĐIỂM TỰA..." Kinh Trung Bộ II. 540.

Điều mà chúng ta thấy ở một lời dạy khác của Phật:

"Với ai trọn ngày đêm

Tâm ý lạc, bất hại

Từ tâm mọi hữu tình

Vị ấy không thù hận"

(Tương Ưng I. 458-459)

Nếu như có năng lực tịnh tín, an trú qua lời dạy trên, thời sẽ đem lại kết quả tốt đẹp của sự chuyển hóa tâm linh, hướng đến vô thượng an ổn, xa lìa mọi khổ ách, dòng bực lưu không đủ sức nhấn chìm vào chốn vực sâu nguy hại, vì sự thấy, sự nghe, sự thọ cảm luôn được tu tập thanh thản không vướng mắc. Đó chính là sự mầu nhiệm của Phật, hay Phật hiện thân mầu nhiệm đến trong mỗi chúng ta. Cuộc sống cộng đồng nhân loại hôm nay đã làm gì cho bầu sinh thái toàn cầu? Nếu như chúng ta thiếu đi màu xanh tư duy của thế kỷ, thì hành tinh của chúng ta rồi sẽ ra sao?. Do đó, Phật hiện màu xanh, Phật hiện tình thương vào cuộc đời.

Một điểm nữa, thời Phật sanh tiền du hóa giới thiệu chánh pháp, giúp cho người có được chánh trí, chánh tín... Phật san bằng những giai cấp trong bối cảnh xã hội bằng chất liệu bình đẳng, tình thương và trí tuệ:

"Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, trong dòng nước mắt cùng mặn," Phật đã khẳng định như thế và hơn thế nữa, Phật đề cập đến một vài tư duy cũ kỹ sáo mòn hoang vu vào thời ấy, Ngài dạy thêm một lời minh triết sâu xa:

"Phạm chí không vì sanh,
Bần tiện không vì sanh,
Do hành sanh phạm chí,
Do hành sanh bần tiện"

(Kinh Tiểu Bộ.

S21.504505)

Phật khai phóng luồng sinh khí dồi dào mầm sinh lực vào toàn bộ xã hội đầy những kiên thủ, kiên trì lắm, kiên kiệt phước... những hý luận vọng tưởng không mục đích, làm vỡ tung những tầng băng đã đóng cứng lâu đời, mịt mù huyền thuật mơ hồ của các phái triết học, và những đạo sư thời ấy. Do đó, tinh thần vô ngã của Phật chính là sự cộng trú đại bi lực, đại trí lực, bình đẳng và vô niệm tuyệt cùng màu nhiệm của giáo nghĩa giải thoát niết bàn. Vì vậy, Phật luôn có mặt trong dòng cảm thức của muôn loài, mỗi chúng ta và bất cứ một xã hội nào, Phật luôn là công lý hay chơn lý:

"Nơi bất công, Phật hiện thân bình đẳng

Cõi tử sinh, diệu lý Phật vô sinh

Trong bi trí, Phật xóa lòng cừu hận

Trong đau thương, Phật siêu hóa một tình thương."

Tóm lại, vấn đề được nói đến chính là với cuộc đời bằng một màu xanh tươi mát, và Phật luôn tọa trên màu xanh tươi mát ấy, từ lúc sanh tiền giáo hóa đến khi công hạnh viên mãn, Phật luôn có một nếp sống bình dị đơn giản hơn bao giờ hết, không bày trò chưng diện, không cậy thế ý quyền, Ngài chỉ là bậc đạo sư hướng dẫn trên con đường.v.v... luôn có mặt trong một tinh thần đầy bi mẫn, khoan dung và tịnh lạc, và minh triết. Đối với một Đức Phật lịch sử, Ngài chưa bao giờ tự mãn về dòng dõi vua chúa vương quyền hay một thể tộc tôn quý nào, Ngài chỉ đặt cho mình là người chỉ đường, một định hướng trong sáng cho con người gặp phải nhiều ngã rẽ.

Cho nên, dù hôm qua, hôm nay hay ngàn sau đi nữa, Phật luôn ngự trong hào quang ấy, pháp thân Phật luôn



RÓT NIỆM

Niệm chiêu khai đóa phù dung
Trăng phau cài nẻo chập chùng lãng du
Vu vơ lá rộ vàng thu
Em về cỏ dại mịt mù rêu hoang

Chắp tay duyên niệm ngõ ngang
Niệm tình gửi phỏ chiều đan mây cài
Phiêu linh từ độ liêu trai
Tịnh tâm tam thể tình dài thiên thu

Niệm em ngà ngọc sa mù
Phổ giai máy cối trâm du luân hồi
Chợt dung lòng niệm bồi hồi
Nam mô rớt niệm lòng thôi niệm tình!

thơ

HOA CÁT PHAN VĂN

hoạt dụng trong diệu hạnh, chánh hạnh, như lý hạnh và trực hạnh vào đời, trong những cành hoa, ngọn cỏ, trong những chiếc lá đương xanh, trong những ánh nắng, giọt sương và cùng khắp trong mọi sinh thể muôn trùng huyền hóa của dòng sinh tử. Và ở nơi đây, Phật như tọa tòa sen xanh, trong lòng đời, lòng Phật vẫn mênh mông.

Bóng nắng đã nghiêng vàng vào một chiều thu, tôi cùng thầy Tịnh Trí sau khi nghỉ lưng nơi tấm phản bên hông chánh điện chùa, và nhìn xa ngoài cánh đồng nghe tiếng lúa reo theo ngọn gió lùa, tạo nên từng đợt sóng lúa vờn quanh trên thảm lúa, hương lúa thơm phơn phớt trong chiều, những cánh chim chao nghiêng như điệu vũ khúc vô thường, một cảm giác mát lạnh lạ thường thấm từ lúc nào trong tôi, bước ra

khỏi cổng tam quan, phía sau là vạt nắng vàng rớt lên mái chùa cổ kính, và ngoài kia là thảm lúa xanh thơm mênh mông, rồi từ đó chúng tôi chia tay nhau nơi Bà Rịa.

Sau bao mùa trăng viễn mộng, mấy lần chiếc áo bạc đời tha phương, chiều nay tôi trở lại Bà Rịa và ghé qua thăm thầy, nhưng lần này tôi tiếp thầy bằng thẻ nhang thơm với lời cầu nguyện. Và tôi vẫn còn nhớ mãi một chiều thu hôm nào, với hình ảnh phệ tích của chùa Sơn Châu với núi rừng và biển cả của vùng Phước Hải, với ngôi cổ tự Sắc Tứ Vạn An, với cánh đồng lúa đương xanh bát ngát cùng với một ý niệm:

"Phật hiện màu xanh
Phật hiện tình thương
Phật đầu tọa tòa sen vàng
ngất nghiêng

... Trong lòng đời,
Lòng Phật vẫn mênh mông.

Tháng Bảy tưởng nhớ người chị có con mắt thứ ba

HUỲNH KIM QUANG

Dường như con người có thể phát tiết ra khả năng kỳ lạ để thích ứng với môi trường và hoàn cảnh sống mà có lẽ chính họ đôi khi cũng không ngờ.

Khi một người bị khuyết tật từ thuở ấu thời thì họ có thể phát triển một thứ khả năng kỳ diệu đến mức bất khả tư nghi để bù đắp lại phần bị mất mát. Người chị Thứ Ba của tôi là điển hình như thế.

Chị Thứ Ba của tôi là người Chị Cả trong gia đình, gồm bảy người, bốn gái và ba trai. Vì vậy, Chị phải giúp cha mẹ chăm sóc một đàn em sáu đứa mà tôi là út.

Trước khi tôi ra đời thì không biết được Chị đã chăm sóc những anh chị trước tôi như thế nào, nhưng tôi biết và nhớ rất rõ Chị đã chăm sóc tôi ra sao trong những năm tháng tuổi thơ của mình. Ký ức tôi còn ghi lại những điều mà Chị chăm sóc cho đàn em từ lúc tôi mới lên ba, lên bốn tuổi. Dù không hoàn toàn rõ ràng từng chi tiết, nhưng nhiều ấn tượng trong trí nhớ về những gì Chị chăm sóc tôi thì khó phai nhạt, cho đến bây giờ.

Chị ra vườn hái củi, về nhà nấu ăn, dọn dẹp rửa nồi niêu xoong chảo chén bát, giặt giũ quần áo, tắm rửa cho tôi, v.v... Chưa hết, Chị còn ra đồng nhổ mạ, trồng trọt rau cải, cây trái trong vườn nhà, nuôi heo, nuôi gà, quét dọn nhà cửa. Nói chung là Chị làm tất cả mọi việc mà một người bình thường làm để phụ giúp cha mẹ chăm lo gia đình.

Nếu không hề quen biết mà lần đầu tiên tới nhà gặp Chị, nhìn những gì Chị làm trong

nhà, thì đổ ai biết rằng Chị là người hoàn toàn khiếm thị, nghĩa là không còn thấy được bất cứ vật gì trước mắt. Chị bị mù một trăm phần trăm.

Mẹ tôi kể rằng, khi Chị sinh ra thì bình thường như bất cứ đứa bé gái nào bình thường, tức là chị có đầy đủ ngũ quan và cơ thể hoàn hảo: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm vị, và thân xúc chạm đều bình thường. Đến một ngày nọ, lúc Chị ba tuổi thì bỗng nhiên Chị nói không còn thấy được gì hết, mà trước đó không hề có bất cứ triệu chứng bệnh hoạn hay khác thường nào xảy ra.



Nhìn vào mắt Chị, khó ai có thể biết Chị bị mất thị giác. Mắt Chị trông bề ngoài vẫn như những cặp mắt bình thường, mành ngoài của mắt không đổi màu, không đục trắng, không bị hư tổn gì cả.

Mẹ tôi kể, thời đó, vào thập niên 1940s—Chị tên là Huỳnh Thị Ngàn, sinh năm 1939, tại miền quê tỉnh Phú Yên ở Việt Nam—dù tình trạng y tế còn rất yếu kém và sơ sài, nhất là thuốc Tây và bác sĩ Tây học, cha mẹ tôi vẫn cố gắng chạy chữa đủ cách, từ Tây y đến Đông y cho Chị, nhưng rồi cũng

không chữa khỏi. Chị phải mang lấy nghiệp dĩ mù mắt cả đời. Không biết nếu sanh ra vào thời này ở một đất nước văn minh tiến bộ về y khoa, bệnh khiếm thị của Chị có thể chữa lành không. Có thể Chị được chữa khỏi mà cũng có thể không. Ngoài những điều kiện môi trường

bên ngoài, bệnh tật còn là sự bất hòa của ngũ âm (5 yếu tố cấu tạo nên thể xác và tinh thần con người là sắc, thọ, tướng, hành, và thức) trong cơ thể con người và cũng phải nói đến nghiệp duyên khó tránh của kiếp người.

Không biết lúc mới bị khiếm thị như thế Chị có đau khổ gì không, mà theo lẽ thường tình của một con người thì khó tránh được cảm trạng đau đớn, tuyệt vọng! Cũng có lẽ một đứa bé 3 tuổi như lúc Chị mới bị khiếm thị thì cảm thọ đau khổ không bằng một người đã lớn mà mất thị giác. Nhưng trong ký ức tôi, chị chưa bao giờ than vãn, buồn phiền, đau khổ về chuyện bị khiếm thị.

Tôi không nghe Chị kể và cũng chẳng thể hiểu được về sự biến đổi bên trong cơ thể, từ tinh thần đến thể chất, từ lúc bị khuyết tật như thế nào và làm sao Chị có thể phát triển được khả năng kỳ diệu của con mắt thứ ba để thích ứng một cách phi thường với cuộc sống hàng ngày trong suốt cuộc đời gần sáu mươi lăm năm.

Nếu không tận mắt thấy mỗi ngày nếp sinh hoạt của Chị thì thật khó tin rằng một người hoàn toàn khiếm thị như

thể có thể làm bao nhiêu việc như người bình thường. Tôi xin kể một vài chuyện trong rất nhiều chuyện khó tin mà Chị đã làm được hàng ngày.

Nếu một người nào đó đến nhà thăm và trò chuyện với Chị một lần thì lần sau người đó trở lại, dù mới chỉ nghe tiếng bước chân đi thôi, Chị đã biết ngay là người nào. Nhiều người không tin đã thử Chị và cuối cùng phải xác nhận là họ không biết làm sao Chị nhận ra được họ chỉ bằng tiếng của bước chân, mà người đó cố tình không hề lên tiếng.

Một khi Chị cầm được tờ giấy bạc trên tay và hỏi rõ đó tờ bạc gì, trị giá bao nhiêu, lật tới lật lui và vượt qua vài lần, thì lần sau khi cầm tờ giấy bạc đó, Chị biết ngay đó là tờ giấy bạc gì một cách chính xác. Không biết đã có ai trong gia đình và người ngoài hỏi Chị bằng cách nào để nhận biết được như vậy, riêng tôi thì chưa hỏi Chị nên không hiểu bằng cách nào Chị phân biệt được đó là tờ giấy bạc gì. Những người khiếm thị có thể học chữ và đếm số được với điều kiện họ phải được dạy và sử dụng những ký hiệu đặc biệt về chữ và số để nhận biết. Chị tôi thì hoàn toàn mù chữ, cũng không được học ở bất cứ đâu, lại càng không có bất cứ loại ký hiệu nào để nhận ra tờ giấy bạc. Vậy mà Chị làm được.

Không phải chỉ ở trong nhà mà ở ngoài vườn nhà cách xa từ nơi này tới nơi khác khoảng năm ba trăm thước Chị đều một mình đi tới đi lui một cách bình thường mà không cần dùng gậy hay bất cứ dụng cụ hướng dẫn nào. Chị từ trong nhà ra giếng xách nước nấu ăn, xách nước rửa chuồng heo. Chị một mình đi ra bờ rào cách nhà khoảng vài trăm thước để bẻ củi, hái củi, rồi bó lại và vác vào nhà bếp để nấu ăn. Hay ở chỗ là Chị không bao giờ bẻ lộn cây tươi với củi khô. Chị lật rau, xắt rau, làm cá để nấu ăn cho gia đình một cách sạch sẽ đến nỗi không ai ăn mà nhận thấy có bất cứ món gì không sạch, điều gì



làm sai sót cả.

Hồi còn nhỏ, tôi ham chơi làm biếng tắm rửa nên ăn ở dơ dáy. Bây giờ nói ra còn thấy mắc cỡ! Nhà ở miền quê, chung quanh toàn là đồng ruộng, ao hồ suối mương. Tôi suốt ngày rong chơi ở những nơi đó, lăn lộn trong đất bùn, nên người không được sạch. Vài ba ngày là Chị bắt tôi ra ngồi bên thùng nước cạnh giếng, rồi tắm và chà chính xác mấy chỗ bùn đất bám vào người. Lúc đó tôi chừng 5, 6 tuổi. Chị vừa chà đất vừa cảm râm, "Thằng em, sao mày ở dơ quá!" Lúc Chị chà mạnh tay và đau quá thì tôi la lên. Chị bảo, "Mày sợ đau thì đừng ở dơ nữa nghe." Nhưng không hề la mắng gì.

Điều làm tôi nhớ nhất là mỗi lần tôi phá phách điều gì mà Chị nói không nghe thì Chị xách roi rượt đánh tôi. Chị không thấy nên chỉ nghe tiếng khóc của tôi mà chạy theo đánh. Giống như mấy hiệp sĩ mù chỉ nghe hơi gió mà đỡ kiếm và tung chưởng đánh đối phương. Những lúc bị Chị rượt đánh như vậy, lúc đầu tôi không biết nên cứ vừa chạy vừa khóc và bị Chị đánh đòn cho. Sau đó biết rồi, tôi nín khóc, im lặng trốn đâu đó, làm Chị không tìm ra được để đánh. Một lát Chị nguôi ngoai thì hết giận, cười xề xòa, không đánh nữa.

Chị rất tin Phật và thành tâm đối với Tam Bảo. Nhà gần Chùa nên Chị hay đi Chùa lễ Phật. Khi tôi lớn lên, biết tôi có học Phật Pháp, Chị hay hỏi về giáo lý nhà Phật

như nhân quả, nghiệp báo, pháp môn niệm Phật. Chị nhân từ đức hạnh, tánh tình vui vẻ, khoan dung. Cả đời hiếu thảo và phụng dưỡng cha mẹ, thương yêu và chăm sóc các em và các cháu.

Sau năm 1975, Chị xin được một thằng con trai bị người ta bỏ ở bệnh viện đem về làm con nuôi và thương nó như con ruột. Nó cũng rất có hiếu với Chị. Bây giờ, con trai Chị đã lập gia đình và có con cái với cuộc sống ổn định bên nhà. Lúc Chị mới xin đứa con nuôi này về nó vẫn còn đỏ hồng, nghĩa là chỉ được mấy ngày tuổi. Vậy mà Chị tự nuôi nấng nó, pha sữa cho nó bú, nấu cháo dút cho nó ăn, tắm rửa, thay tã lót cho nó mỗi ngày. Ban đêm thì Chị thức khuya dậy sớm để chăm lo từng ly từng tí cho nó. Với một phụ nữ bình thường thì đây đã là việc không dễ, huống hồ Chị là người mẹ khuyết tật độc thân. Dĩ nhiên, cả nhà, mẹ và mấy anh chị em đều thương yêu chăm sóc cho đứa con nuôi của Chị, nhưng chính yếu vẫn là Chị lo.

Chị mất trong giấc ngủ, sáng ra người nhà mới biết. Đó là khoảng năm 2003, tôi không về quê nhà được để chịu tang. Tôi nhớ, hôm nghe tin từ nhà báo cho biết Chị qua đời, lòng tôi đau như dao cắt và thương nhớ Chị không thể tả. Ngoài cha mẹ có ơn sinh thành dưỡng dục, Chị là người mà cả đời tôi biết ơn nuôi nấng và chăm sóc.

Dường như cả nhà tôi, không ai xem và nghĩ Chị là người khuyết tật vì sinh hoạt thường ngày của Chị quá bình thường, bình thường đến mức mọi người trong nhà đều quên Chị là người "không thấy."

Cả nhà tôi đều dùng chữ "không thấy" mỗi khi phải nói về sự khiếm thị của Chị. Dùng chữ "không thấy" để ám chỉ rằng Chị chỉ không thấy bằng mắt thường, nhưng thấy bằng con mắt thứ ba. Biết đâu con mắt thứ ba nhiều khi lại tinh tường và kỳ diệu hơn con mắt thật bình thường.

Chú cá phóng sanh

LAM KHÊ

- A! Chú Cá phóng sanh trở về rồi kìa, bà con ơi.

Cư dân thủy tộc vẫn quen gọi vậy sau mỗi chuyến du hành hồi hương của chú cá nhỏ. Nói du hành cho oai chứ thật ra chú cùng đám bạn của mình mãi vui chơi nên dễ dàng chui lọt vào những cái bẫy do con người giăng ra. Chú cá được phóng sanh bình yên trở về đã trở thành câu chuyện tán gẫu của cả dòng họ nhà cá. Bởi lẽ đâu chỉ có một lần.

Khi vừa mở mắt chào đời, chú cá đã choáng ngợp trong thế giới đầy màu sắc lạ lẫm quanh mình. Bản tánh hiếu động lại thích khám phá nên cả bơi lội tung tăng khắp nơi, hết trời lên rồi lặn xuống đáy sâu để ngắm nghía mấy tảng đá bám đầy rong rêu phía dưới. Rồi một ngày, chú nhận thấy cái miệng mở to của một anh cá lớn đang chờ chờ ăn tươi nuốt sống lấy đồng loại tí hon. Ngay lập tức chú cá bơi trở lên mặt nước và bắt đầu nhận thức mỗi hiểm nguy luôn rình rập chứ không hề êm ả bình yên như mình nghĩ.

Sau lần trải nghiệm đáng nhớ ấy... tiểu Ngư nhà ta chỉ dám kiếm ăn các loài thảo mộc rong rêu gần trên mặt nước. Nơi đây có vẻ an toàn hơn với không gian trải rộng trên cao. Bơi giữa làn nước mát lạnh, chú tha hồ hít thở rồi thỉnh thoảng ngước nhìn đám lục bình dập dề qua lại. Ngày qua ngày chú học được nhiều kinh nghiệm để sinh tồn. Nhưng cuộc sống vốn ẩn chứa nhiều sự bất trắc mà bản thân cá dù tinh đời vẫn không thể lường hết được.

Một buổi sáng trời nắng ấm, không khí trong lành, đang tha thần bơi thì chú cá thấy mình bị hất tung lên, bay

ra khỏi mặt nước rồi rơi tòm vào một nơi nào đó. Cảm giác có điều bất thường, sau vài giây định thần, cá thấy xung quanh có rất nhiều động loại cá tòm đang vùng vẫy tuyệt vọng trong chậu nước bé xíu. Vừa thoát cảnh cá lớn ăn cá bé chú lại bị rơi vào cạm bẫy giăng bắt của con người. Rất cuộc chú đã hiểu ra vấn đề. Bản thân các loài động vật sớm muộn cũng sẽ trở thành miếng mồi ngon phục vụ nhu cầu ăn uống vô tận cho cả bàn dân thiên hạ.

... Ngày rằm, Phật tử mua cá đem đến chùa nhờ quý sư tụng kinh chú nguyện cho chúng. Sau đó những thùng xô chứa đầy tôm cá lại mang thả trên sông gọi là phóng sanh làm phước. Được tự do, đàn cá gặp nước vui mừng quẫy đạp tung tóe nhưng chỉ trong chốc lát... tất cả đã bị lừa bắt trở lại bởi những kẻ cơ hội luôn đợi chờ quanh đó. Đàn cá bị mua bán nhiều lần đến nỗi mù mờ quên mất phương hướng nên rất ít trong số đó được sống sót quay trở về. Dù vậy, những chú sanh mang nghiệp chướng nặng nề cũng có vài lần được quý thầy quý y sám hối và chú nguyện cầu vãng sanh. Thế nên khi xả bỏ thân cá chắc chắn chúng sẽ được thác sanh về một nơi nào đó thật an lành thiện lạc.

Chú cá nhà ta nhờ may mắn nên dù trải qua nhiều lần bị đánh bắt vẫn thoát được một cách bình an vô sự. Mỗi lần được phóng sanh là chú lại tìm về quê xưa, kể cho cả gia tộc nhà cá nghe về những lần thoát chết, những bài kinh lời chú mà cá đã nghe quý thầy đọc tụng bao lần đến cả thuộc lòng. Vậy nhưng đa số

bọn họ lại không tin, còn cho rằng chú cá nhỏ đi xa về rồi ba hoa khoác lác những chuyện trên trời dưới đất. Không chỉ vậy, chú lại nhận được lời khuyến cáo rất nghiêm túc của các bậc cha chú:

- Mày đừng nghĩ sẽ còn cơ hội may mắn lần sau đâu nhé. Cả bầy cá bị phóng sanh có được mấy con quay về. Rong ruổi cho nhiều thì trước sau bản thân cũng nằm trên dao thớt nhà người ta thôi. Còn nữa, với bộ vảy màu sáng của mày sẽ thu hút mấy tay chuyên chơi cá cảnh tìm bắt. Phải liệu mà tránh xa những nơi nguy hiểm đó.

Tuấn Anh đi học về, chào bà nội và bố mẹ xong liền đi nhanh lên lầu. Hiếu Nhi chạy theo anh ríu rít hỏi:

- Anh Hai! Hôm nay có mua quà cho Nhi không?

Tuấn Anh mở cửa phòng lại rồi quay nhìn em gái:

- Mua quà gì chứ?

- Thì anh Hai hứa hồi tối đó. Quên rồi sao?

- A! Nhớ, nhưng để bữa nào đi. Hôm nay anh hết tiền rồi.

Nhìn thấy vẻ mặt ngơ ngác của cô em, anh Hai vội nói nhanh:

- Là thế này... anh Hai vừa mua con cá cảnh đẹp lắm. Vẫn còn ít tiền nhưng lát nữa phải mua thức ăn cho cá.

- Anh Hai lại nuôi cá hả?

Tuấn Anh đưa tay bịt miệng em:

- Nói khẽ chứ. Bà nội, bố mẹ mà biết là anh bị rầy đó.

Tuấn Anh lấy trong cặp ra một lọ thủy tinh và đặt lên bàn. Chú cá của chúng ta đang ở trong đó. Chú ve vạy đuôi rồi lắng nghe tiếp câu chuyện của hai anh em.

- Ô... Con cá đẹp quá! - Hiếu Nhi lên tiếng - mà anh Hai mua ở đâu vậy?

- Của mấy người chuyên bắt cá phóng sanh. Họ quăng lưới vẫy cả đàn cá người ta vừa thả xuống sông. Anh thấy con cá này có vảy màu vàng sáng đẹp nên hỏi mua. Nó thuộc loại cá cảnh mà.

Hiếu Nhi ngăm nhìn chú cá

hồi lâu rồi trầm giọng khẽ nói:

- Hồi ông nội mình còn sống cũng nuôi cá cảnh, nhiều con còn đẹp hơn nữa kia. Sau khi ông qua đời, bà nội đem phóng sanh hết cá vào ao nhà chùa và không cho ba nuôi tiếp. Bà bảo nuôi cá là chúng ta tạo nghiệp giam giữ sự tự do của nó. Nuôi không khéo, nó chết là mình mang tội sát sanh đó. Bà nội mà thấy con cá này, chắc chắn sẽ bảo anh thả ra ngay.

- Ừ! Nhưng nếu bé Nhi không mách lẻo thì làm sao bà biết được.

Hiếu Nhi trẻ môi:

- Nhi không mách lẻo thì sớm muộn bà cũng biết thôi. Anh Hai tưởng giấu mãi được à. Thôi thì thế này. Anh Hai cho Nhi con cá này đi, coi như món quà anh hứa tặng hôm qua.

Tuấn Anh tròn mắt:

- Nhi nuôi hả? Cá sẽ chết nhanh hơn đấy.

Hiếu Nhi lắc đầu:

- Nhi đem thả nó vào hồ sen ở chùa. Tuần tới giỗ ông nội rồi. Nhà mình ăn chay cả tháng nay để cầu siêu cho ông. Bà nội còn mua chim cá phóng sanh, thế mà anh Hai lại đi sát sanh...

Tuấn Anh quát nhẹ:

- Nuôi cá mà cho là sát sanh à. Thôi đừng cãi nhai nữa cô bé. Cứ để mặc anh.

Được di truyền từ người ông quá cố nên Tuấn Anh tỏ ra khá thành thạo trong việc chăm nuôi cá cảnh. Có điều chú cá vàng chỉ có bộ váy bên ngoài là ra dáng quý phái thôi chứ

bản chất thật của chú thuộc loại đồng nội quê mùa. Cá đã quen sống nơi hồ ao sông suối, ăn các loại thảo mộc thiên nhiên, thích ngắm nhìn cây cỏ dọc theo con nước mênh mông. Nay phải chịu cảnh giam cầm lại bắt ăn các loại thực phẩm chế biến thì làm sao nuốt nổi. May mà có mấy cọng rong tươi để cá nhấm nháp duy trì mạng sống nhỏ nhoi của mình.

Buổi chiều đi học về Hiếu Nhi lại lên phòng anh Hai để xem chú cá còn sống không. Tuấn Anh cầm gói thức ăn đọc đi đọc lại mấy dòng chữ trên đó rồi bần khoăn nói:

- Thức ăn dành cho cá cảnh còn hạn sử dụng mà sao con cá này lại không chịu ăn. Cả ngày thức ăn vẫn còn nguyên, chỉ có mấy cọng rong là vơi đi thôi.

Hiếu Nhi nhìn vào chậu cá rồi nói:

- Thức ăn cộng nghệ người ta chế biến hỗn hợp từ đầu tôm đầu tép đến giun đất giun chỉ gì đó, cá không ăn là phải rồi. Loại cá này chỉ ăn các loại thực vật thôi, như người ta ăn chay vậy đó.

- Cá mà cũng ăn chay ăn mặn nữa hả nhỏ?

- Có đấy. Để Nhi thử cho anh Hai coi nha.

Nói xong cô bé chạy biến ra khỏi phòng. lát sau mang vào mẫu bánh mì khô. Hiếu Nhi bẻ từng miếng nhỏ cho vào chậu. Chú cá thấy mùi liền bơi lên đớp nhanh. Cô bé hồ hởi:

- Anh Hai thấy chưa? Cá

nuôi ở chùa quý thầy cũng cho ăn cơm nguội và bánh mì khô. Vậy mà chúng khỏe mạnh lại chung sống rất vô tư vui vẻ.

Tuấn Anh phì cười:

- Tại nó đang đói thấy mồi là đớp ngay thôi. Mà bé Nhi làm chuyện gia khảo sát cá hồi nào vậy, hiểu rõ cả tâm lý vui buồn của chúng.

- Hiếu Nhi hay theo bà nội đi chùa tụng kinh vào chiều chủ nhật. Lúc này quý thầy đang cho cá ăn. Khi nghe đánh tiếng kèng là cả một đàn cá nổi lên đầy cả hồ sen, lớn có nhỏ có. Được quý thầy huấn luyện theo khuôn phép nhà chùa nên chúng ăn rất trật tự chứ không chen lấn giành giật. Ăn xong cả đàn cùng bơi dạo quanh hồ sen trông rất đẹp mắt. Cá nuôi ở chùa cho ăn đầy đủ, lại không sợ con người đánh bắt ăn thịt, cũng không có chuyện cá lớn hiếp cá bé. Đời sống như vậy mà không an lạc hạnh phúc là gì.

- Nhà chùa có nuôi cá sao? Người ngoài có đến thả câu đánh bắt không?

- Chùa có ao sen. Cá do Phật tử mang đến phóng sanh rồi thả vào đấy, lâu ngày thành ra nhiều đến chật cả ao. Quý thầy phải vớt đem thả vào mấy con kênh trong thành phố. Cá trên kênh phần nhiều cũng là cá phóng sanh và chính quyền cũng nghiêm cấm việc đánh bắt để bảo vệ đàn cá cũng là bảo vệ môi trường chung. Cá chùa nuôi không ai dám bắt ăn vì sợ mang tội. Chúng được cảm hóa nên có tánh linh như con người vậy, biết nghe kiêng lệnh, lúc quý thầy tụng niệm, chúng đồng loạt nổi lên để nghe kinh nữa đấy.

- Hay quá nhỉ. Hôm nào anh sẽ lên chùa để tận kiến đàn cá này mới được. Nhiều lần đi chùa, có nghe nói nhưng chưa từng chiêm ngưỡng...

- Vậy chiều nay đi. Tuần tới giỗ ông nội rồi. Mấy hôm nay bà nội, ba mẹ cùng lên chùa tụng kinh cầu siêu độ cho ông.

- Chiều nay à... Ừ thì đi.

... Cuối cùng chú cá nhà mình cũng tìm được một bến đỗ an lành. Vẫn trong dòng



sanh tử lưu chuyển, nhưng dòng chuyển lưu đã trở nên thông thoáng nhẹ nhàng. Vẫn mang thân cá nhiều hệ lụy, nhưng việc đến đi đã thông dong tự tại hơn nhiều. Trong ao sen nhà chùa... hội tụ những đàn cá phóng sanh nhiều thể hệ đang chung sống hòa bình thân thiện. Trong môi trường tỏa đầy hương sen và lòng người trải rộng, dòng chuyển lưu của chú cá đã thật sự bước sang một trang đời mới.

Những buổi chiều... không gian yên ắng, chú cá lại bơi dạo quanh hồ, lắng nghe từng bước chân qua lại của khách hành hương viếng cửa chùa.

- Anh Hai lại đây xem. Con Cá vàng của mình đang bơi kia. Quý thầy bảo con cá này có Phật tánh sâu dày. Mà những con cá được thả ở đây đều như vậy cả, chắc chắn khi hết làm thân cá chúng sẽ sanh lên cõi người hoặc xa hơn là thế giới Cực Lạc. Đó là một nơi cực vui, không có cảnh chiến tranh chém giết hận thù như cõi Ta Bà này đâu. Nơi ấy cũng có vườn cây đầy tiếng chim hót, có hồ sen để các loài cá có thiện duyên sanh về. Trong thế giới Cực Lạc không chỉ cá biết nghe kinh mà chim cũng biết nói pháp nữa đấy.

Tuấn Anh bật cười:

- Em gái thuyết pháp nghe hay lắm, có vẻ đã thâm nhập kinh điển nhiều rồi.

Nhìn đàn cá bơi lội dưới ao, Tuấn Anh cũng nghe lòng lâng lâng niềm vui thích ngưỡng mộ. Ở đây cảnh trí không gian thật tuyệt vời, nhất là được ngắm nhìn đàn cá ung dung bơi lội trong hồ sen, cảm giác như mình đang bước vào một thế giới an lành thánh thiện không chút vẩn đục đời thường.

Dòng sông đời trôi qua muôn nẻo... vẫn có một nơi nào đó để muôn thú quay về, cùng chung sống chan hòa trong ánh đạo từ bi bất diệt./.

LAM KHÊ

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Phước báo của sự bảo vệ sanh linh

Soạn giả: THÍCH MINH CHIÊU
(Truyện Cổ Phật Giáo)



Thuở xưa, có một vị La Hán ở trên núi tuyết đã chứng Lục thông: thấy rõ việc trong ba đời như xem việc trước mắt, nên danh tiếng vang lừng, người đương thời đều cảm phục.

Vị La Hán kia có nuôi thiếu niên Sa Di làm đệ tử.

Một hôm, vị thiếu niên đệ tử đứng hầu bên cạnh thầy. Vị La Hán xem qua sắc tướng của vị đệ tử mình, Ngài liền buồn rầu bảo rằng:

- Con ơi, Thầy xem sắc tướng hôm nay, Thầy rõ biết phước báo của con đến nay đã gần hết, sau bảy ngày nữa mạng con sẽ chết. Thôi Thầy trò ta ngày nay vĩnh biệt. Thầy cho con trở về nhà thăm bà con quyến thuộc và cho con được thấy cha mẹ con trong phút cuối cùng.

Nghe xong, thiếu niên Sa Di chỉ biết đau đớn đành lễ thầy rồi gạt lệ từ tạ ra đi.

Trên đường về, gặp phải trận mưa lớn, thiếu niên Sa Di rẽ qua con đường hẻm thấy một bầy kiến nhỏ đang chơi với trên một dòng nước nhỏ chảy ngang đường. Bầy kiến hết sức chống đỡ, nhưng vô hiệu; vì thân nhỏ sức yếu mà dòng nước quá mạnh, nên đành để dòng nước tự do dầy xéo, và chờ dòng nước đưa về cõi chết.

Thiếu niên Sa Di thấy vậy, động lòng từ bi, liền cởi chiếc áo đang mặc trong mình ngăn ngang dòng nước để đàn kiến có chỗ leo vào, những con nào kiệt sức, không thể leo vào áo được, thiếu niên Sa Di nhẹ tay bắt từng con bỏ vào áo, rồi đem bỏ vào chỗ khô ráo. Hai ba phen xem xét thấy bầy kiến chắc chắn thoát chết, mới yên lòng về nhà.

Đến nhà, trong thời gian bảy ngày, thiếu niên Sa Di lo sợ chờ ngày mạng chung. Nhưng đến ngày thứ tám, thiếu niên vẫn còn sống. Thiếu niên Sa Di mừng rỡ trở về chỗ thầy.

Đến nơi, vị La Hán hết sức ngạc nhiên! Không biết vì sao đệ tử mình đến bây giờ mà vẫn còn sống. Ngài liền nhập định dùng diệu trí quan sát mới biết đệ tử mình do công đức cứu bầy kiến nên bảy ngày không chết mà còn sống lâu được nữa.

Sau khi xuất định, vị La Hán giải cho Sa Di rõ lý do thoát chết, và giải nghĩa chữ từ bi.

Từ đây, thiếu niên Sa Di tinh tấn tu hành không bao lâu chứng được đạo quả.

Đức Tâm

Dùng lòng từ bi cứu một mạng sống đang phước báo không kể xiết.

CẢI BẮP

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Cải bắp (cabbage) có nhiều loại rất khác nhau về hình dáng. Đa số có một cuống ngắn, to và nhiều lá hoặc hoa cuộn lại thành một khối.

Mặc dù không ngon như súp lơ xanh (broccoli) hoặc súp lơ trắng (cauliflower), nhưng cải bắp được tiêu thụ nhiều hơn với sản lượng ngang hàng với khoai tây.

Thành phần dinh dưỡng

Các loại cải bắp đều có nhiều chất xơ trong cuống và lá.

Một số cải bắp cũng có một ít sinh tố A, B, C, folate, và một ít kali. Một ly cải bắp nấu chín chỉ có 30 calori do đó là món ăn rất tốt cho người muốn giảm cân mà lại thích ăn nhiều.

Khi ăn sống hoặc hấp sơ, rau còn giữ được nhiều sinh tố C hơn.

Khi mua, lựa rau mà lá còn tươi màu tự nhiên và cuộn chặt vào nhau.

Cắt giữ rau nơi mát, tránh ánh sáng. Nếu gói kín, để trong tủ lạnh, rau có thể giữ lâu được tới sáu tháng.

Đa số cải được bán khi còn tươi, một số ít được muối rồi đóng hộp hoặc để trong túi nhựa gần kín.

Cải bắp có thể ăn sống, làm rau trộn và lách hoặc nấu chín như hấp, luộc, xào, muối dưa... hoặc nấu chung với thực phẩm khác như thịt, trứng...

Khi nấu, cải bắp mất đi nhiều sinh tố C và toát ra mùi diêm sinh khó chịu. Nếu chỉ hấp qua với một ít nước thì rau còn giữ được nhiều sinh tố hơn. Nấu với nhiều nước thì sinh tố mất đi nhiều hơn.

Tác dụng y học

Ngoài việc dùng làm thực phẩm, cải bắp cũng có vài ích lợi y học.

Người La Mã cổ đại xem rau cải như một loại thuốc trị bá bệnh, làm sinh lực dồi dào, tinh lọc máu.

Ngày nay có nhiều nghiên cứu cho hay cải bắp bảo vệ cơ thể với vài loại ung thư, đặc biệt ung thư đại tràng. Các khoa học gia bên Nhật đã tách được hóa chất chống ung thư từ nước chiết cải bắp.

Một số bác sĩ tại Hoa Kỳ đã nghiên cứu công dụng của cải bắp với bệnh viêm bao tử và thấy khá hữu hiệu, nhất là khi uống nhiều nước chiết cải bắp sống. Nước chiết có sinh tố U với acid amine methionine. Nấu quá chín thì sinh tố U bị nhiệt tiêu hủy.

Giáo sư Đỗ Khắc Lợi ở Việt Nam đã dùng nước ép cải bắp để trị các bệnh loét dạ dày, tá tràng, đại tràng với kết quả khả quan. Theo ông, điều trị bằng nước ép cải bắp không có biến chứng, và có thể dùng chung với các thuốc khác.

Theo nghiên cứu, cải bắp có thể tiêu diệt vi trùng trong ống nghiệm và làm tăng sự miễn dịch của cơ thể.

Một vài nghiên cứu khác cho hay cải bắp còn có khả năng làm tăng estrogen trong cơ thể, nên phụ nữ ăn nhiều rau này thì có nguy cơ bị ung thư vú, dạ con.

Người bị bệnh tuyến giáp không nên ăn nhiều cải bắp vì một vài hóa chất của rau có thể làm giảm sự sản xuất hormon của tuyến này.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Go Green With Cabbage

Nutrients*
Dietary Fiber 10%
Protein 3%
Carbohydrate 2%

Vitamins*
Vitamin K 95%
Vitamin C 61%
Folate 11%

Organic Facts

Minerals*
Manganese 8%
Potassium 5%
Calcium 4%

Delays aging process

Reduces high blood pressure

Effective remedy for weight loss

Delays onset of conditions such as osteoporosis

Promotes good eye health

Good remedy for constipation and digestion

Prevents cancer and reduces inflammation

Boosts mental function and concentration

Treats scurvy and relieves pain

*% Daily Value per 100g. For e.g. 100g of cabbage provides 95% of daily requirement of vitamin K.

www.organicfacts.net

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



CÓ LÝ CẢ

Bà nọ ăn vận phục sức rất sang trọng đến chùa lễ Phật, nhiều tiếng xậm xì sau lưng:

"Đi chùa lễ Phật mà như đi xem hát không bằng!"

Bà nghe được bèn vặn lại:

"Còn các bà lên chùa thì mặc đồ thô, đồ xấu còn đi chơi thì diện như con công. Hoá ra các bà Xem nặng việc chơi, coi thường Phật quá!"

Mọi người chưng hửng, thầy nghe được cười:

"Các bà có lý cả"

Có người thắc mắc:

"Hai bên ý kiến trái ngược nhau mà sao thầy bảo đều có lý cả?"

Thầy cười to hơn:

"Anh cũng có lý nốt."

THỊ CAO ĐỒ

Vốn là cô đào hát nhưng ngộ lẽ vô thường nên vào chùa xin xuất gia. Ni cô học lệ biết nhiều lại thường có những hành động ngược với lẽ thường nên trong chúng ít nhiều tị hiềm:

"Vốn xuất thân đào hát, có gì mà làm màu."

Ni cô cũng chỉ cười trừ, chẳng bao lâu ni cô lâm bệnh qua đời khi tẩm liệm mọi người phát hiện ấn chứng của hòa thượng, bấy giờ mọi người mới vỡ lẽ ra. Có người buột miệng thốt lên:

"Cô đào thị cao đồ."

Ni trưởng bảo:

"Tri chúng báo cho chúng tri cô đào xuất cao đồ."

MẠNH HƠN BẠO LỰC

Mà vương hạp bộ sậu trông rất giận dữ:

"Thế gian này do ta cai quản, ấy vậy mà bọn du sĩ ung dung vượt vòng cương tỏa. Bọn các người mau dẹp hết tự viện của chúng, kẻ nào chống

lại thì cứ việc giết!"

Hôm sau ma quân kéo lên tuyết sơn đốt phá chùa, viện, sở... và báo về hồng đồ hắc điện. Ma vương vui lắm:

"Bọn du sĩ sẽ khiếp đảm sức mạnh của ta."

Thời gian qua mau, các du sĩ vẫn ung dung hành trì như thường. Y biết được gầm lên:

"Bọn du sĩ mạnh hơn bạo lực ta ư?"

BỐ KHÍ NHÀ ANH

Xuất thân vốn bản hèn nhưng theo thời thế nên leo lên ngôi vị cao, làm quan một thời gian thì xây phủ đệ như cung vua, vợ con du hí nước ngoài, cửa chìm cửa nổi nhiều không biết bao nhiêu... Dư luận xôn xao, quan thanh minh:

"Mồ chẵn trâu, thả nái, lái xe ôm, làm thối móng tay... mới được vậy."

Người trong quận cười:

"Bố khí nhà anh!"

Chẳng may quan chết sớm, hồn tiếc của cứ lảng vảng muốn vào nhưng hai con sư tử Tàu ở cổng ngăn lại:

"Ông là ai? Bọn tôi giữ phủ chỉ biết có chủ nhân thôi!"

BỊ GẠT

Bọn hào lý chức dịch ăn tàn phá hại, hoành hoệ dân làng quá đỗi nên lòng người bất bình lắm. Cụ lý thấy vậy bèn hô hào:

"Anh em ơi! Hãy cùng ta đập ruồi diệt chuột."

Bọn chúng cười sảng sặc văng nước dãi ra sân đình:

"Cụ lý vui tính quá! nói chơi, nói đùa hay nói giỡn vậy?"

Có con chuột chẳng may

sập bẫy, kẹt nổi nó có bảo bối gì đấy nên cụ lý phải điều đình với nó, nào ngờ việc xong cụ xuống tay giết luôn. Trước khi thọ án nó khóc lớn:

"Ta bị con chuột lớn gạt rồi!"

GIÚP LÀ GIÚP LÀM SAO

Giặc dữ càn quét cả thể gian, ấy vậy mà tổ tiên y ba lần đánh bại chúng. Đến đời y thì bại hoại, bết bết hết cỡ. Gã du côn hàng xóm sang giết người cướp của thể mà y nín khe đã vậy còn tôn nó làm đại ca. Người nhà bất bình sợ sanh biến. Y bèn thậm thụt nhờ tay giang hồ khác can thiệp giùm. Nào ngờ nó lại oang oang:

"Anh cắt gia sản biếu cho người ta rồi lại nhờ ta giúp, giúp là giúp làm sao?"

Y then quá xúi đàn em chửi:

"Đời đời căm thù bọn giặc cướp!"

TƯỜNG BỎ

Phủ đường xuống trát kêu mọi người góp ý để công quyền ngày càng minh bạch. Có tên tiểu lại tường bỏ bèn đăng đàn:

"Triều đình hủ lậu, quan lại những lạm, hoành hoệ lương dân, quốc kế dân sinh bại hoại..."

Nửa đêm hôm ấy điện thoại nhà y reo, bắt máy thì có giọng lạ:

"Giang hồ gần đây hay chém lăm lăm, muốn an toàn thì ngậm miệng lại!"

Sáng ra y báo công sai để điều tra. Công sai hăm hờ lăm nhưng khi nhìn thấy số máy thì mặt biến sắc liền giả là:

"Việc này ngoài vùng phủ sóng của tôi!"

Georgia, 8/2017

NẤM BÀO NGƯ XÀO SẢ ỚT

Đây là món ăn chay, làm cực nhanh và đơn giản, ăn nhiều cũng không sợ lên cân mà còn tốt cho sức khỏe, phù hợp nhất cho những phụ nữ bận rộn và không có nhiều thời gian nội trợ.



1. Sơ chế

- Nấm rửa sạch, để ráo, xé sợi to. Thơm cắt miếng. Củ nghệ vắt lấy nước.
- Nấm rơm ngâm rửa sạch, để ráo. Lá boaro cắt xéo. Ớt sừng cắt thành sợi.

2. Xào nấm

- Phi thơm 2 muỗng sả băm, cho nấm bào ngư, nấm rơm vào xào, cho nước nghệ tươi, nêm 1 muỗng đường, 1 muỗng nước tương, 1/2 muỗng bột nêm, cho nước nghệ tươi và thơm vào đảo nhanh tay, tắt lửa, thêm ớt sợi, lá boaro và rắc tiêu lên trên.

3. Cách dùng

- Dùng nóng với cơm trắng.

4. Mách nhỏ

- Không nên chọn nấm quá to khi xào sẽ bị dai. Nên chọn loại nhỏ, màu trắng mịn.
- Nghệ tươi sẽ làm món ăn thơm ngon hơn và màu sắc đẹp.

Nguyên liệu

Nấm bào ngư: 200g
Thơm: 1/4 trái
Nấm rơm búp: 100g
Ớt sừng: 1 trái
Nghệ tươi: 1 củ
Lá boaro, sả băm
Đường, dầu ăn
Bột ngọt
Nước tương

Nguồn: amthucchay.org



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.



TỰ DO TRONG GIÁO DỤC

Mạnh Kim

Việt Nam hết như Mỹ cách đây hơn một thế kỷ, khi vào năm 1899, nhà giáo dục Mỹ William T. Harris than phiền rằng hệ thống giáo dục Mỹ đã phát triển một "cỗ máy" mà học trò chỉ biết ngồi nghe. Giáo dục là vậy sao? Giáo dục là giúp định hình nhân cách thông qua cung cấp kiến thức và tạo ra một xã hội sáng tạo, hay là chỉ sản xuất những người máy chỉ để phục tùng? Chúng ta nghe nói rất nhiều về chuyện VN còn nghèo nên không thể so với các nước phương Tây. Vấn đề có phải thực là do nghèo, hay đó là cái cớ để biện bạch một hệ thống giáo dục mục ruỗng đầy bức bối và phi tự do? Hãy thử xem một trường hợp để thấy việc đưa lý do "nghèo" chỉ là một sự lấp liếm nguy hiểm.

Trường tiểu học José Urbina López nằm cạnh một bãi rác gần biên giới Mỹ-Mexico. Nó dành cho cư dân thành phố nhếch nhác Matamoros với 489.000 cư dân, một trong những điểm nóng của cuộc chiến ma túy Mexico, nơi người dân vốn quen với cảnh giang hồ bản nhau như cơm bữa, nơi xác người bị vất bên vĩa hè... Để đến trường, học sinh phải đi trên con đường bụi bặm chạy song song với con kênh hôi thối nồng nặc. Dân địa phương gọi ngôi trường của họ là "un lugar de castigo" (nơi của sự trừng phạt). Học sinh trường José Urbina López đều nghèo, chẳng hạn em Paloma Noyola Bueno 12 tuổi, con một gia đình với ông bố làm nghề "móc rác." Đó cũng là nơi có thầy Sergio Juárez Correa, người cũng trưởng thành cạnh một bãi rác của thành phố này.

Năm 2011, thầy giáo trẻ Correa bắt đầu tìm kiếm phương pháp giáo dục. Anh tình cờ xem một video về Sugata Mitra, giáo sư giáo dục học Đại học Newcastle (Anh). Từ cuối thập niên 1990, Mitra đã thử nghiệm mô hình giáo dục tự do bằng cách cho học sinh Ấn Độ tiếp cận máy tính và tự học. Không có bất kỳ hướng dẫn nào, các em, thế mà, vẫn tự học để biết nhiều điều, từ chuỗi ADN đến tiếng Anh. Năm 1999, Mitra là nhà khoa học máy tính tại một công ty ở New Delhi. Văn phòng ông nằm sát khu ổ chuột.

Ngày nọ, Mitra treo một máy tính trên bức tường nhìn ra khu ổ chuột và lặng lẽ quan sát. Bọn trẻ tò mò. Rồi chúng tìm cách sử dụng. Năm 2010, Mitra cài vào máy tính thông tin về vật chất sinh học phân tử và đặt máy tại

Kalikuppam (ngôi làng ở Nam Ấn Độ). Ông chọn một nhóm từ 10-14 tuổi, nói với chúng rằng trong máy có "gì đó" rất thú vị. 75 ngày sau, bọn trẻ biết cách sử dụng máy tính rồi tự tìm hiểu sinh học phân tử. Mitra kiểm tra chúng bằng một bài test. Bọn trẻ trả lời đúng được 1/4 câu hỏi. Sau 75 ngày nữa, với hỗ trợ một người địa phương, bọn trẻ trả lời đúng toàn bộ. Từ nghiên cứu thực nghiệm trên, Mitra bắt đầu xây dựng mô hình giáo dục tự do mà hiện được áp dụng nhiều nơi thế giới...

Mô hình Mitra thật ra không mới. Nó là sự trở về với định tính của giáo dục nguyên thủy: giáo dục là tự do chiêm nghiệm và tự do sáng tạo. Mô hình này có từ thời Socrates. Các nhà lý thuyết giáo dục, từ Johann Heinrich Pestalozzi, Jean Piaget đến Maria Montessori, đều tin rằng học sinh sẽ học bằng cách chơi và được thúc đẩy khám phá bằng óc tò mò. Albert Einstein từng trải qua một năm tại ngôi trường theo phương pháp Pestalozzi vào giữa thập niên 1890 mà sau đó ông có nhắc đến khi kể rằng phương pháp Pestalozzi đã giúp ông có được sự tự tin và tự do để thực hiện những thử nghiệm nền tảng đầu tiên cho thuyết tương đối. Hai người sáng lập Google, Larry Page và Sergey Brin, cũng nói ngôi trường theo phương pháp Montessori đã mang lại tinh thần độc lập và sáng tạo cho họ.

Năm 2009, Đại học Louisville và MIT thực hiện một nghiên cứu với 48 trẻ từ 3-6 tuổi. Bọn trẻ được chia làm hai nhóm, với cùng một



Những đứa trẻ được tự do "bò ra đường" vẽ nghịch ngay tại Fifth Ave trước Central Park, New York (ảnh: MK)

HOAN HỖ SỐNG, TÙY TỤC, TÙY DUYÊN

LÂM THANH HUYỀN

Minh Chi dịch

món đồ chơi. Một nhóm được hướng dẫn một chức năng của món đồ chơi; nhóm kia không được hướng dẫn. Ở nhóm đầu, chúng phát hiện thêm bốn chức năng của đồ chơi; nhóm thứ hai, chúng chơi lâu hơn và phát hiện trung bình 6 chức năng... Thí nghiệm này chứng minh rằng não người tự nó đã biết học và nó sẽ học nhiều hơn bằng sự kích thích qua một xúc tác hơn là can thiệp bắt buộc.

Trở lại ngôi làng nghèo Mexico nơi có ngôi trường nghèo José Urbina López của đám học sinh nghèo và ông giáo nghèo Sergio Juárez Correa. Ngày khai giảng 21-8-2011, Correa vào lớp. Anh bắt đầu nói rằng, có những đứa trẻ trên thế giới có thể nhớ pi đến hàng trăm dấu phẩy; có thể viết giao hưởng; chế robot và thậm chí máy bay. Những đứa trẻ bên kia biên giới nước Mỹ, tại Brownsville (Texas), có laptop, internet tốc độ cao... "Tuy nhiên, các em có một thứ có thể làm các em ngang bằng với bất kỳ đứa trẻ nào trên thế giới: đó là "tiềm năng" - Correa nói. Từ đó, học trò Correa tự tìm cách khai mở tiềm năng. Từ việc dạy toán bằng cách cho tự đếm đồng xu, Correa tổ chức các buổi thảo luận về mọi đề tài. Liệu đồng tính và phá thai có nên bị cấm? Chính phủ Mexico nên làm gì về nạn di cư lậu vào Mỹ? Khi học trò hỏi phía bên kia Mặt trăng là gì, thầy Correa không ngại nói không biết. Về tra Google, thầy trở lại lớp với câu trả lời vào hôm sau.

Ngày kia, có một con lừa lọt xuống cái giếng gần trường. Chủ lừa nói rằng con vật đã già và thà chôn luôn nó hơn là tìm cách cứu nó ra. Thế là ông ấy quyết định lấp giếng. Tuy nhiên, mớ đất hất xuống làm giếng nông hơn cuối cùng đã giúp con lừa nhảy ra khỏi dễ dàng. Lấy câu chuyện này, Correa nói với học sinh: "Chúng ta như con lừa đó, các em ạ. Mọi thứ ném vào ta đều là cơ hội để ta vươn ra khỏi cái giếng của chính mình". Vào mùa thi cuối niên khóa, hầu hết học trò Correa đều đạt điểm cao. Điểm cao nhất của học sinh lớp Correa thuộc về em Paloma Noyola Bueno 12 tuổi, với 921. Điểm cao nhất toàn quốc cũng là 921! Cô bé mất cha và sống sát bên đồng rác công cộng khổng lồ, Paloma, hệt như con lừa mà em chứng kiến. Em đã tự thân thoát khỏi cái giếng u tối không bằng một nền giáo dục khuôn mẫu, một nền giáo dục xa xỉ những lời hứa, một nền giáo dục tham những mục thối từ thượng tầng; mà, đơn giản, bằng ngọn đuốc của giáo dục tự do.

Mạnh Kim

Có câu chuyện sau đây về Thiền sư Hoàng Bích. Khi Thiền sư còn là đệ tử một vị Hòa Thượng trụ trì một ngôi chùa, thì có Đường Tuyên Tôn, lúc bấy giờ chưa lên ngôi vua, chạy loạn đến ngôi chùa, trong khi Thiền sư Hoàng Bích ngồi tham thiền. Một ngày, Đường Tuyên Tôn thấy Thiền sư Hoàng Bích đang lễ Phật, bèn hỏi: "Người cầu đạo không được chấp trước ở Phật, Pháp, Tăng, sao sư còn lễ bái?" Thiền sư Hoàng Bích trả lời: "Tôi không có chấp trước ở Phật, Pháp, Tăng. Tôi chỉ tùy tục mà thôi."

Sự lễ bái của Thiền sư Hoàng Bích không nhằm một đối tượng cụ thể mà là nhằm khai phát nội tâm, chỉ là tùy tục, không có mong cầu, không có nhiệm trước, không có tham trước, chấp trước và hoàn toàn thanh tịnh.

Chúng ta đối với tình dục trong cuộc sống, cũng phải tùy tục, tùy duyên.

Yêu thương cha mẹ, vợ, con bạn bè mình, đều không có mong cầu riêng. Yêu thương cha mẹ không phải vì cha mẹ có tiền, dù cha mẹ có nghèo không đồng xu dính túi, cũng yêu thương cha mẹ. Yêu vợ không phải vì được vợ nấu cơm, quét dọn nhà cửa, giặt dũ quần áo mà là vì nhân duyên vợ chồng, yêu thương con cái cũng không có mong cầu riêng, để cho chúng nó sau này lớn sẽ nuôi dưỡng mình, mà cũng là tùy tục, tùy duyên mà thôi.

Có lần con tôi hỏi: "Này ba, khi ba già rồi, con không muốn ở cùng với ba nữa, vì người già rất khó tính. Nhưng tháng nào, con cũng gửi tiền cho ba." Tôi bèn nói: "Ngày mai, con phải dọn ở một nơi khác, vì con quá nhỏ tuổi, hay gây phiền phức, nhưng ba sẽ gửi tiền cho con." Con tôi rất hồ thẹn, nói: "Thưa ba, con xin lỗi ba, khi ba già con sẽ ở với ba."

Chúng ta săn sóc con cái, không phải để sau này chúng phụng dưỡng chúng ta. Chúng ta có bạn bè, cũng không phải vì bạn bè cho chúng ta nhiều lợi ích. Chúng ta trong quan hệ bạn bè cũng không có mong cầu riêng gì hết.

(Trích "Tin Tức Từ Biển Tâm", nguồn: thuvienhoasen.org)

THIỀN TẬP GIỮA TRẬN ĐỒ TÂM THỨC

Nguyễn Giác

Chúng ta gọi "trận đồ tâm thức" để chỉ cho những gì gian nan, khó hiểu, tự nhiên chệch ra ngoài sách vở... Bởi vì, có một số người tập Thiền một thời gian, thế rồi đâm ra hoang mang, lo lắng, khi nhìn thấy cái rỗng rang của tâm thức như nhảy vào vực sâu. Trong khi đó một số người tập thiền rồi tự xưng là Phật, là A La Hán đương đại duy nhất, là đại giáo chủ, là siêu sư phụ, và là vân vân. Có phải vì họ đã nhìn thấy hào quang? Có phải vì họ đã nghe tiếng lạ? Có phải vì họ thấy toàn thân lay động như có cõi vô hình nhập vào? Có phải vì nhiều lý do tương tự? Thực ra thấy nghe gì cũng từ tâm hóa hiện ra, tưởng thực sẽ là những dạng bệnh thôi. Nơi đây, chúng ta chỉ nhìn về sự kiện và sẽ chỉ nói về những gì có thể giải thích theo khoa học và kinh sách. Cũng xin thưa, bài này chỉ là một khảo sát không thẩm quyền, vì bản thân người viết tu học chưa tới đâu, nên không có cặp mắt nhìn thấu suốt ba cõi.

Chúng ta đang nhìn thấy dân Hoa Kỳ rủ nhau Thiền tập, từ bệnh viện tới nhà tù cai nghiện, từ quân đội tới cảnh sát, từ trường học tới Quốc hội... Ai cũng nhìn thấy công năng thần diệu của Thiền tập. Đúng là có công năng thực sự. Thậm chí, có thể chữa rất nhiều bệnh, có thể giúp bỏ hẳn thuốc giảm đau trong nhiều trường hợp. Thiền tỉnh thức có công năng như thế, với đại đa số người tập.

Kỳ lạ là, không nghe nói chuyện giữ giới trong các khóa Thiền tập thế gian. Có lẽ, vì khi nói tới giới luật, sẽ làm cho đậm phong cách nhà Phật, trong khi Hiến pháp Hoa Kỳ buộc phải tách biệt hình ảnh tôn giáo ra khỏi tất cả cơ quan công quyền?

Trong khi đó, đối với một số trường hợp, Thiền tập sẽ có hiệu ứng tiêu cực, có thể dẫn tới ảo giác, có thể tăng thêm thêm muộn sắc dục, có thể làm nghe nhiều tiếng thì thầm xúi giục bên tai, và vân vân.

Báo Washington Post ngày 5 tháng 6/2015 có bài viết nhan đề "Meditation and mindfulness aren't as good for you as you think" (Thiền định và Thiền tỉnh thức không tốt cho bạn như bạn nghĩ) của hai phóng viên Miguel Farias và Catherine Wikholm.

Trong bài nói về Thiền tỉnh thức lấy từ nhà Phật ra, để người tập chỉ nhìn vào niệm trong

tâm, vào cảm thọ và cảm xúc mà không phán đoán, để làm công cụ đối trị lo lắng, trầm cảm. Tuy nhiên, một số cuộc nghiên cứu cho thấy một số người ngồi một mình tự nhìn vào tâm thức và không chịu nổi các rối bởi cảm xúc. Nghĩa là, viên thuốc Thiền tập có "hiệu ứng phụ" với một số người.

Bài viết cho biết nhiều Phật tử chỉ trích việc sử dụng Thiền tỉnh thức cho các mục tiêu

thuần thể tục, vì sẽ làm tăng thêm quyến luyến cõi trần gian và tăng thêm chấp ngã. Nghĩa là, như thế xa lìa mục tiêu Thiền tập nhà Phật là nhận ra "tánh không" và xa lìa mọi chấp thủ. Bài báo ghi lời nhà văn Giles Coren nói rằng kỹ thuật như thế đã biến Thiền tập trở thành món bánh ăn liền McMindfulness, chỉ cùng cố tự ngã sâu dày hơn.

Chính phủ Mỹ cũng biết, và cũng có ghi lời cảnh giác, nhưng không mấy ai để ý.

Trên trang web của viện nghiên cứu NCCIH thuộc Bộ Y Tế Hoa Kỳ (<https://nccih.nih.gov/health/meditation/overview.htm#sideeffects>) có phần tựa đề "What the Science Says About Safety and Side Effects of Meditation" (Khoa học nói gì về An toàn và Hiệu ứng phụ của Thiền tập), dịch như sau:

"Thiền tập một cách tổng quát được xem là an toàn cho người khỏe mạnh. Những người có hạn chế nơi cơ thể có thể không có thể tham dự thiền tập liên hệ tới chuyển động. Những người có bệnh trong cơ thể nên nói với chuyên gia chăm sóc y tế của họ trước khi khởi đầu tập Thiền, và phải thông báo cho người dạy Thiền biết về hoàn cảnh bệnh của mình.

Có một số trường hợp hiếm hoi ghi nhận rằng Thiền tập có thể gây ra hay làm tệ hơn các hội chứng trong những người có vấn đề tâm lý như lo lắng và trầm cảm. Những người đang có bệnh chứng tâm thần nên nói với chuyên gia chăm sóc y tế của họ trước khi khởi đầu tập Thiền, và phải thông báo cho người dạy Thiền biết về hoàn cảnh bệnh của mình." (hết trích dịch)

Bộ Y Tế Mỹ nói như thế, không ai để ý, vì nghĩ cũng y hệt như lời cảnh báo rằng hề ai nghiện xì điện thoại cũng dễ bệnh tâm thần. Và điện thoại cũng y hệt như Thiền tập, vì mở



ra được những cánh cửa thế giới nhiều sắc màu, hề bấm chệch một nút là sẽ rơi vào các mê lộ thiên nữ múa hát nhạc trời... và ai không bước ra nổi là sẽ bệnh.

Tạp chí The Atlantic trong ấn bản ngày 25/6/2014 có bài viết tựa đề "*The Dark Knight of the Soul*" (Hiệp Sĩ Bóng Tối của Linh Hồn) kể về cuộc nghiên cứu của Tiến sĩ Willoughby Britton tại Providence, Rhode Island. Nhóm nghiên cứu của bà chuyên nghiên cứu về các trường hợp gặp "hiệu ứng phụ" của Thiền tập. Họ nghiên cứu kinh sách từ các tông phái nhà Phật - Theravada, Phật Giáo Tây Tạng, Thiền Tông... -- và cả kinh sách của các trường phái chiêm nghiệm thần bí của Kỵ Tô Giáo, Hồi Giáo Sufism, Do Thái Giáo... và đối chiếu với các trường hợp cụ thể.

Như trường hợp David, 27 tuổi, năm 2013 tới trình bày với GS Britton rằng anh nghe tiếng nói trong đầu "*Ta sẽ xâm chiếm người*" đầy kinh hoàng, và anh "*nhìn thấy thần chết với lưỡi hái và mũi nhọn trùn đất và ý nghĩ cứ hiện trong đầu anh 'Người hãy tự sát đi' liên tục...*"

Hay như trường hợp Michael, 25 tuổi, là một thầy dạy yoga, tới trình bày với GS Britton rằng thiền tập một thời gian, cơ thể anh không muốn ăn nữa, trong ba năm anh mang cảm giác "*bị hủy hoại hoàn toàn*" bởi Thiền tập.

Britton là giáo sư tâm lý học ở đại học y khoa Brown University Medical School, thường xuyên nhận được điện thoại, email từ khắp nơi về hiệu ứng phụ Thiền tập cho cuộc nghiên cứu của bà có tên là "*The Dark Night Project*."

Các nhân vật trong hồ sơ của bà đều được giữ bí mật, ghi tên khác. Để tìm người phỏng vấn, nhóm của bà liên hệ với các Thiền sư Hoa Kỳ nổi tiếng, như Jack Kornfield tại Thiền viện Spirit Rock ở California, và Joseph Goldstein tại Thiền viện Insight Meditation Center ở Massachusetts.

Tạp chí The Atlantic ghi rằng hai vị thầy Goldstein và Kornfield kể với GS Britton về một số khóa thiền thật trong quá khứ, khi có thiền sinh tâm thần bỗng nhiên bất toàn. Britton kể rằng Jack Kornfield nói là có một thiền sinh hình như không bao giờ bình thường trở lại.

Thực ra, không có gì khó hiểu. Đơn giản, Kinh Lăng Nghiêm đã nói rằng, tu Thiền mà không giữ giới luật cũng y hệt như nấu cát thành cơm. Tất cả các phương pháp Thiền tịnh thức tại Hoa Kỳ dạy trong quân đội, cảnh sát, bệnh viện, trường học, nhà tù... đều không nói gì về giới luật. Vì Hiến pháp Mỹ không cho nói về tôn giáo nơi công quyền. Chỉ trừ khi người dạy Thiền là các vị sư ni, bấy giờ mới nói về giới luật qua Thiền Tâm Từ.

Một điều nữa: rất nhiều người khi tập Thiền đều ước muốn thành đạt gì đó cho "cái tôi" để rồi sẽ có quyền lực siêu hình nào đó cho "cái của tôi"... Nghĩa là, chệch ra ngoài Phật pháp. Trong khi một kinh căn bản về Thiền tập là Kinh Kim Cang yêu cầu không "trụ tâm vào

bất kỳ đâu"... và như thế, sẽ không có tâm nào trở nên khủng hoảng, rồi bời nữa.

Tóm gọn, cốt tủy nhà Phật là Giới Định Huệ... Nghĩa là, phải giữ giới trước. Không giữ giới mà đòi tu là chuyên hoang đường.

Nên nhớ rằng Đức Phật dạy rất nhiều phương pháp rất độc đáo để giải thoát. Nhưng tất cả đều cần bước đầu là giữ giới.

Đức Phật đã từng học xong tứ thiền bát định với các bậc thầy ngoại đạo là Alara Kalama và Uddaka Ramaputta, nhưng rồi thấy là như thế không giải thoát được, nên mới bỏ đi để tìm đường riêng.

Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn đơn giản hóa, thử xin Đức Phật dạy pháp nào ngắn hơn, có thể tiết kiệm được 90% thời lượng... Hình như sẽ có kinh như thế: Trong rất nhiều cách đơn giản (nhưng cũng cần nỗ lực) để giải thoát, có một cách là *hãy giữ gìn giới đức thanh tịnh*, và thể thôi, không cần tu gì khác. Sáng trưa chiều tối, *giữ tâm thanh tịnh được* là sẽ xong.

Đức Phật có dạy trong hai Kinh rằng hề ai giới đức thanh tịnh sẽ tất nhiên giải thoát. Hai kinh này dựa vào phương pháp gỡ mắt xích của "hành" trong Thập Nhị Nhân Duyên. Đó là Kinh AN 10.2 và Kinh AN 11.2. Điều ghi nhận rằng hai Kinh này nằm trong nhóm Kinh Tiểu Bộ, gần với Kinh AN 11.10 -- tức là Kinh Sandha Sutta, trong đó Đức Phật dạy rằng học trò giỏi (cũng như tuấn mã) là phải thấy không có pháp nào để tu hết.

Kinh AN 10.2 trong bản dịch của Bhikkhu Bodhi đặt nhan đề là Volition (Hành), viết: "*Bhikkhus, for a virtuous person, one whose behavior is virtuous, no volition need be exerted...*" (<https://suttacentral.net/en/an10.2>)

Dịch là: *Các sư, đối với một người giới đức thanh tịnh, có các thái độ thanh tịnh, sẽ không cần khởi ý định làm gì nữa...*

Câu trên trong Kinh AN 10.2 dịch bởi Piya Tan là: "*Bhikkhus, for the morally virtuous, there is no need of the intention [an act of will] ...*" (<http://dharmafarer.org/wordpress/wp-content/uploads/2013/04/41.6-Dasaka-Cetanakaraniya-S-a10.2-piya.pdf>)

Dịch là: *Các sư, đối với những người giới đức thanh tịnh, không cần phải khởi tâm làm gì nữa [không cần nỗ lực ý chí gì nữa]...*

Tương tự, bản dịch của Thanissaro Bhikkhu: "*For a person endowed with virtue, consummate in virtue, there is no need for an act of will...*" (<http://www.accesstoinsight.org/tipitaka/an/an11/an11.002.than.html>)

Tại sao? Kinh này ghi lời Đức Phật giải thích rằng, người có giới đức thanh tịnh, sẽ tự động không hối tiếc, sẽ tự động có hỷ lạc, sẽ tự động có khinh an, sẽ tự động đặc định, sẽ tự động thấy và biết như thật, sẽ tự động ly tham, sẽ tự động có giải thoát tri kiến. Và đó là đặc quả A La Hán.

Một Kinh tương tự là Kinh AN 11.2, cũng ghi rằng chỉ cần giới đức thanh tịnh, và không cần khởi tâm làm gì cả. Nghĩa là, khi giới thanh tịnh

được, sẽ không cần một pháp nào khác để làm.

Kinh AN 10.2 nêu trên được Piya Tan đặt nhan đề là: Discourse on "Needless of Intention" (Kinh về "Không Cần Khởi Ý Định Gì").

Kinh AN 11.2 (<http://dharmafarer.org/wordpress/wp-content/uploads/2010/02/33.3b-Ekadasaka-Cetanakaraniya-a11.2-piya.pdf>)

được Piya Tan đặt nhan đề kinh là: Discourse on "Without Need of Intention" (Kinh về "Không Cần Khởi Ý Làm Gì").

Hai Kinh này cho thấy cốt tủy là giới đức thanh tịnh. Sau đó, nếu Thiền tập được tất nhiên sẽ sớm giải thoát; nếu chỉ thuần giới đức thanh tịnh rồi cũng sẽ giải thoát. Như thế, sẽ không bao giờ rơi vào các mê lộ rồi bởi.

Tuy nhiên, tới đây lại cần phải hỏi: thế nào là giới đức thanh tịnh? Piya Tan dựa vào Luận Tạng Pali chú giải Kinh AN 11.2 rằng (1) ít nhất là phải giữ năm giới, (2) bản chất thực của các pháp (dhammata) là thiện pháp tự động dẫn theo thiện pháp.

Tuy nhiên, nếu khởi tâm rằng mình đang gìn giữ giới đức thanh tịnh là cũng sẽ hỏng.

Bởi vì, khi giữ thân khẩu ý thanh tịnh (tức là giữ sáu căn thanh tịnh) cũng là một nỗ lực rất lớn để xa lìa mọi phân biệt kiến chấp (ưa/ghét, đúng/sai, thuận/ngịch) trong cõi này, vì Kinh SnP 4.13 viết về giới đức thanh tịnh là:

Người đã buông bỏ mọi giới đức và xa lìa mọi cạm kết, và có hành động [đã buông bỏ mọi] lỗi và không lỗi, không còn ưa muốn gì về thanh tịnh hay bất tịnh, sẽ sống xa lìa tất cả các pháp, sẽ sống với bình an.

Bản dịch Khantipalo: *But one who abandons all virtue and vows, and deeds both blameless and blameworthy, Does not long for either purity or impurity; he lives detached, fostering peace.* (<https://suttacentral.net/en/snp4.13>)

Bản dịch Bhante Varado (có thêm ý "không khởi nghiệp mới"): *But one who is detached from precepts and practices, And all conduct, both flawed and not flawed, Not yearning for either purity or impurity, Would abide abstaining from initiating new kamma, Peaceful, free of grasping.* (<http://suttas.net/english/suttas/khuddaka-nikaya/sutta-nipata/atthakavagga%20-%20php%20version%201.4/13-greater.php>)

Bản dịch Thanissaro Bhikkhu (có thêm chữ "từ bi"): *But one who's abandoned precepts & practices — all — things that are blamable, blameless, not hoping for 'pure or impure,' would live in compassion & peace, without taking up peace, detached.* (<http://www.accesstoinight.org/tipitaka/kn/snp/snp.4.13.than.html>)

Đó cũng là con đường ngắn nhất: Các kinh trong Kinh Tiểu Bộ đã chỉ ra pháp tu của Thiền Đạt Ma vậy. Và pháp tu này sẽ không bao giờ bị vướng bởi các mê lộ đã nêu trong phần đầu của bài viết này, vì tâm đã xa lìa tất cả mọi kiến chấp.



NGHIÊNG

*Thế giới này có nghiêng không em?
Tôi nhìn vào bức tranh treo trên ô vuông xám
Tôi nhìn ánh nền rọi trên khung kính
Tôi nhìn tôi chết lặng trong gương
Thế giới này hẳn đã rất nghiêng
Bởi hạt mưa chiều này cũng không rớt thẳng
Chiếc ghế dựa xoay chiều nào cũng không bình lặng
Hàng dây leo phủ tràn về một hướng
Dòng sông mù khói lam đốc ngược cả vào tim
Thế giới này hẳn đã hết vẹn nguyên
Có điều gì rạn nứt
Có điều gì linh thiêng
Có điều gì hiển hiện rất điềm nhiên
Tôi xưa tôi chạy hụt hơi trên hoang mạc
Ngược chiều đồi núi
Ngược chiều mây
Thế giới này hẳn đã lung lay
Mười ngón tay đan đã chắc gì khăng khít
Em có thấy cơn mơ nào khóc liệt
Cởi dùm tôi những nút thắt khôn cùng
Lá rơi hẳn sẽ về với hư không
Gió hẳn cũng sẽ quay về núi
Thế giới này nghiêng đã khiến lòng chật chội
Ánh mắt nào nghiêng lừa bạo tàn
Thế giới này thôi đã hết bình an
Tôi đặt tên tôi trên cán cân định mệnh
Đặt tên em vào khoảng trời cảm lặng
Đặt những điều chưa nói vào thâm sâu*

Thế giới này đã trôi ngược về đâu?

thơ CHIỀU ANH NGUYỄN

CÚ “KNOCK OUT” CỦA ANICCA (*)

Tô Đăng Khoa

"Ai cũng có một kế hoạch riêng cho đến khi hẳn bị đâm cho vỡ mồm." - Mike Tyson

Tôi thích câu nói này của Mike Tyson vì nó mang ý nghĩa sâu xa, vượt ngoài phạm vi của bộ môn Boxing. Nó có tác dụng cảnh tỉnh chúng ta về một sự thật hay bị lãng quên trong mọi sinh hoạt của đời sống. Sự thật đó là:

Bất cứ lúc nào và ở đâu, ai cũng có thể bị đấu sĩ Vô Thường “đánh cho vỡ mồm”! Và rất có thể... không chừng đó cũng là lần gục ngã sau cùng, tức là cái Chết (Death).

Hầu hết chúng ta có đều có kế hoạch riêng cho chính mình trong cuộc mưu sinh. Các kế hoạch đều có đặc điểm chung là chúng giúp ta hình dung và tưởng tượng về tương lai tươi sáng như thể chúng ta có thể sống mãi mãi đời đời. Tuy nhiên, bản chất đời sống chẳng bao giờ như ta hoạch định, không những là không thể đoán trước, mà còn thực sự hỗn mang từ những nguyên lý căn bản nhất của chính nó: Đó chính là nguyên lý trùng trùng duyên khởi mà đức Thế Tôn đã tuyên bố khi thành đạo. Chính Duyên Khởi đã cung cấp năng lực vô song cho "Anicca" (Vô thường) để đánh bại tất cả các ước mơ, hoạch định, kỳ vọng của tất cả chúng ta. Vì lẽ? "Phàm cái gì được sanh ra (do duyên khởi) cái đó sẽ bị đoạn diệt!" Đây là một sự thật hiển nhiên như sự thật của trọng trường: "Phàm cái gì được ném lên, cái đó phải rơi xuống!"

Trong cuộc đời này, những hoạch định của chúng ta chắc chắn sẽ có lúc bị Anicca (tức là Vô Thường) "đâm cho vỡ mồm". Cú đâm có thể mạnh hay nhẹ khác nhau, và thường rất bất ngờ, đúng theo phong cách ra đòn của Anicca. Nó có thể là một cơn bạo bệnh, mất công việc làm, một vụ khủng bố, một cú động đất, một sự phản bội, sự ra đi của người thân, một tai nạn giao thông, hay bất cứ điều gì...

Sau những "cú đâm" như vậy, tùy theo ý chí, ta có thể gục ngã, hay gượng dậy để đi

tiếp. Mỗi một lần "gục ngã-gượng dậy" là một bài học xương máu. Con người gượng dậy sẽ là một con người mới với kế hoạch mới vì kế hoạch cũ và những giá trị cũ đã vỡ tan nát cùng với lần gục ngã trước.

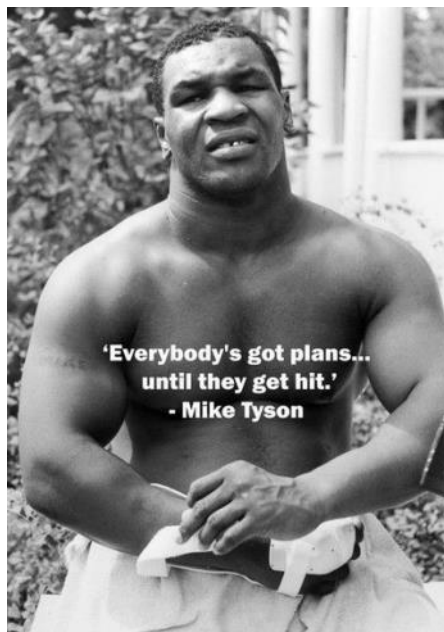
Vòng xoay "gục ngã-gượng dậy" này có thể lặp đi lặp lại cho đến khi nào ta bị một "cú đâm KO". Đó được gọi là "lần gục ngã sau cùng" vì sau "cú đâm KO" đó, ta sẽ không còn gượng dậy nữa. Đó là cái Chết. Tất cả kế hoạch sẽ chấm dứt: Lúc đó sẽ không còn ai trên cõi đời này ngồi đó để thẩm định, đánh giá sự thành công hay thất bại của các kế hoạch của ta nữa. Bài học cuối cùng của lần gục ngã sau cùng đó lại chính là "ý nghĩa của sự sống"- là điều mà hầu hết chúng ta đã vô cùng hoang phí lúc sinh thời.

Chết là sự chấm dứt tất cả các kế hoạch. Nó có tác dụng chọc vỡ tất cả "bong bóng xà phòng" của trí tưởng tượng, của những dự phóng tương lai trong các hoạch định của chúng ta lúc còn sống. Cái Chết phơi bày sự vô nghĩa, phủ nhận mọi giá trị của tất cả các kế hoạch mà ta thường hay trân quý nâng niu và tự hào lúc còn sống.

*Ta khổ đau một đời, để chết trong tình cờ
Ta tìm nhau một thời, để mất nhau vài giờ*
(Tưởng Niệm, Nhạc Trầm Tử Thiêng)

Giống như con mèo đen sẽ nổi bật trên nền vôi trắng, ý nghĩa của đời sống sẽ chỉ hiển lộ trên nền của Sự Chết chớ không phải trong những hoạch định mưu sinh. Vì thế, cho dù bạn có lên một kế hoạch hào hảo cho đời sống, cho một cuộc retire trong nhung lụa sang trọng, cuộc đời đó vẫn không có ý nghĩa gì nếu bạn không nhận thức được trọn vẹn ý nghĩa của cái Chết. Đời sống của bạn chỉ có ý nghĩa nếu nó biết lấy cái Chết làm nền cho mọi sinh hoạt để tồn tại. Nếu như đời sống lấy những dự phóng của các hoạch định làm nền, thì đời sống đó trở nên tham lam và ích kỷ, và không có ý nghĩ gì một khi cái Chết xộc đến.

Một người sống như là sẽ chết





vào bất cứ lúc nào sẽ có một tâm thức, một phong thái hoàn toàn khác hẳn với một người luôn nghĩ rằng hẳn ta sẽ sống mãi mãi!

Bạn có thể sở hữu nhiều vật chất trên thế gian và được nhiều người công nhận trong hiện tại, nhưng sự sở hữu đó mang tính quy ước và rất tạm bợ. Mọi thứ sẽ không còn là "của bạn" khi cái chết đến. Tuy nhiên chỉ có cái Chết là bạn thực-sự-sở-hữu nó một cách trọn vẹn. Vừa sanh ra đời là ta đã có thể chết bất cứ lúc nào. Qua bao năm bôn ba loay hoay hoạch định, sang hay hèn, thông minh hay ngu dốt, giàu hay nghèo, rồi chung cuộc cũng phải chết. Đó là điểm quy tụ duy nhất thật sự không phân biệt tôn giáo, giới tính, giai cấp xã hội. Khi cái Chết đến, bạn đi một mình: Không một ai trên thế gian có thể chết thay cho bạn. Đó là điều duy nhất dành riêng cho bạn mà không một quyền năng tối cao nào có thể tước đoạt.

Chết là một việc rất riêng tư: Chính nó mang lại cho bạn ý nghĩa của đời sống này. Vô tình quên lãng điều này, bạn sẽ có một đời sống rất nghèo nàn và ích kỷ. Lúc nào cũng nhớ đến điều này, ghi nó trong tâm trong mọi hành vi, cử chỉ, và lời nói, bạn sẽ có một đời sống đầy ý nghĩa và vô cùng sung mãn. Có vô vàn ví dụ chung quanh bạn về gương thành công của những con người phải đối diện trực tiếp với cái Chết trong từng sát na của đời sống.

Cái Chết là sở hữu và khả năng duy nhất của bạn không bị bất kỳ ai tước đoạt, là nền tảng làm cho hiển lộ ý-nghĩa-của-đời-sống của bạn trên thế gian này. Tuy nhiên thái độ của đa số chúng ta đối với cái Chết hoàn toàn không phù hợp. Chúng ta không dám nhìn thẳng vào nó, tìm mọi cách để tránh né nói đến cái Chết bằng mọi phương tiện. Trong ngôn ngữ của tất cả các dân tộc, từ "Chết" là từ có nhiều từ đồng nghĩa nhất vì đa số chúng ta tránh nói đến nó.

Khi tham dự các tang lễ, chúng ta chỉ kinh nghiệm được cái Chết của người khác, không một ai có thể kinh nghiệm được cái Chết của chính mình. Thấu hiểu về ý nghĩa của cái Chết như là nền tảng của sự sống là điều cần thiết ở

bước đầu, câu hỏi kế tiếp đề ra là: "Làm sao kinh nghiệm được cái Chết một cách trực tiếp, nhất là cái Chết của chính mình?"

Đây là một câu hỏi khó, chúng ta chỉ kinh nghiệm được cái Chết của người khác, và điều đó thường làm cho ta sợ hãi. Nỗi sợ hãi này làm cho ta né tránh nhìn thẳng vào cái Chết của chính mình. Ta rõ biết ta cũng phải chết, nhưng ta đẩy sự thật tất yếu này vào tương lai, tránh nỗi sợ hãi đó bằng những lo toan hiện tại. Ta nghĩ rằng: "Đành rằng ta phải chết, nhưng chưa phải là bây giờ". Và thế là sự thật về cái Chết bị vùi lấp bên dưới những kế hoạch cho tương lai của chúng ta. Điều khó thứ hai của câu hỏi trên là: Cái Chết là một sự kiện rất đặc biệt. Đời sống chúng ta là một chuỗi các sự kiện. Khi ta còn sống, nếu muốn, ta có thể hồi tưởng lại các sự kiện đã qua trong đời. Nhưng khi sự-khiến-Chết đến với ta, ta không còn có mặt nơi đó để hồi tưởng gì nữa cả. Chết là sự kiện sau cùng của đời sống. Nó là sự kiện đóng lại tất cả các sự kiện khác. Đặc tính này của cái Chết khiến cho nó không thể được kinh nghiệm một cách trực tiếp như là các kinh nghiệm khác. Vì khi cái Chết đến, không còn kinh nghiệm gì nữa cả.

Như vậy trở lại câu hỏi: "Làm thế nào chúng ta có thể kinh nghiệm trực tiếp được cái Chết của chính mình?" Chính vì khi cái Chết đến thì không còn kinh nghiệm nữa, cho nên cách duy nhất để kinh nghiệm cái Chết là kinh nghiệm nó như là một "khả dĩ" chứ không phải là một sự kiện. Khả dĩ hiểu theo ý nghĩa là một điều có thể xảy ra ngay bây giờ và ở đây với một xác suất cao. Hơn thế nữa điều-khả-dĩ đó là một kinh nghiệm duy nhất, dành riêng cho chính ta, nhưng hoàn toàn xa lạ vì ta chưa từng trải qua bao giờ. Điều khả dĩ này là một điều vô cùng chắc chắn. Sự chắc chắn xảy ra của điều khả dĩ này còn chắc hơn những tình yêu bất diệt mà người đời thường hay thể thốt. Độ xác thực của cái Chết thậm chí còn chắc chắn hơn cả việc mặt trời sẽ mọc ở hướng đông vào sáng mai.

Tóm lại, cái Chết chính là chìa khóa khai mở ý nghĩa của đời sống của ta. Nó là cái duy nhất thực sự là "cái- của- ta", không có cái gì khác gọi là "cái-của-ta" khi cái Chết đến. Không ai có thể chết thay cho ta được. Chết là điều chắc chắn nhất trên thế gian mà ta có thể đặt trọn niềm tin vào tính xác thực của nó. Sự xác thực của nó còn cao hơn sự hiện hữu của bất cứ thứ gì trên thế gian.

Sống trọn vẹn trong tính xác thực và tính khả dĩ của cái Chết sẽ làm cho đời sống sung mãn và tràn đầy ý nghĩa.

Hãy sống như phút này đây, là phút cuối.

(*) *Anicca (Pàli) hoặc Anitya (Sanskrit): vô thường.* (CP chú thích)

Một ngày để nhớ

THU NGUYỆT

Hôm nay Minh Thuận và Huệ Nghiêm thi đậu vào Học viện Phật giáo khóa V. Thầy nảy ra ý muốn chiêu đãi cho tụi nhỏ một bữa để khích lệ động viên tinh thần bọn trẻ. Sống trong chúng, không có không gian riêng, đành phải ra nhà hàng. Hồi nào giờ thầy chưa từng chủ động đi ăn bên ngoài, nhưng hôm nay thầy mời cả nhóm tăng ni sinh vừa mới thi đậu và thầy Thiện Phát cùng đi. Mấy thầy trò chọn một quán chay lịch sự. Thầy vui vẻ lắm. Nhìn hàng đệ tử của mình bắt đầu trưởng thành, thầy vừa vui nhưng cũng vừa lo. Thầy nói với thầy Thiện Phát, là người có nhiệm vụ phụ trách nhân sự ở văn phòng:

- Vậy là bốn năm nữa tui có hai đứa, thầy có thể sắp xếp cho chúng nó công việc gì đó để chúng có cơ hội phục vụ.

Thầy Thiện Phát cười to, nói đùa:

- Không có xí chỗ, dựa hơi "bà con" đâu à ghen! Phải giỏi thì người ta mới tin tưởng chứ.

Mấy thầy trò cùng cười. Thầy bỗng trầm ngâm nói:

- Hồi nào đến giờ thầy sống trong chúng, không nghĩ đến việc nhận chùa. Bây giờ các đệ tử lớn rồi, thầy mới bắt đầu suy nghĩ. Chắc cũng phải có một chỗ để sau này các con ổn định mà tu và làm phật sự.

Trong ánh mắt của thầy thoáng nét âu lo. Đệ tử lớn của thầy là thầy Quảng Long còn đang du học ở Ấn, thầy Hạnh Giác vừa xong Cao đẳng Phật học cũng đang theo học đại học ở ngoài. Minh Thuận, Minh Nhân và Huệ Nghiêm đều còn đi học. Thầy thấy trách nhiệm của mình thật nặng. Đã không

nhận đệ tử thì thôi, thu nhận rồi phải lo cho nó đến nơi đến chốn. Thầy cảm thấy mình chưa lo được gì nhiều cho đệ tử ngoài những lời sách tấn khuyên răn bình thường. Mong sao chúng nó biết nghe, đủ phước, ít gặp phải nhiều chướng duyên để đi cho đến đích. Trò phải hơn thầy mới được. Có năm đứa thì cả năm đã học hành tốt. Thầy tạm thấy có chút yên lòng, hy vọng.

Thầy hôm nay thầy vui, Minh Thuận hồn nhiên liền thoảng:

- Mai một sinh nhật sư phụ, mình lại đi ăn mừng như vậy nữa ghen sư phụ!

Thầy cười, trách yêu:

- Ông thầy là ham bày vẽ lắm đó! - Thầy gắp cho Minh Thuận một miếng thức ăn rồi ôn tồn nói: - Tính con ham hoạt động, tuổi trẻ như vậy là tốt, nhưng phải biết phân bổ thời gian hợp lý. Thời gian dành cho học, cho tu không được lơ là, không

được "ăn gian" vào thời khóa. Làm phật sự nhiều, tâm động, nếu không tu để giữ tâm thì sẽ sinh phiền não hoặc chạy theo vọng tưởng luôn. Vọng tưởng gì con biết không? Nếu làm được việc sẽ sinh ngã mạn, nếu làm không được việc sẽ sinh phiền toái cho mình cho người. Tuổi trẻ các con khi làm được việc là để quên tu lắm, cứ ý lại vào cái phước mà mình tạo được trong khi làm phật sự, coi đó là của hồi môn, bảo đảm cho đường tu. Không nên nghĩ vậy. Phước chỉ giúp cho mình tu hành thuận duyên hơn, chứ phước không đồng nghĩa với tu chứng. Phải tu. Đó là thầy còn chưa nói đến việc đôi khi mình vì sở thích lung tung, lại quơ vào, viện lý do là làm phật sự để thỏa mãn vọng tưởng chạy theo việc ngoài đời. Phải biết nhìn vào vì tế tâm mình mà khiến chúng quay trở lại. Thầy nói vậy con có hiểu không?

Minh Thuận gật đầu lia lia:

- Dạ con hiểu, con hiểu.

Thầy cười bao dung nhìn đứa đệ tử có chút hào tướng của mình. Mặt mũi sáng sủa như vậy là thuận duyên nhưng cũng là nghịch duyên đây. Thông minh, học giỏi, tu tốt thì có thể tiến xa, nhưng nếu nhặng ra là cũng dễ bị rất nhiều chướng ma vây lấy. Thầy nói tiếp:

- Hiểu lia hiểu lia như vậy là còn chưa hiểu hết đó. Con



phải ráng giữ lấy mình. Làm gì làm, phải tu chí tử thì mới được!

Cả đám cười vui hòa theo lời thầy: "Phải rồi đó thầy, Minh Thuận là phải tu chí tử mới được!". Minh Thuận bị mấy huynh đệ chọc quê thì cười đỏ mặt, cúi nhìn xuống đất. Trong lòng chú dâng lên niềm thương thầy vô kể. Chú nhớ mỗi lần ra thăm thầy đều được thầy sách tấn kiểu như vậy. Nhờ đó mà mỗi lần gặp trường hợp tương tự lời thầy răn, chú kịp thời tự điều chỉnh lại mình. Nhẹ nhàng mà sâu sắc, thầy như thấu hiểu từng góc ngách ý nghĩ của từng đứa đệ tử.

Thầy quay qua Huệ Nghiêm, lại nói:

- Còn con - con gái út - cũng vậy nhen! Môi trường ni chúng nghiêm mật, đó là điều kiện tốt để tiến tu. Việc học hành của bên ni các con khó khăn hơn, cần phấn đấu nhiều hơn bên tăng. Con ráng vươn lên. Thầy thương bên ni các con nhiều lắm! Sinh thân làm nữ giới thiệt thòi nhiều. Có phước làm tăng rồi thì ráng cố gắng vượt qua chính mình.

Rồi thầy vui vẻ nói với tất cả:

- Đề nghị của Minh Thuận hồi này thầy thấy như vậy: Người phương Đông mình không quan tâm ngày sinh bằng ngày mất. Thôi thì bây giờ thầy còn sống, ngày ngày đã có thầy quan tâm nhắc nhở các con. Mai một thầy chết rồi, cứ mỗi ngày đám giỗ, không cần lễ lạt gì cả, chỉ cần ngày đó các con để ra vài phút, ngồi nhớ lại tất cả những điều thầy dạy, rồi kiểm điểm coi mình đã làm được những gì. Vậy thôi. Vậy là thầy cũng vui rồi.

Bữa tiệc hôm ấy kết thúc thật vui vẻ. Thầy đã lưu lại trong tâm tưởng những người đệ tử trẻ dấu ấn về một bậc thầy không thể nào quên.

THU NGUYỆT

The Story of Five Lay-Disciples

Dhammapada, Verses 251

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (251) of this book, with reference to five lay disciples.

On one occasion, five lay-disciples were present while the Buddha was expounding the Dhamma at the Jetavana monastery. One of them was asleep while sitting, the second one was drawing lines with his fingers on the ground, the third was trying to shake a tree, the fourth was looking up at the sky. The fifth was the only one who was respectfully and attentively listening to the Buddha. Thera Ananda, who was near the Buddha fanning him saw the different behaviour of the five disciples and said to the Buddha, "Venerable Sir! While you were expounding the Dhamma like big drops of rain falling from the sky, only one out of those five people were listening attentively." Then Thera Ananda described the different behaviour of the other four to the Buddha and asked, why they were behaving thus.

The Buddha then explained to Thera Ananda, "Ananda, these people could not get rid of their old habits. In their past existences, the first one was a snake; as a snake usually coils itself up and goes to sleep, so also, this man goes to sleep while listening to the Dhamma. The one who was scratching the earth with his hand was an earthworm, the one who was shaking the tree was a monkey, the one who was gazing up at the sky was an astronomer and the one who was listening attentively to the Dhamma was a learned astrologer. In this connection, Ananda, you must remember that one must be attentive to be able to understand the Dhamma and that there are many people who cannot follow what is being said."

Thera Ananda then asked the Buddha, "Venerable Sir! What are the things that prevent people from being able to take in the Dhamma?" And the Buddha replied, "Ananda, passion (raga), ill will (dosa) and ignorance (moha) are the three things, that prevent people from taking in the Dhamma. Passion burns one; there is no fire like passion. The world may burn up, when seven suns rise in the sky, but that happens very rarely. Passion burns always and without any break."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 251: There is no fire like passion, there is no grip like ill will, there is no net like ignorance, there is no river like craving.

At the end of the discourse the one who was listening attentively attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



Con chim con

CHÚ CHÍN CALI

Tôi biết nuôi chim từ lúc biết leo cây để lấy tổ chim.

Chim rất khôn, bao giờ cũng làm tổ những nơi bí ẩn, như chim Chia Vôi làm tổ ở các bọng cây, chim Dông Dọc ở trên cây có những tổ ong vò vẽ chết người, hoặc chim Sặc ở chót vót những ngọn cây cao. Dù bí hiểm thế nào cũng khó mà thoát khỏi khỏi cặp mắt cú vọ của mấy anh em tôi. Chúng tôi theo dõi lúc chim vừa đẻ trứng cho đến khi trứng nở. Khi chim con vừa mọc lông cánh nhưng chưa mở mắt, là lúc tốt nhất nên hốt ổ đem về nuôi. Nuôi chim còn nhỏ như vậy chúng rất khôn, chim con cứ ngỡ người nuôi là cha mẹ chúng, lúc nhỏ lần quần đi theo, lớn lên không bỏ đi mất.

Sang Mỹ đã lâu nhưng tôi vẫn còn mê thú nuôi chim, nhưng không thực hiện được cho đến lúc về hưu, có nhiều thì giờ. May thay ở Mỹ tôi không phải tự bắt chim về nuôi như lúc còn bé ở Việt Nam. Tôi tha hồ lang thang trong các pet shop để ngắm các loại chim và đùa với mấy con chim kết đủ màu, có con biết nói.

Lần này tôi không dẫn lòng được với tiếng hót hấp dẫn của đôi chim yến (canary). Tôi mua chúng về để gây giống. Không bao lâu sau chúng đẻ được hai trứng và nở một con chim con đỏ ỏn, chỉ lớn hơn hạt đậu phộng còn vỏ lụa, cái đầu to bằng cái mình, nhìn nó chỉ thấy 2 con mắt đen, to, nhắm nghiền. Tôi chăm sóc mẹ con nó rất kỹ. Ngày nào cũng cho ăn thêm rau xanh, lòng đỏ trứng gà. Cha mẹ chim thay phiên nhau cho con ăn nên nó lớn rất nhanh, trong 2 tuần nó đã mọc

lông vàng giống như cha.

Nhưng sau đó tôi không thấy nó phát triển thêm, mà ngược lại trông nó có vẻ càng lúc càng xác xơ. Tôi bắt nó ra khỏi ổ để dễ quan sát, mới nhận thấy chân nó cong queo, không cử động được, hai đầu gối đồ ừng, sưng vù. Nó không giữ được thăng bằng. Tôi bắt đầu lo lắng cho nó.

Tôi lên mạng tìm hiểu và biết là chim bị bệnh Canary Pox do virus, không có thuốc chữa, và 80% sẽ chết. Tôi vào Pet shop hỏi ý kiến. Họ bán cho tôi antibacterial solution để xức vết thương cho chim.

Những mụn bắt đầu nổi trên miệng, dưới chân, phủ cả mỏ và lan đến mắt. Sau đó mắt nó sưng vù nhắm kín rồi bị mù. Cả hai cánh của nó cũng mọc các mụn to rồi vỡ ra, máu chảy ướt cả lông.

Mỗi ngày tôi đều bắt nó ra khỏi lồng để xem xét bệnh tình và bôi thuốc nhưng không có hiệu quả gì. Tôi vô cùng thất vọng.

Con chim mẹ nuôi con hoài không thấy lớn, lại bị rù quên bởi tiếng hót của con chim trống càng lúc càng thành thót, nó bắt đầu lơ đãng việc chăm sóc cho con. Nó không còn úm con trong tổ nữa mà đã bay ra ngoài tung tăng với con chim trống. Con chim trống thì như sung sướng lắm, hót suốt ngày. Cả hai bỏ mặc con chim con bệnh hoạn một mình.

Một buổi sáng tôi thấy con chim con rơi xuống đáy lồng, nằm cong queo trông rất là bi thảm. Tôi bắt nó bỏ trở lại tổ, thì ngày hôm sau nó lại rớt xuống đáy lồng.

Tình trạng của nó càng lúc càng tồi tệ, không còn chút hy vọng sống sót.

Mỗi ngày nhìn con chim con, tôi thấy xót xa trong lòng. Tôi cảm nhận được sự đau đớn của thân xác vì bệnh tật, sự đau khổ trong lòng vì số phận nghiệt ngã, và sự lo sợ cùng cực cái chết đang cận kề.

Nhìn con chim, thoi thóp cổ nằm lấy sự sống mong manh, tôi chợt nhớ đến cảnh tôi giết con chuột. Có một lần tôi bẫy được con chuột mà tôi hận thù nhất vì nó đã ăn thịt và làm tàn tật mấy con chim yêu quý của tôi. Tôi thề không đời trời chung với nó. Sau hơn một tuần đấu trí cam go, tôi mới bắt được nó. Không một chút thương hại, tôi vắt cả chuột lẫn lồng vào hồ cá Koi. "Cho mi chết!" Tôi đứng nhìn nó giãy giụa, đau đớn, tuyệt vọng, bụng thoi thóp thở, chậm dần rồi ngưng hẳn.

Dù sao cũng là một con người, tôi thấy hối hận. Rồi một ý tưởng vụt đến, thật nhanh, thật hải hùng:

"Nếu tôi là con chuột đang bị nhận nước ấy!"

Tôi thấy như mình bị ngộp thở, kinh hoàng!!!

Rồi như một phản xạ, tôi chồm người xuống ao chụp lấy cái lồng chuột vắt lên bờ, nhào người theo mở cửa kéo con chuột ra khỏi lồng và dùng ngón tay làm hô hấp nhân tạo cho nó. Nó từ từ tỉnh dậy, mở mắt nhìn thấy tôi định bỏ chạy nhưng nó không còn sức nữa, chỉ nằm ngửa cọ quạ 4 cái



chân. Mười phút sau nó chạy nhảy bình thường trở lại. Nó báo hại tôi ngày hôm sau tôi phải mang nó đi thả thật xa.

Hôm nay nhìn con chim con, tôi chợt nhớ đến con chuột ngày xưa, cũng cùng một cảm giác hãi hùng, khi nghĩ mình là con chim con sắp chết. Tôi cảm nhận được sự đau đớn của nó.

Nhưng lần này tôi không thể cứu được con chim. Có chăng tôi có thể giúp nó chấm dứt tình trạng đau khổ này sớm hơn.

Nhưng làm sao tôi có đủ can đảm giết nó?

Tôi nắm nó trong lòng bàn tay, nhắm mắt, vung tay với ý định ném nó xuống nền xi măng như vất một cục đất để làm xong bổn phận của mình. Nhưng khi tôi hình dung cảnh tượng nó nằm chết dưới đất, máu trào ra từ mũi, từ miệng, tôi lại dừng tay. Con chim co quắp trong lòng bàn tay tôi. Nó vẫn còn sống, nó là một sinh vật không phải là cục đất. Tôi không có đủ can đảm để giết nó.

Tôi chịu thua, bỏ nó trở lại lồng và tự an ủi cho sự nhu nhược của mình. "Mình không có quyền can thiệp vào đời sống của nó, hãy để thiên nhiên quyết định, cho tròn một kiếp như số phận đã an bài."

Sáng sớm ngày hôm sau tôi thức sớm hơn thường lệ, mở tấm phủ lồng, hy vọng thấy con chim con đã chết. Nhưng tôi thất vọng vì nó vẫn còn thoi thóp thở, cổ bám víu vào sự sống mong manh. Lòng tôi se thắt.

Ngày xưa tôi cầu mong nó được sống, bây giờ tôi cầu mong nó được chết!

Hai hôm sau con chim con nằm chết dưới đáy lồng. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Con chim trống đang trong mùa sinh sản, tung tăng ca hát suốt ngày. Chị chim mái bận rộn xây tổ mới. Rồi những con chim mới sẽ nở, há mồm đòi ăn. Không ai để ý đến con chim đã chết.

Sinh-lão-bệnh-tử đang tiếp tục chu kỳ của nó. Sao tôi lại bận tâm ngơ ngẩn đứng nhìn hoài con chim đã chết?



DÒNG CHẢY

*Có những điều bắt đầu từ những va chạm nhẹ như làn
gió thổi qua,
giữa một không gian vô hình trong tầng không gian hai
thế giới
những tinh cầu
cát bụi
xoay quanh nhau cuốn tất cả quanh mình
chuyển động và biến hóa
điều kỳ
dưới nét bút nhiệm màu
câu chuyện cổ hiện hình giữa chân thực đời thường
chúng ta sinh ra và tự tạo dựng mình
trong những cuộc hành trình vào vô tận
như một nụ cười vô tư
ngủ trong lòng tay
đốm lửa
dấu yêu
cháy bùng
một dải thiên hà
ngang nhiên mang theo tất cả
nơi chiều sâu vũ trụ
dòng chảy*

trái tim mình

thơ **VÂN ANH**

TRỌN BẢY MÙA SEN

Diệu Trang



Tiếp nối 6 lần khoá tu trước tại Bắc và Nam California, năm nay, Khách sạn Holiday Inn tại thành phố Skokie, Illinois - (Chicago), thuộc miền Đông Bắc Hoa Kỳ, là nơi tổ chức khoá tu Phật Pháp Bắc Mỹ (KTPPBMM) lần thứ 7, từ ngày 20-23 tháng 7 năm 2017, do nhị vị Ni Sư Thích Nữ Nguyên Thiện trưởng ban tổ chức, và phó ban tổ chức là Ni Sư Thích Nữ Giới Định.

Trước 3 giờ chiều thứ Năm, 20 tháng 7, quý Thầy cô và Phật tử từ khắp các tiểu bang hoa kỳ như Nam California, Michigan, Ohio, Indiana và Canada, đến bằng nhiều phương tiện khác nhau, đã tập hợp đông đủ để làm thủ tục nhận phòng. Khoá tu năm nay cứ tưởng sẽ ít hơn những năm trước vì lý do địa phương xa xôi. Nhưng đến nơi mới thấy Phật tử của hai giới xuất gia là 120 vị và học viên Phật tử là 450 vị. Riêng trong ngày thứ 7 và Chủ Nhật các Phật tử tại địa phương về tham dự đã tăng thêm 100 vị, tổng cộng là 670 vị. Với số lượng tham dự tu học đông đảo rộn ràng như thế, mới hiểu lòng mong cầu Phật pháp của học viên vô cùng mạnh mẽ và đáng quý biết bao. Thấy vẻ vui tươi thanh thản của ni sư Nguyên Thiện hiện rõ trên gương mặt, chúng con mừng thầm và tin rằng khoá tu chắc chắn sẽ diễn ra trong bầu không khí sinh động.

Mở đầu cho bất kỳ khoá tu học nào cũng là buổi lễ khai mạc, diễn ra trong không khí trang nghiêm với nghi lễ chào cờ và phút tưởng niệm, nhưng thật gần gũi bởi những lời bộc bạch chân tình cũng như tán thán công đức của BTC và tất cả quý Tăng Ni, Phật tử và lời sách tấn của chư vị giáo thọ sư cùng với hàng trưởng thượng chư tôn Hoà thượng, chư TT, Đại Đức Tăng, Ni. Bài diễn văn của Ni Sư trưởng BTC đã khiến chư tôn đức và các Phật tử diện diện cảm nhận được tấm lòng nhiệt huyết dẫn thân phụng sự vì Đạo Pháp của BTC khi làm mọi cách để có phương tiện thuận lợi về tài chánh, thông tin, nhân lực, tạo điều kiện duy trì KTPPBMM lần thứ 7 năm nay diễn ra tốt đẹp như bao năm trước. Thời kinh ngắn cầu Phật gia hộ vang lên trong hội trường chánh điện như khai mở tâm thức sẵn sàng cho khoá tu năm nay. Chúng con nhận thấy sự hiện diện của những gương mặt quen thuộc trong chiếc y vàng sáng lên trên dãy bàn chứng minh năm nay gồm có: HT Thích Thắng Hoan, HT Thích Tín Nghĩa, HT Thích Thái Siêu, HT Thích Nguyên Siêu, HT Thích Thông Hải, HT Thích

Phước Nhuận, HT Thích Đồng Tuyên, TT Thích Tâm Hoà, TT Thích Minh Quang, TT Thích Nhật Châu, v.v... Điều hợp chương trình là ĐĐ Thích Hạnh Tuệ.

Ba ngày sau đó thứ 6, thứ 7 và chủ nhật, là 3 ngày dành trọn cho việc tu và học dành cho cả 2 giới xuất gia và tại gia cũng như cho các em thiếu nhi. Mở đầu cho mỗi ngày tu học là thời công phu sáng lúc 5:30 với lời hô canh, tụng toạ, và các bài chú Lăng Nghiêm là suối nguồn tươi mát gột rửa tâm chúng con trong lành hơn, tạo năng lượng cho chúng con trước khi bước vào một ngày tu học khép kín.

Về phần HỌC, năm nay BTC sắp xếp 4 lớp học Phật Pháp: 2 lớp tiếng Việt dành cho Tăng Ni, Phật tử, 2 lớp tiếng Anh dành cho Tăng Ni và Phật tử, 1 lớp tiếng Anh dành cho các em thiếu nhi. Xen kẽ các giờ HỌC không thể thiếu phần TU, gồm có 2 thời công phu, tụng kinh, ngồi thiền, bài sám, thì đại chúng cùng nhau tập trung tại hội trường chánh điện.

Theo thời khoá biểu, thứ 6 và thứ 7, mỗi ngày đại chúng Phật tử có 3 thời pháp, mỗi thời pháp có 2 giáo thọ sư thay nhau thuyết giảng trong vòng 1 tiếng 30 phút. Theo đó, các lớp học của Tăng Ni Sinh được sự giảng dạy của các HT Thích Nguyên Hạnh, HT. Thích Phước Nhuận, HT Thích Thông Hải, HT Thích Đồng Tuyên, HT Thích Tín Nghĩa, HT Thích Nguyên Siêu, TT Thích Minh Quang, TT Thích Ân Giao. Lớp tiếng Anh có ĐĐ Thích Đạt Tín đảm nhiệm. Còn các lớp học cho trẻ em thì được Sư cô Thanh Trang và TT Ân Giao điều dặt. Riêng chúng con là học viên lớp tiếng Việt đã lần lượt được học các bài Pháp sau:



- TT Thích Minh Quang và TT Thích Minh Hạnh giảng về đề tài Vô Thường và Giải Thoát Đạo.

- HT Thích Đồng Tuyên giảng về đề tài Cái Có Không Cần, Cái Cần Không Có

- HT Thích Nhật Huệ và ĐĐ Thích Hạnh Tuệ giảng về đề tài trong kinh Kalama.

- HT Thích Tín Nghĩa và HT Thích Nguyên Siêu giảng về đề tài Tinh Thần Học Hỏi Giáo Pháp của Người Con Phật.

- TT Thích Tâm Hoà và TT Thích Quang Minh giảng về đề tài Khổ Đau và Hạnh Phúc Qua Giáo Lý Tứ Diệu Đế.

- HT Thích Thông Hải và TT Thích Hải Chánh với đề tài Tu Trong Mọi Hành Động.

- HT Thích Thắng Hoan giảng về đề tài Duy Thức Học.

Đặc biệt sau thời Kinh Tịnh Độ tối thứ 7, có buổi thắp nến với chủ đề "Thắp Sáng Niềm Tin". Tiếng niệm Phật vẫn chưa dứt mà nến đã được thắp lên chuyển tay nhau trong không gian mờ ảo. Khi tiếng kinh vừa dứt, chạnh điện vang lên giọng trầm ấm của HT Nguyên Siêu: cầu cho thế giới hoà bình chúng sinh an lạc, có lúc giọng Thầy lại cao vút như ngọn lửa bùng cháy, nâng cao tinh thần thắp sáng niềm tin nơi Tam Bảo. Ánh nến lung linh trong tay mỗi người sáng lên như viên minh châu quý báu trong chéo áo gã cùng tử. "Đoàn người cùng tử" chúng con từng bước chậm rãi giữ chánh niệm rời điện Phật, đi theo hàng đôi. Hoàng hôn bên ngoài cũng vừa buông xuống phủ lên dòng người dài đi dọc lối trước khách sạn, ánh nến càng rực rỡ hơn, lung linh hơn. Từ phía này chúng con có thể thấy ánh vàng của chiếc áo Như Lai cũng sáng rực lên giữa màn trời đêm. Hình ảnh và sự kiện này cho chúng con khẳng định hơn rằng, Chánh Pháp của Phật là ngọn đèn soi thấu màn đêm vô minh, còn các trưởng tử Như Lai là những bậc thiện tri thức dẫn dắt chúng con đi đúng con đường của chánh pháp. Ngọn nến soi ngược lại chính mình, thắp sáng Phật tánh nơi tự thân để vững tin rằng một ngày sẽ thành Phật và đem ánh sáng Phật trang trải khắp nơi, vững bước vào đời phiên trước hóa độ chúng sinh.

Riêng ngày chủ nhật (ngày cuối), có chương trình Phật pháp vấn đáp dành cho tất cả các học viên. Đây là cơ hội cho các học viên nêu lên những thắc mắc mà trong quá trình tu học nhất định phải có chỗ không thấu rõ cần sự giải đáp của các bậc minh sư.

Thời gian sau đó là buổi trình chiếu hình ảnh sinh hoạt trong 3 ngày qua, kèm theo bài tường thuật do HT Nguyên Siêu lược ghi với giọng đọc của ĐĐ Hạnh Tuệ. Nhìn những gương mặt vui tươi với nụ cười tràn đầy an lạc của từng học viên đủ mọi lứa tuổi, có vị tóc bạc phơ đến khoá tu này để chuẩn bị tư lương cho những ngày còn lại sau một đời vất vả vì con, vì cháu; có vị còn rất trẻ đến đây để bồi đắp tâm linh làm hành trang cho đường đời còn nhiều chông gai phía trước, và trong đó có

những bé thơ 5 tuổi, 7 tuổi, có bé chỉ vừa tròn 18 tháng, theo mẹ đến khoá tu để gieo những hạt giống tốt lành vào tâm thức thơ ngây. Mong các bé hãy giữ nét sợ tâm đẹp để ấy dài lâu hơn ba mẹ đã từng. Nỗi niềm an vui hạnh phúc của những học viên thay nhau lên phát biểu cảm nghĩ không giấu được qua những lời chân tình, mộc mạc, chất phác như tấm lòng của người con Phật thật dễ thương đáng mến. Tiếng cười vỡ oà, tiếng vỗ tay rộn ràng lúc này đây là lúc thoải mái trải lòng mình trước hội chúng mà không cần văn tự, lễ nghi. Sau đó ni sư Nguyên Thiện gửi gắm tâm tình và lòng tri ân đến với tất cả hội chúng. Ni sư hân hoan truyền trao kinh nghiệm đem đến sự thành công của KTPPBMM kỳ 7 do chính ni sư đảm trách. Đó chính là niềm tin và sức mạnh để vượt qua bao chướng duyên trên lộ trình phụng sự Đạo pháp.

Buổi chiều Chủ nhật là khoá lễ bế mạc để tổng kết những điều gặt hái được trong suốt mấy ngày tu học qua. Ai nấy đều vui mừng với những thành công an lạc, nhưng cũng mạnh dạn nêu lên những thiếu sót để rút kinh nghiệm cho lần sau. Đại diện BTC ni sư Nguyên Thiện tri ân đến tất cả chư tôn đức tăng ni và học viên Phật tử đã thu xếp việc nhà, việc sở để về đây góp phần cho khoá tu học thành công viên mãn ngoài sự mong đợi. Lời khuyến tấn, khích lệ của chư vị tôn đức trước khi chia tay càng làm cho các học viên nôn nóng, mong đợi sớm đến với khoá tu PPBM lần thứ 8 do HT Thích Thông Hải tổ chức tại Hawaii vào tháng 9.2018.

Kính bạch quý Chư Tôn Trưởng Lão, Hoà Thượng, chư Thượng Toạ, Đại Đức, Tăng, Ni,

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử,

Có mặt trong khoá tu năm nay, chúng con lại thấy mình có thêm một phước duyên hội ngộ cùng quý Thầy Cô và các bạn đạo. Thầy trò cùng nhau quây quần dưới bóng uy nghiêm và ánh từ quang của Phật. Hoà mình vào đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm, chúng con vô cùng vui mừng và xúc động. Dù cách Phật lâu xa, nhưng chúng con vẫn còn phước duyên thừa hưởng được pháp lạc từ kho tàng giáo pháp mà đức Thế Tôn đã để lại gần ba ngàn năm qua.

Trong 3 ngày qua, với tinh thần từ bi và trí tuệ của quý Thầy Cô, chúng con vô cùng an lạc qua các thời công phu sáng tối, tụng kinh, niệm Phật, tọa thiền, nghe pháp. Lời kinh tiếng kệ đã xoa dịu tâm hồn chúng con đang trong vòng trầm luân khổ ải. Những phút giây tĩnh tọa, là dịp để chúng con "nhìn" lại chính mình và tất cả chúng sinh đều cùng trôi theo dòng đời huyền hoặc, phù du.

Có lúc trong những thời pháp, lại vang lên những tiếng cười đầm ấm chứa chan hương vị đạo, làm cho hội chúng dễ dàng tiếp thu những bài học Phật pháp tuy sâu lắng nhưng vô cùng gần gũi và thiết thực. Pháp âm của quý Thầy như những áng mây lành che mát cho chúng



con trên bước đường hành thiện và tu thiện giữa trời nắng hạ. Bên cạnh đó, còn gì quý giá hơn cho chúng con với nhiều câu hỏi tưởng chừng như bế tắc trong cuộc sống, đã được quý Thầy tận tình khai mở trong buổi Phật Pháp vấn đáp. Quý Thầy đã chỉ cho chúng con một lối đi giữa con đường đang ngập ngụa muôn vàn sự rối rắm mà đời thường đều không ai tránh khỏi.

Chúng con xin được dâng lời tri ân đến nhị vị Ni Sư Thích Nữ Nguyên Thiên, và Ni Sư Thích Nữ Giới Định, đã vì thương tưởng đến hàng Phật tử chúng con mà gánh vác tổ chức khóa tu này, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi từ nơi ăn chốn ở cho hàng Phật tử chúng con được ấm no cả về vật thực lẫn Pháp thực. Dù là "con gái của Đức Thế Tôn", được gia nhập tăng đoàn sau hết thảy, nhị vị ni sư đã chứng tỏ mình cũng đầy đủ năng lực để hoàn thành tốt đẹp Phật sự cao cả do đại tăng tín nhiệm ủy thác. Trong suốt một năm qua, với niềm tin bất thối và sự kiên định trên nền tảng của giới-định-tuệ, bao khó khăn rồi cũng vượt qua, bao chướng duyên rồi cũng nhẹ nhàng tan biến, để khóa tu PPBM lần 7 năm nay thành công viên mãn, càng tạo thêm lòng tôn kính của chúng con đối với hàng Ni giới mà từ bấy lâu nay vốn đã có, nay lại càng yêu kính nhiều hơn. Từ những việc hoằng Pháp thiết thực như thế này càng cho chúng con thấy rõ hơn lời Phật trong kinh Pháp Hoa, rằng tính Phật của tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không phân biệt người đó là nam hay nữ, là già hay trẻ.

Chúng con cũng xin được tri ân đến quý sư cô, quý cô bác trong ban trai soạn và hành đường, ban đưa rước, ban công văn, ban nghi lễ của quý Phật tử các chùa tại địa phương (chùa Quang Minh, Chùa Trúc Lâm và chùa Phật Bảo), cũng như các Phật tử đã ủng hộ tài vật, cũng như công hiến thời gian, sức lực, và tâm lực phục vụ cho học viên chúng con được an tâm tu học. Xin cảm niệm công đức của tất cả quý Phật tử đã hết lòng hộ đạo trong tinh thần kính Phật, trọng Tăng với niềm tin sắt son nơi Chánh pháp.

Có tụ ắt có tán. Tán rồi lại tụ. Chúng con mong rằng những năm sau sẽ được hội đủ duyên quay về với nhau để cùng hòa mình vào chung một trú xứ. Bởi chính nơi đây dễ cho chúng con thấy cõi lòng an tịnh và sâu lắng hơn sau những tháng ngày dài mệt mỏi vì sự mưu

sinh; để tạm buông bỏ những muộn phiền nhỏ nhen thường nhật. Bài học vô thường bằng bạc khắp nơi, để thấy sinh diệt trong từng đoá hoa dâng Phật, trong từng đợt nắng mưa chợt đến, chợt đi suốt những ngày qua. Mỗi tia nắng hạ rơi xuống từ bầu trời xanh thăm bao la rồi cũng tắt đi để nhường chỗ cho những cơn mưa rào đổ xuống. Mỗi cơn mưa kéo dài là mỗi bài pháp rưới xuống trần gian oi bức bởi những được-mất-hơn-thua, tiền-tài-danh-vọng, hay giọt lệ trời thương khóc thế nhân, bởi không nhận biết rằng đời là bể khổ, để rồi cứ mãi trầm luân... Vòng quay của bốn mùa nắng tuyết gió mưa có khác chi đâu tiếng khóc như mưa rơi, tiếng cười như nắng tắt. Có khác chi đâu một chuỗi vô thường buồn vui thoáng chốc, sướng khổ mỏng lung, còn tử sinh thì vẫn triển miên bất tận...

Bằng sự quán chiếu đó, chúng con tự nhắc nhở mình trên bước đường tu tập. Chúng con nguyện cố gắng áp dụng lời Phật dạy, thực hành giáo pháp ấy trong nếp sống hằng ngày để giảm thiểu khổ đau, hầu đem lại hạnh phúc, an lạc cho tự thân, gia đình và đóng góp vào phẩm chất hòa bình của xã hội. Nguyên với tâm an lạc, thanh tịnh sau khóa tu này cầu cho tất cả chúng sinh an lành, tinh tấn trên con đường tu đạo và hành đạo.

Thật sự hạnh phúc khi ý thức được rằng chúng con như những cánh chim lạc đàn trong buổi chiều đông rét mướt, được nương ánh từ quang tìm về tổ ấm. Nhưng mái ấm chung này cũng chỉ là quán trọ, là nơi tạm dừng chân cho những lữ khách bốn phương. Chính vì lẽ đó mà ngày học cuối cùng cũng là ngày Thầy và trò chia tay nhau mỗi người một hướng, như cánh chim nhẹ bay vào khung trời cao rộng, mà hành trang duy nhất là sự hỷ lạc sau bốn ngày cùng nhau tu học, dưới sự dẫn dắt của các bậc ân sư giới đức tròn đầy.

Ngày xưa chú bé Phật vừa đản sanh đã bước đi bảy bước - "bảy đoá sen vàng nâng gót tịnh", kể từ đó về sau Đức Phật chưa hề dừng bước chân du hoá khắp nẻo đường gió bụi, đem Đạo Vàng gieo rắc muôn nơi. Ngày nay, khóa tu PPBM do GHPGVNTNHN Hoa Kỳ và Canada đồng tổ chức hằng năm, đã cất bước đi trọn vẹn bảy mùa hoằng hoá Đạo Pháp trên xứ người. KTPPBM 7 năm nay đánh dấu sự vững vàng hơn trong sự kết hợp điều hành tổ chức của hai giáo hội PGHK và Giáo Hội Canada và, trong tương lai sẽ tiếp tục là một trong những Phật sự lớn của cộng đồng Phật Giáo hải ngoại trong việc hoằng dương Chánh Pháp, trở thành điểm đến tìm cầu tâm linh, duy trì và giữ gìn ba ngôi Tam Bảo, đồng thời phát huy nền văn hóa Phật Việt nơi xứ người.

Từ phương xa, xin kính cẩn chắp tay búp sen nguyện cho tất cả chúng sinh sáu thời được an lành.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

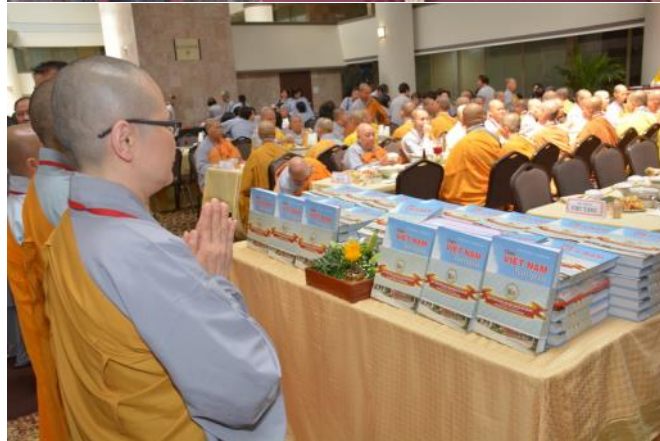
Ngày 28 tháng 7 năm 2017

Diệu Trang

**HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 7
TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ SKOKIE, TIỂU BANG ILLINOIS, HOA KỲ
TỪ NGÀY 20 ĐẾN 23 THÁNG 7 NĂM 2017**



**HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 7
TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ SKOKIES, TIỂU BANG ILLINOIS, HOA KỲ
TỪ NGÀY 20 ĐẾN 23 THÁNG 7 NĂM 2017**



Photos by Võ Văn Trường

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương hai

Từ chỗ tôi, chùa Long Tuyền, đến chùa Phước Lâm, nếu đi trên lộ chính, vòng qua phố Hội An, cũng mất gần một tiếng rưỡi đồng hồ mới đến. Cho nên chúng tôi chọn đường tắt, tức là sẽ băng ngang trại lính Đại Hàn bỏ hoang phía sau chùa, qua nhiều khoảnh ruộng nhỏ và những xóm nhà lụp xụp nép mình dưới những rặng dương xanh đàng xa. Chú Tử gọi lối đi như vậy là "đi đường ruộng," chỉ mất chừng hơn nửa giờ.

Trại lính hình như cũng được xây một cách dã chiến, cho nên khi nó bị bỏ hoang, chúng tôi đi ngang đó như ngang một bãi sa mạc, chẳng còn dấu hiệu gì rõ rệt chứng tỏ trước đây đã có mấy trăm quân nhân đồn trú. Lác đác đây đó một vài tấm ri đã rỉ sét. Trong vòng hai tháng đầu tiên miền Nam mất vào tay người cộng sản, đồng bào địa phương đã vào đây khuân, vác, lôi, kéo... tất cả những gì còn sót lại của trại. Từ tôn, gỗ, ván, cọc sắt, lưới chống đạn B-40, vỏ đạn đại bác, cho đến giày thép rào hay những chiếc giày không cùng cỡ... chẳng có thứ chi mà người ta phung phí bỏ qua. Thậm chí có những món mà khi nhặt về, người ta chưa nghĩ ra nó sẽ được sử dụng vào việc gì trong tương lai, nhưng cứ mang về cái đã; chắc chắn sẽ có một lúc nào dùng tới, còn hơn là không có gì hết – một bác phật-tử ở gần chùa đã nói như thế (làm như thế khi những người "vô sản" nắm chính quyền thì thiên hạ sẽ không còn có tài sản gì hết vậy!).

Xa xa về hướng tây, ngoài vòng rào của trại lính, một cái đài liệt sĩ cao vút được dựng lên trên bãi cát khô cứng mà cỏ không chịu mọc. Có lẽ hồi trước đã có nhiều trận đánh lớn diễn ra tại đây và những du kích quân tấn công vào đồn lính này đã thất bại, chết thảm quanh vùng. Đài tưởng niệm được xây để ghi công

những người đó. Như vậy, nhìn chung, khung cảnh bao quanh chùa Long Tuyền xác xơ, cằn cỗi, khô khốc, chỉ có những dấu hiệu của chiến tranh và chết chóc. Phần diện của cái xác xơ tiêu điều ấy chính là ngôi chùa Long Tuyền. Từ xa nhìn lại, tôi mới thấy được cái đẹp đơn sơ mà lại tráng lệ của ngôi chùa ấy – không phải là sự tráng lệ của một kiến trúc đồ sộ, nguy nga, mà là vẻ tráng lệ, huy hoàng của một bức tranh tuyệt sắc mà chỉ có cặp mắt và đôi tay của thiên nhiên mới tạo ra nổi. Vâng, quả là chùa Long Tuyền với mái ngói tường rêu, bao bọc bởi một số cây cao mọc không trật tự, không ngăn nắp, mới có được dáng vẻ hài hòa với thiên nhiên một cách đặc biệt như vậy. Bên cạnh tháp Đa Bảo là một cây bàng cổ thụ, tàng lá nửa xanh nửa đỏ, rộng như một cánh dù hay một tai nấm khổng lồ. Quanh bờ ao ở góc phải tam quan là mấy cây dương cao vút không hề bận tâm chuyện đứng thẳng hay ngay hàng: cây thì xiêu bên đông, cây thì vẹo bên tây. Lác đác quanh vườn chùa là những cây ăn trái như cây xoài, mận, ổi, ô-ma, sa-bô-chê... và những loại cây cảnh hay tạp lục khác như da, gòn, bồ đề, phượng vĩ, bạc hà, bạch đàn, so đũa, sấu đông... Cây nào muốn mọc ở đâu thì mọc, tự do như cỏ mùa xuân, miễn là không mọc ngay trên lối đi hay trong phòng tăng là được rồi. Vậy mà lại đẹp. Bước xa hơn, nhìn lại, Long Tuyền chỉ còn là một hải đảo xanh um, nổi bật lên giữa bãi cát trắng phau của xã Cẩm Hà.

Vượt qua trại lính bỏ hoang, chúng tôi mới thực sự thấy được dấu hiệu của sự sống. Đồng ruộng với những lá lúa non mơn mớn mới cấy vài ngày, ánh lên dưới nắng mai một màu xanh mướt, mát dịu cả mắt. Nheo mắt mà nhìn, trước mặt tôi, những khoảnh ruộng vuông đan kết với nhau trở thành một tấm lụa rộng, đẹp, gợn lên những đợt sóng lặn tăn mảnh mai khi có gió vờn qua.



Trong một phút băng khuâng, tôi bỗng buột miệng nói với chú Tửu:

"Hồi xưa người ta vẫn mơ là khi có hòa bình rồi, trại lính và nhà tù sẽ biến thành bệnh viện và trường học. Những đất bỏ không sẽ được khai khẩn thành ruộng rẫy, xây dựng thành khu dân cư trù phú. Vui sướng biết bao! Phải chi... nước mình hòa bình mà không còn cộng sản hay quốc gia, không có chuyện phân biệt phe phái để trả thù, đày đọa nhau..."

"Chú mơ mộng quá. Giấc mơ hòa bình của chú hồi còn ở trường Bồ Đề trước kia, đến giờ vẫn y nguyên há! Hai bên vì phúc lợi dân tộc, cùng bỏ súng xuống để nói chuyện với nhau trong thương yêu, hiểu biết! Thực ra người quốc gia có thể làm được chuyện đó, nhưng mấy ông Việt cộng thì khó lắm. Tôi chẳng biết vì sao, chỉ cảm thấy là hình như họ không phải là loại người có thể nói chuyện mà không mang theo những hận thù, cố chấp."

"Có lẽ vì họ được đào luyện để trở thành những người như vậy. Mà hình như khi mình có thành kiến, cho rằng họ cố chấp, không thể nào thay đổi, thì chính mình cũng là những người cố chấp rồi đó, phải không chú?"

Tửu cười:

"Cũng đúng... nhưng thực tế thì họ cố chấp thực đó chứ. Họ đang hăng say chuyện chiến thắng nên chỉ muốn trả thù, muốn ra lệnh, muốn làm mọi thứ theo ý họ, đâu cần phải nói chuyện hay hỏi ý ai nữa. Rồi kết quả là trường học, nhà thương giảm xuống, đồn công an và nhà tù tăng thêm..."

"Cho nên những người quốc gia đã bỏ súng, bây giờ muốn lượm lên, đánh lại. Và giấc mơ hòa bình vẫn cứ là giấc mơ. Chú thử nghĩ xem, làm sao tôi có thể hết ước mơ hòa bình được chứ!"

Chúng tôi cùng cười. Nụ cười chẳng mang theo một chút vui nào cả.

*

Đến chùa Phước Lâm, chúng tôi vào dãy hậu liêu tìm thăm vài người bạn, rồi tìm thăm thầy Thiện Phước, một giáo sư cũ của chúng tôi ở trường Bồ Đề cũng như ở Phật học viện. Phòng của thầy nằm ở dãy nhà phía trái của chánh điện. Thấy chúng tôi, thầy vui mừng đưa vào phòng khách ngồi chơi, uống trà.

"Chú Khang độ này lớn hẳn đó nghe. Mới

mấy tháng nghỉ học mà đã cao to quá, hơn tôi cả cái đầu. Năm này bao nhiêu rồi?"

"Đạ mười bảy."

"Cha, mười bảy mà vậy đó, cao lớn trở mã ra, mà đẹp trai nữa! Kiểu này thì chết chắc! Coi chừng..." thầy nói nhỏ giọng xuống, "coi chừng Ma-đăng-già bắt cóc chú đó!" rồi cười ha hả.

Tôi cũng cười theo chứ chẳng nói chi. Từ ngày vào chùa cho đến lúc đó, thỉnh thoảng nghe chuyện một tu sĩ sa ngã vì vấn đề tình cảm đến nỗi phải hoàn tục, tôi thường thấy tội nghiệp cho họ mà trong tôi cũng nẩy sinh chút khinh thường, ngạo mạn. Tôi cho rằng chỉ vì họ thiếu nghị lực, thiếu cương quyết. Có chút chuyện đàn bà, con gái mà không vượt qua nổi thì làm sao nói chuyện kiến tính thành Phật! Trong cửa chùa có thiếu gì phương pháp để xa lánh hay cắt tuyệt con đường ái dục. Nội bốn phép quán căn bản và thông dụng nhất là *Tứ niệm xứ* cũng đủ sức để chống lại cái nạn Ma-đăng-già rồi. Mà thật ra cũng chẳng cần dùng chi cả bốn pháp quán, chỉ cần một thôi, như *quán thân bất tịnh* chẳng hạn, là đủ. Bao nhiêu cảm dỗ, bao nhiêu cái đẹp chim sa cá lặn, sắc nước hương trời, nghiêng thành đổ nước... cũng là thứ vất đi!

Pháp *quán thân bất tịnh* được giải thích và triển khai thành nhiều cách. Nhưng tựu trung vẫn là phương pháp quán xét thân thể một cách tường tận để nhìn rõ mặt trái như bần, xấu xí, vô giá trị của nó. Hồi xưa, đức Phật bảo các đệ tử mà sức định tâm quán tưởng còn kém, vào rừng tìm đến nơi những người nghèo hay giai cấp cùng đinh đem vất xác chết người thân của họ, ngồi nhìn và suy tưởng trước một tử thi từ ngày đầu tiên đến ngày thối da rữa nát, từ từ chỉ còn bộ xương. Người đã quen việc quán tưởng (cũng gọi là *niệm*, hay *quán niệm*) thì chỉ cần ngồi xếp bằng chỗ thanh vắng, tự phân tích chi li về thực chất của từng bộ phận trong cơ thể của mình như da, thịt, mỡ, lông, tóc, móng tay, móng chân, máu, mủ, đờm, dãi v.v... Trong khi thực hành pháp quán ấy, đương sự đắm nhờm tởm, khinh ghét, không say đắm vào thân nữa, đánh bật đi sự mê chấp vào một cái thân đẹp để thương tho. Và khi sự quán sát hay quán tưởng thuần thực, đương sự có thể nhìn một người đang đứng trước mặt mình như nhìn một bộ xương khô, hay một cơ thể lở loét dơ bẩn.

Còn Ma-đăng-già (Matanga) thì được kể trong truyện tích Phật giáo như là một tấm gương rất sáng cho cả người tu bên nam phái lẫn nữ phái. Ma-đăng-già là một thiếu nữ thuộc giai cấp hạ tiện của Ấn Độ thời đức Phật. Một hôm Ma-đăng-già đang xách nước giếng, bỗng có nhà sư tên là A-nan (em họ của Phật) đi khát thực về ghé xin nước uống. Dâng nước cho nhà sư rồi, nàng phát giác rằng nhà sư này quá đẹp, từ diện mạo đến thân tướng đều sáng rỡ, uy nghiêm, thể gian khó có người sánh được. Về nhà, nàng đem lòng tưởng nhớ, tương tư. Mẹ nàng biết được bèn giúp con bằng cách

nhờ một thầy phù thủy cho bùa chú để bắt cóc A-nan về làm chồng, vì biết rằng xin "cưới chồng" một cách chính thức sẽ không bao giờ được chấp nhận. Không rõ do vì bùa chú linh thiêng hay vì A-nan trong một phút yếu lòng, đã nghe lời mời của Ma-đăng-già, bước vào nhà của cô ta. Khi Ma-đăng-già đóng cửa lại, A-nan mới sực tỉnh, biết rằng mình là người tu, không được phép vào nhà nữ nhân theo cách đó, bèn tưởng nhớ đến Phật và tìm cách thoát về được. Những ngày kế tiếp, Ma-đăng-già thấy A-nan đi ngang nhà là cứ lò dò bám theo, chẳng làm gì, chỉ để nhìn ngắm và tìm cơ hội ôm thối. A-nan sợ hãi mà chẳng biết làm sao, bèn thưa lên đức Phật, xin chỉ cách đối phó. Đức Phật bảo A-nan hãy mời Ma-đăng-già về tịnh xá để Phật nói chuyện. Ma-đăng-già nghe Phật mời thì đâm sợ, nhưng vì quá yêu A-nan nên cũng mạnh dạn đến tịnh xá. Đức Phật hỏi:

"Cô yêu A-nan thực sao?"

"Dạ... phải."

"Cô muốn lấy A-nan làm chồng không?"

"Dạ... muốn."

"Với một điều kiện, cô bằng lòng không?"

"Dạ mấy ngàn điều kiện cũng được."

"Vậy cô hãy cạo tóc xuất gia, tu học đàng hoàng như một ni cô trong vòng một năm, sau đó ta sẽ cho phép cô lấy A-nan làm chồng."

Ma-đăng-già mừng rỡ chấp nhận điều kiện duy nhất mà cô thấy có vẻ dễ thực hiện do đức Phật đưa ra. Nhưng đâu chừng nửa năm siêng năng và liên tục thực hành các pháp quán tưởng thiền định, trong đó có cả pháp quán thân bất tịnh, Ma-đăng-già giác ngộ, thấy được sự say đắm lỗi bịch của mình trước kia, quỳ lạy Phật sám hối. Lúc bấy giờ, A-nan vẫn chưa chứng đắc được Thánh quả nào. Ma-đăng-già là kẻ đến sau mà lại thành công trước. Và dưới đôi mắt giác ngộ của Ma-đăng-già lúc đó, chính A-nan, nhà sư có thân tướng đẹp đẽ và đức hạnh vẹn toàn ấy cũng chỉ là một gã phàm phu tục tử.

*

"Chú Khang, nghĩ gì vậy?" thầy Thiện Phước hỏi.

"Dạ, đâu có gì," tôi đáp.

"Dạo này chú có sáng tác thơ văn gì không?"

Chú Tửu đáp thay tôi:

"Cuộc ruộng thì có. Văn thơ gì nữa thầy."

"Cuộc ruộng à? Chú Khang cũng ra ruộng sao?" thầy Thiện Phước lại ngạc nhiên.

"Dạ, con cũng lớn rồi chứ đâu có nhỏ nhít gì nữa thầy," tôi đáp.

"Làm ruộng thì làm chứ, bên này tụi tôi cũng ra ruộng hết chứ có ai ở không đâu. Khi nào rảnh thì cứ đọc sách, viết. Văn thơ phải luyện, chú à. Chẳng có thiên tài nào ngồi không mà thành tựu được sự nghiệp cả. Viết văn, ôi, cái nghề cao quý làm sao!" thầy Thiện Phước nói.

Tôi nhìn ra ngoài sân, chỗ mấy con chim sẽ đang nhảy, nói bằng giọng:

"Nhưng luyện văn rồi viết cái gì, viết cho ai đây?"

"Chú còn trẻ mà sao bi quan quá. Hề mình có tài thì phải có chỗ dùng chứ. Viết hay thì ở xã hội nào mình cũng phục vụ được mà. Huống chi, đất nước đã hòa bình rồi."

"Hòa bình? Thầy nghĩ rằng đất nước hòa bình rồi sao!" tôi hỏi.

"Chứ còn gì nữa. Không còn hai phe bắn giết nhau. Hết chiến tranh, không phải hòa bình thì là gì! Và bây giờ là lúc tuổi trẻ tụi mình đứng ra xây dựng và phục vụ đất nước."

"Con thấy hình như thực tế không đơn giản như thầy nghĩ," chú Tửu chen vào.

"Nghe chú Nguyễn nói ở các tỉnh, người ta đã có chiến dịch bài trừ văn hóa đồi trụy gì đó. Sách vở của chế độ trước phải đem giao nộp cho ban văn hóa địa phương; nếu không, ban văn hóa cũng vào từng nhà để lục xét, tịch thu. Sắp tới lượt thị xã Hội An trong một ngày gần đây," tôi tiếp lời chú Tửu.

"Thì họ tịch thu những gì được liệt vào loại đồi trụy thôi, còn cái chi đẹp cũng được giữ lại. Làm vậy thì tốt chứ có sao đâu. Vẫn là về đẹp mà. Cái gì không đẹp thì vất bỏ đi, dẹp cho sạch đi, để đất nước chỉ còn những gì tươi mát, trong sạch, đẹp đẽ. Không phải rằng đó cũng là một trong những ý nguyện mà người tu mình đeo đuổi, thực hiện sao?" thầy Thiện Phước lại say sưa giải thích.

Lời thầy ấy cũng làm tôi hoang mang không ít. Từ ngày có chế độ mới, tăng sinh chúng tôi đều bỏ học, chỉ ở trong chùa, vừa tu tập vừa làm ruộng rẫy mà sống, mọi tin tức sinh hoạt của xã hội bên ngoài đều mù tịt; có biết gì chẳng thì cũng chỉ là "nghe nói." Tôi đã nghe nói như vậy, như kia... Biết đâu là đúng, là sai. Nhưng, tôi bỗng sực nhớ ra một điều, và buột miệng nói liền:

"Nếu nói rằng dẹp đi những cái đồi trụy xấu xa, giữ lại cái đẹp thôi, thì tại sao các Phật học viện phải đóng cửa, không đào tạo tăng sĩ nữa? Nghe nói trường đại học Vạn Hạnh trong Sài Gòn cũng bị nhà nước tịch thu. Còn các trường Bồ Đề trên toàn quốc, không còn trường nào thuộc giáo hội nữa. Tất cả đều trở thành trường của nhà nước."

Thầy Thiện Phước định nói gì đó, nhưng tôi cứ nói tiếp, nên thầy phải ngưng mà nghe:

"Còn chuyện viết văn làm thơ... có còn tờ báo nào nữa đâu mà viết. Nghe chú Nguyễn nói tờ *Thăng Bờm* của bác Nguyễn Vỹ hay các tờ *Tuổi Hoa*, *Tuổi Ngọc* v.v... của Duyên Anh, bây giờ cũng dẹp hết rồi. Chỉ nói các tờ báo dành cho thiếu nhi đó thôi, không cần phải đề cập đến những tờ báo tư tưởng, văn nghệ khác của người lớn, cũng đã thấy là có cái gì bất ổn rồi. Loại sách báo như vậy cũng đồi trụy, cũng xấu xa cả sao! Còn những tờ của Phật giáo như *Tư Tưởng*, *Vạn Hạnh*, *Hải Triều Âm*, *Viên Âm*, *Đuốc*



Tuệ, Liên Hoa... đều đã đình bản. Các sách của thầy Nhất Hạnh, sách của ông Phạm Công Thiện, Nguyễn Hiến Lê, Bùi Giáng, Đoàn Quốc Sỹ và nhiều tác giả khác nữa, bất kể họ viết về chủ đề nào, đều bị tịch thu, đốt... Thầy từng cho con mượn các sách báo đó để đọc mà, có cái gì đòi truy trong đó chẳng? Trường học cũng lấy, sách báo cũng dẹp, cái gì thuộc về tư nhân là bị dẹp bỏ không cần biết nội dung đích thực của nó. Mọi thứ đều trở thành của nhà nước. Vậy thì còn cái gì để bàn hay làm nữa!"

Nghe tôi nói vậy, thầy Thiện Phước như giật mình, nhìn tôi một lúc, trầm ngâm suy nghĩ, rồi lắc đầu, cười cười, không phát biểu gì nữa. Chú Tửu thấy vậy bèn lấy chân đá vào chân tôi cho tôi im, rồi chú nói:

"Chắc cũng có sai lầm gì đó trong thời gian đầu, rồi sau sẽ sáng sủa hơn, phải không thầy?"

Thầy Thiện Phước gật gù nói ngay:

"Tôi cũng nghĩ vậy. Buổi giao thời tất phải có những lệch lạc, từ từ rồi người ta điều chỉnh lại hết."

"Vậy rồi sau này, chuyện tu học của tụi con chắc cũng bình thường trở lại, phải không thầy?" chú Tửu tiếp tục hỏi.

"Chắc chắn rồi," thầy Thiện Phước trả lời rồi nhìn qua tôi.

Tôi hơi dụi xuống một chút, nhưng cũng hết muốn phát biểu điều gì. Chú Tửu thấy không khí im lặng quá, lại hỏi tiếp:

"Thầy nghĩ ngoài chuyện tu học ra, tăng sĩ có cần phải làm gì để đóng góp cho đất nước những ngày hết chiến tranh không?"

"Hay, câu hỏi hay. Dĩ nhiên là phải đóng góp rồi. Xưa nay, tăng sĩ Phật giáo chúng ta thiếu những đóng góp thực tiễn cho cuộc đời. Bây giờ là cơ hội tốt để chúng ta xắn tay lên, làm việc. Từ thành thị đến thôn quê, sau thời gian dài với bao tàn phá của chiến tranh, đất nước và cả lòng người nữa, cần được bồi đắp, hàn gắn những vết thương đó. Người tu sĩ Phật giáo phải có mặt khắp nơi để thực hiện hoài bão cứu người, giúp đời mà họ hằng ôm ấp."

Tôi lại chen vào:

"Chuyện xắn tay làm việc là phải rồi, chẳng ai muốn từ chối. Nhưng con thấy hình như nó không đơn giản như thầy nghĩ. Hình như giữa

những người tăng sĩ Phật giáo và những người cầm quyền của chính quyền mới có một khoảng cách rất xa, khó có sự cảm thông để có thể cùng làm việc xây dựng đất nước được. Hơn nữa... hình như cuộc chiến chưa chấm dứt. Con vẫn còn nghe phong thanh rằng có tàn quân đánh phá ở các vùng biên giới, hoặc thỉnh thoảng xuất hiện ở rừng Sát trong nam, hoặc ở các rừng già cao nguyên..."

"Đó chỉ là chuyện lẻ tẻ. Họ là tàn quân, không phải là một chính phủ hằn hoi như trước. Tàn quân của một chính quyền sụp đổ hoàn toàn chỉ được nhìn như là quân phiến loạn thôi. Chỉ có chiến tranh giữa quân đội của hai chính phủ, hai quốc gia chứ làm gì có chiến tranh giữa một chính phủ và một đám tàn quân. Đất nước đã hòa bình."

"Con không nghĩ vậy. Con có cảm giác là nửa phần đất miền Nam đang bị người cộng sản xâm chiếm, và người dân miền Nam bất mãn, muốn giành lại đất này," tôi nói.

Thầy Thiện Phước cười phá lên:

"Làm gì có chuyện xâm chiếm. Nước Việt Nam của người Việt Nam. Tàu chiếm, mình chống; Pháp xâm lăng, mình đánh; Nhật và Mỹ xua quân vào, mình đuổi. Cái gì gọi là xâm chiếm chứ? Mình có chiếm nước Tàu, nước Pháp, nước Nhật, nước Mỹ đâu! Mình giành lại đất Việt của mình thôi mà. Người cộng sản Bắc Việt là người Việt Nam chứ có phải người ngoại bang đâu! Cũng là anh em một nhà cả!"

"Nhưng..."

Tôi định nói điều gì đó mà chẳng nói được. Sự hiểu biết của tôi còn cạn kiệt quá, không đủ để cãi lý với thầy ấy. Hình như trong tôi không nảy ra được ý niệm nào rõ rệt về những người cộng sản, về chính quyền mới. Chỉ có những hình ảnh là đọng rõ trong tâm tưởng. Vâng, đó là những hình ảnh đơn thuần là hình ảnh, chẳng phải ý niệm để có thể phát ra lời lẽ: hình ảnh những người bộ đội, công an cộng sản từ miền Bắc mang súng, mang cờ, mang biểu ngữ vào Nam, thay đổi đột ngột nếp sống xã hội, làm hãi sợ người dân miền Nam. Tù đầy, xử tử, đốt sách báo... Những hình ảnh ấy kinh khủng quá, vượt quá sự tưởng tượng của tôi. Đầu phải tôi chưa từng đọc truyện, sách hay báo viết về chiến tranh, về những vụ đẫm máu trong những cuộc chiến trên thế giới. Tôi đã từng lên án chiến tranh, ghê tởm sự giết chóc trong những bài luận văn của mình. Nhưng ít nhất tôi cũng có thể chấp nhận, hay đúng hơn, có thể hiểu được tâm trạng và hoàn cảnh của hai kẻ đối địch cầm súng bắn nhau ngoài trận địa, chứ không sao nhìn nhận được sự kiện những kẻ nắm quyền lực trong tay, trấn áp, đày đọa những người cô thế không phương tự vệ. Bất kể những kẻ có vũ lực và uy quyền đó nhân danh ai, nhân danh chủ nghĩa nào, tôn giáo nào, ý thức hệ nào để chèn ép hay tước đoạt quyền sống và sự tự do của kẻ khác, tôi đều thấy kinh tởm và bất bình trong lòng.

Cho nên, tôi rất ngạc nhiên khi thấy thầy

Thiện Phước có vẻ như đã dành nhiều thiện cảm cho chính quyền mới. Thầy cũng như một số người dân miền Nam khác đã đón nhận chính quyền mới như là đại diện của một lý tưởng rất gần gũi với dân tộc. Có lẽ là do sự lạc quan, tin tưởng thái quá vào một chế độ ở những lời rêu rao của nó mà không nhìn thấy cái thực tế cũng như bản chất sâu xa bên trong. Tôi chưa đủ trưởng thành về tuổi tác cũng như về kiến thức để có những nhận định đúng đắn về chế độ mới, nhưng tôi đã sớm thấy, bằng sự nhạy bén xúc cảm của mình rằng, cái gì thường được phô trương quá đáng về bề mặt thì thường ít có giá trị về bản chất; và tổ chức, đoàn thể nào được bành trướng, phát triển nhờ sự hỗ trợ của quyền lực để cưỡng bức kẻ khác theo mình thì thường không phải là tổ chức hay đoàn thể tốt đẹp, bất kể tổ chức đó trưng bày những lý tưởng thiêng liêng cao cả nào.

Tăng sĩ Phật giáo, không thể hời hợt như những thường dân trong sự nhận định và hợp tác với các thế lực chính trị thế tục. Huống chi, tôi vẫn có niềm tin rằng những người tăng sĩ Phật giáo khi đã chọn lý tưởng giải thoát giác ngộ làm sự nghiệp tất sẽ không còn chọn lựa một thứ lý tưởng thế tục tầm thường nào khác. Cho dù một chính quyền hay một thứ đảng phái nào đó đề ra những phương châm, những chính sách hay ho để cải thiện đời sống xã hội, con người, điều đó cũng không nói được rằng họ đã có lý tưởng quý giá đáng để người tăng sĩ Phật giáo bỏ lý tưởng của mình mà đi theo. Hai thứ lý tưởng đó khác nhau; một bên là lý tưởng thế tục, một bên là lý tưởng tôn giáo (cứ cho Phật giáo là một tôn giáo theo cách phân loại và định nghĩa đơn giản nhất). Nếu cho rằng con người tôn giáo cũng phải có những lỗi đi không thể thoát ly thế tục—chẳng hạn chuyện tham gia phục vụ xã hội, phục vụ con người—và tăng sĩ phải bắt tay vào việc xây dựng cuộc đời thì sự can dự vào cuộc đời ấy cũng đã được đề cập và được khích lệ bởi chính lý tưởng (Đại thừa) Phật giáo. Và như vậy, sự thay đổi của các chính quyền thế tục cũng không tăng thêm gì cho lý tưởng cứu đời của tăng sĩ Phật giáo. Chỉ có các chính quyền ngăn cản hay hỗ trợ cho tăng sĩ Phật giáo thực hiện con đường cứu khổ ban vui, chứ không hề có chính quyền nào "dạy" hay "ảnh hưởng" lý tưởng thế tục của họ vào lý tưởng của tăng sĩ Phật giáo cả. Từ lý tưởng giác ngộ đến phương châm nhập thế độ sanh của Phật giáo đều đã thể hiện đầy đủ những bước đi cao đẹp được truyền tiếp bởi nhiều thế hệ tăng sĩ thoát tục; qua đó, những kẻ nổi gót hiền nhiên đã tự gia nhập vào hàng ngũ ấy một cách cao cả, tuyệt vời, không cần phải vay mượn, mô phỏng, ngạc nhiên hay thán phục bất kỳ một chủ thuyết, ý thức hệ hay lý tưởng xã hội nào khác. Nếu có chẳng một sự tán thưởng của tăng sĩ Phật giáo đối với một chính sách nào đó của một chính quyền thì sự tán thưởng này cũng



chỉ nhằm khích lệ một đường hướng tốt đẹp mang lại lợi ích cho số đông, chứ không phải là một sự tán thưởng bởi sợ hãi, xu nịnh hoặc ngưỡng mộ đến nỗi phải sát nhập lý tưởng xuất trần cao đẹp của mình vào thứ lý tưởng thế tục của phe nhóm cầm quyền ấy.

Tăng sĩ, những kẻ trọn đời dẫn mình vào sự nghiệp hoàn thiện nhân cách và mưu cầu hạnh phúc cho thế gian (mà không đòi hỏi gì cho mình về quyền lợi vật chất hay ngay cả những thứ quyền lợi tinh thần như danh tiếng, sự biết ơn, lòng ngưỡng mộ của kẻ khác) chính là những tấm gương đẹp cho những người thế tục tham cầu lợi dưỡng tự soi, phản tỉnh, chứ không phải là ngược lại.

Tháng trước, chú Phương từ Nha Trang ra cho tôi hay rằng những chú tiểu cùng học với tôi trước kia đa phần đã hoàn tục và hòa nhập vào xã hội mới. Tin đó đã làm tôi buồn bã nhiều ngày. Nhưng sau đó, tôi đã tự an ủi mình rằng, chỉ vì những chú tiểu ấy còn tùy thuộc vào gia đình nhiều quá nên không cưỡng lại được sự dẫn dắt của gia đình trước mọi hoàn cảnh—nhất là hoàn cảnh mới hiện nay, một xã hội với một chính quyền cũng do người Việt Nam nắm lấy nhưng rất xa lạ với tâm tư và nếp sinh hoạt truyền thống của đồng bào miền Nam. Nhưng nay, tôi biết thêm là có một vài người dù còn khoác áo tăng sĩ, đã tỏ ý ngưỡng mộ một lãnh tụ thế tục, hay phản khởi trước sự phô trương hào nhoáng lý tưởng cách mạng xã hội của một đảng chính trị cầm quyền. Điều này mới làm tôi giật mình và sững sốt hơn. Có thể trước mắt tôi, thầy Thiện Phước, là một người điển hình cho số người ấy. Tôi không sao hiểu nổi. Tôi thấy không còn hứng thú để nói chuyện với thầy ấy, bèn nhắc chú Tử đi gặp thầy trụ trì chùa Phước Lâm để mượn bộ kinh Pháp Hoa chữ Hán rồi ra về.

(mời xem tiếp chương 2, kỳ 2)

Vĩnh Hào